

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

---

HOÀNG THỊ THU HẰNG

**HÁT HẦU VUA TRONG LỄ CẤP SẮC  
CỦA NGƯỜI DAO LÔ GANG Ở HỢP TIẾN,  
ĐỒNG HỖ, THÁI NGUYÊN**

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 60.22.01.21

LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS Nguyễn Hằng Phương

THÁI NGUYÊN – 2016

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của cô PGS.TS Nguyễn Hằng Phương. Toàn bộ luận văn và tư liệu dịch thuật là trung thực và chưa từng được sử dụng hay công bố bất kỳ dưới hình thức nào.

Các nguồn tài liệu sử dụng để tham khảo được trích dẫn đầy đủ và chính xác. Mọi sự giúp đỡ từ nhiều cá nhân cho việc thực hiện luận văn đã được cảm ơn.

Thái Nguyên, tháng 04 năm 2016

Tác giả luận văn

**Hoàng Thị Thu Hằng**

## LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình thực hiện luận văn, tôi đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các thầy, cô giáo, gia đình, đồng nghiệp và bạn bè.

Trước hết, tôi xin được gửi lời cảm ơn chân thành và sự tri ân sâu sắc đến cô giáo hướng dẫn khoa học PGS.TS Nguyễn Hằng Phương đã tận tình chỉ bảo và động viên tôi trong suốt quá trình nghiên cứu, thực hiện và hoàn thành luận văn.

Tôi xin được bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới quý thầy, cô trong khoa Ngữ văn - Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đã hết lòng truyền đạt tri thức cho tôi trong quá trình học tập.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Ban giám hiệu, Phòng Đào tạo trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên và thư viện trường Đại học Sư phạm đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ tôi hoàn thành luận văn.

Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới bác Triệu Tiến Phan (thầy cúng cấp sắc) và chú Triệu Văn Phương (nghệ nhân) ở Hợp Tiến - Đông Hỷ - Thái Nguyên đã không quản khó khăn giúp đỡ tôi trong suốt thời gian điền dã, thu thập tư liệu và tiến hành công việc dịch sách được thuận lợi.

Chân thành cảm ơn gia đình, bạn bè đã luôn bên tôi khích lệ, động viên và giúp đỡ tôi trong suốt thời gian thực hiện luận văn

Mặc dù, bản thân đã có sự nỗ lực cố gắng nhưng do thời gian tương đối ngắn và bản thân chưa có kinh nghiệm trong việc nghiên cứu, cho nên khó tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót. Vì vậy, tôi rất mong nhận được sự thông cảm và những ý kiến đóng góp, chỉ bảo của các thầy, cô giáo.

Thái Nguyên, tháng 04 năm 2016

Tác giả luận văn

**Hoàng Thị Thu Hằng**

## MỤC LỤC

Trang

LỜI CAM ĐOAN .....	i
LỜI CẢM ƠN .....	ii
MỤC LỤC .....	iii
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Lý do chọn đề tài .....	1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề .....	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu .....	7
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	8
5. Phương pháp nghiên cứu .....	8
6. Những đóng góp của luận văn .....	9
7. Bố cục của luận văn .....	9
<b>NỘI DUNG</b> .....	10
<b>Chương 1. KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ, XÃ HỘI, VĂN HÓA CỦA NGƯỜI DAO Ở HỢP TIẾN, ĐỒNG HỖ, THÁI NGUYÊN VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN</b> .....	10
1.1. Vài nét về cộng đồng người Dao .....	10
1.1.1. Cộng đồng người Dao Thái Nguyên .....	10
1.1.2. Cộng đồng người Dao ở Hợp Tiến, Đồng Hỷ, Thái Nguyên .....	11
1.2. Một số vấn đề lý luận .....	19
1.2.1. Dân ca và dân ca Dao .....	19
1.2.2. Hát Hầu Vua .....	21
1.3. Khái quát về các bài hát trong lễ cấp sắc của người Dao Lô Gang ở Hợp Tiến, Đồng Hỷ, Thái Nguyên .....	23
1.3.1. Nguồn gốc các bài hát và hát Hầu Vua .....	23
1.3.2. Các bài hát trong lễ cấp sắc gắn liền với phong tục, tín ngưỡng .....	25
1.3.3. Nghi lễ cấp sắc và phương thức diễn xướng các bài hát Hầu Vua .....	27

<b>Chương 2. NỘI DUNG CÁC BÀI HÁT HẦU VUA TRONG LỄ CẤP SẮC CỦA NGƯỜI ĐAO LÔ GANG Ở HỢP TIỀN, ĐỒNG HỖ, THÁI NGUYÊN.....</b>	<b>35</b>
2.1. Thể hiện tấm lòng thành kính trước tổ tiên và thần linh.....	35
2.2. Phác họa bức tranh thiên nhiên tươi đẹp, thơ mộng .....	55
2.3. Gửi gắm nỗi lòng, tình cảm lứa đôi .....	62
<b>Chương 3. NGHỆ THUẬT CÁC BÀI HÁT HẦU VUA TRONG LỄ CẤP SẮC CỦA NGƯỜI ĐAO LÔ GANG Ở HỢP TIỀN, ĐỒNG HỖ, THÁI NGUYÊN.....</b>	<b>68</b>
3.1. Thể thơ .....	68
3.1.1. Thể thơ thất ngôn .....	68
3.1.2. Thể thơ tự do .....	71
3.2. Nhân vật trữ tình .....	74
3.3. Thời gian và không gian nghệ thuật.....	76
3.4. Ngôn ngữ .....	82
3.4.1. Ngôn ngữ chất lọc từ lời ăn tiếng nói hàng ngày.....	82
3.4.2. Ngôn ngữ mang bản sắc văn hóa dân tộc Dao .....	86
3.5. Một số biện pháp tu từ nghệ thuật.....	88
3.5.1. Ẩn dụ.....	88
3.5.2. So sánh.....	91
3.5.3. Điệp từ ngữ .....	93
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>97</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>101</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	

# MỞ ĐẦU

## 1. Lý do chọn đề tài

### 1.1. Lý do khoa học

Đất nước Việt Nam trải dài từ ải Nam Quan đến miền đất mũi Cà Mau. Đây là nơi sinh sống của 54 dân tộc anh em. Trong đó, mỗi một dân tộc qua nhiều thế hệ lại có cho riêng mình những gam màu văn hóa riêng độc đáo, phối hợp tạo nên bức tranh văn hóa vừa đa sắc màu vừa thống nhất hài hòa. Dân tộc Dao là một trong số những dân tộc ít người có một nền văn hóa dân gian với các nghi lễ truyền thống giàu bản sắc dân tộc. Trong các nghi lễ của người dân tộc Dao có một nghi lễ đặc trưng là lễ cấp sắc. Nghi lễ này đến nay vẫn được duy trì ở nhiều địa phương. Đồng bào Dao quan niệm người đàn ông Dao nào cũng phải trải qua lễ cấp sắc để đánh dấu sự trưởng thành của mình trong cộng đồng. Trong lễ cấp sắc bắt buộc phải có những bài hát Hầu Vua, hát đối giữa nam và nữ... Lời bài hát đó cho biết nguyên nhân, nguồn gốc và những quan niệm về lễ cấp sắc, đồng thời chứa đựng chiều sâu tâm hồn, tình cảm và tính cách của đồng bào dân tộc Dao. Những bài hát Hầu Vua trong lễ cấp sắc có giá trị cả về mặt nội dung và nghệ thuật, mang tính nhân văn, giáo dục sâu sắc và chứa đựng cả ý nghĩa tâm linh.

Những bài hát Hầu Vua trong lễ cấp sắc chính là hạt nhân nòng cốt trong hát Páo dung tín ngưỡng. Nó đóng vai trò như một mảnh ghép quan trọng trong bức tranh toàn cảnh về văn hóa dân tộc Dao. Hiện nay, những bài dân ca được lưu truyền trong dân gian của tộc người Dao đã được các nhà nghiên cứu tập trung tìm hiểu, sưu tầm và bảo tồn, góp phần vào việc phát triển nền văn hóa của quốc gia. Tuy nhiên, trên cơ sở khảo sát, thống kê và tìm hiểu, chúng tôi nhận thấy đã có một số cá nhân sưu tầm những bài hát Hầu Vua trong nghi lễ cấp sắc của người Dao Lô Gang ở Hộc Tiến, Đồng Hỷ, Thái Nguyên, song số lượng còn hạn chế, đặc biệt mảng nghiên cứu còn bỏ trống. Cho nên, vấn đề này đã ngày càng trở nên cấp bách khi xã hội hiện nay đang trong xu thế tiếp thu nhiều nguồn văn hóa ngoại lai, dẫn đến nhiều giá trị văn hóa truyền thống đang có nguy cơ dần dần bị mai một.

## 1.2. Lí do thực tiễn

Tộc người Dao trong đại gia đình các dân tộc ở Việt Nam có một bề dày lịch sử phát triển lâu dài. Dân tộc Dao đã sáng tạo nên một kho tàng văn hóa dân gian truyền thống phong phú, đặc biệt là vốn văn học rất đa dạng về mặt thể loại, nhiều về số lượng và đặc sắc trong cách thể hiện. Những đóng góp ấy đã hình thành nên một nền văn hóa đa tộc người.

Các bài hát trong nghi lễ cấp sắc là một trong những nét văn hóa truyền thống của người Dao, mang nội dung và ý nghĩa sâu sắc với mong muốn gửi lời cầu nguyện của con cháu đến tổ tiên, các vị thánh thần và chúc mừng... Các bài hát trong lễ cấp sắc, mà cụ thể là những bài hát Hầu Vua được lưu truyền qua nhiều thế hệ tồn tại cho đến ngày nay và trở thành một nét sinh hoạt văn hóa đặc sắc trong cộng đồng người Dao. Cho nên, việc giữ gìn những nét bản sắc văn hóa dân tộc Dao ở xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên nói riêng và trong cộng đồng người Dao trên khắp mọi miền đất nước nói chung là một vấn đề đang cần được quan tâm. Các bài hát trong nghi lễ cấp sắc của người Dao là loại hình dân ca mang nhiều yếu tố truyền thống chứa đựng trong đó những giá trị văn hóa to lớn. Vì vậy, việc đi sâu vào tìm hiểu các bài hát mang chức năng nghi lễ mà đặc biệt là hát Hầu Vua của dân tộc Dao cư trú tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên hứa hẹn góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào người Dao nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung. Đồng thời, việc tìm hiểu các bài hát Hầu Vua trong nghi lễ cấp sắc của tộc người Dao Lô Gang ở xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên sẽ giúp cho chúng ta có thêm một cái nhìn toàn diện và rõ nét hơn về đời sống văn hóa tinh thần của người Dao Lô Gang. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu sẽ góp phần cung cấp thêm một nguồn tư liệu vào việc giảng dạy bộ môn văn học dân gian của các dân tộc thiểu số trong nhà trường, góp phần bồi tụ thêm tình yêu, niềm tự hào và khơi dậy mong muốn khám phá, tìm hiểu về các giá trị văn hóa truyền thống của người Dao nói chung và người Dao Lô Gang nói riêng.

Xuất phát từ những lí do thực tiễn và lí luận như trên, chúng tôi chọn những bài hát Hầu Vua được sử dụng trong nghi lễ cấp sắc để làm đề tài nghiên cứu. Chúng tôi lựa chọn đề tài **“Hát Hầu Vua trong lễ cấp sắc của người Dao Lô**

**Gang ở Hợp Tiến, Đồng Hỷ, Thái Nguyên**”, với hi vọng kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ góp phần vào việc bảo tồn và phát huy vốn văn hóa dân gian đặc sắc của dân tộc Dao Lô Gang, mặt khác nhằm giúp cho mọi người có thêm một cái nhìn không chỉ ở góc độ văn hóa về lễ cấp sắc mà còn dưới cái nhìn ở góc độ văn học.

## **2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề**

Lễ cấp sắc của người Dao là một trong những nghi lễ truyền thống mang một giá trị nhân văn sâu sắc, từ lâu đã “ăn sâu bén rễ” trong cộng đồng và được xem như là nghi lễ không thể thiếu. Một trong những nét đặc sắc của ngày lễ quan trọng này là những lời hát dân ca chứa đựng tâm hồn dân tộc được diễn xướng giữa một không gian linh thiêng trước sự chứng kiến của nhiều người.

Dân tộc Dao là dân tộc có một kho tàng tri thức văn hóa dân gian phong phú, bởi lẽ họ là những người có tâm hồn nghệ sĩ, yêu thơ văn và rất thích ca hát “ *Từ xa xưa người Dao đã đặc biệt coi trọng ca hát, cổ nhân từng nói: Nơ - hắng dâm, nơ - hắng co, điệu nơ - hắng hồng*” nghĩa là: “*năng uống, năng hát, lại năng hồng*”[58, tr. 315]. Các bài hát của dân tộc Dao tiêu biểu là hát Hầu Vua chính là sự tổng hòa những tư tưởng chủ yếu và đặc điểm nghệ thuật độc đáo được kết tinh trong ngôn từ nghệ thuật. Nó mang giá trị tư tưởng nhân văn, những tình cảm, cách suy nghĩ, cách nói và tâm hồn của người dân tộc Dao.

### **2.1. Những công trình nghiên cứu về dân ca Dao**

Tính đến thời điểm hiện tại, các bài hát mang chức năng nghi lễ của dân tộc Dao Lô Gang chưa được đào sâu nghiên cứu như một chuyên luận, nhưng đã có những công trình nghiên cứu, sưu tầm và những tác phẩm của không ít những nhà khoa học, nhà nghiên cứu đề cập đến những bài dân ca của người Dao .

Vào những thế kỉ trước, dân tộc Dao ở Việt Nam đã được đi vào nghiên cứu, điều đó được chứng minh qua nhiều tư liệu cổ đề cập đến dân tộc Dao như: “**Kiến văn tiểu lục**” của Lê Quý Đôn vào thế kỉ XVIII và cuốn “**Lịch triều hiến chương loại chí**” được biên soạn trong 10 năm (1809 - 1819) của Phan Huy Chú. Những tư liệu trên, đã bước đầu có những khảo tả cơ bản nhất về những dân tộc thiểu số, trong đó có dân tộc Dao trên một số phương diện: nguồn gốc, phong tục tập quán... Nhưng theo nguồn tư liệu mà những cuốn sách cung cấp, nhận thấy ít có sự sưu tầm, trích dẫn hay phân tích về những bài dân ca trong các nghi lễ truyền thống hay



trong sinh hoạt của dân tộc Dao, mà chủ yếu khai thác trên bình diện xã hội học và lịch sử học.

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX mảng văn hóa truyền thống của người Dao không chỉ thu hút bút lực của nhiều nhà nghiên cứu trong nước, mà còn có sự tìm hiểu nghiên cứu của những học giả, nhà nghiên cứu nước ngoài. Đáng lưu ý là những công trình sưu tập và nghiên cứu của tác giả Auguste Bonifacy - một sĩ quan người Pháp nhưng lại rất am hiểu về người Dao và biết tiếng Dao cổ. Ông đã đi sâu vào tìm hiểu một số dân tộc thiểu số ở Việt Nam, trong đó có dân tộc Dao. Khởi đầu là việc sưu tập những bài dân ca của người Dao và truyền thuyết về **Bàn Hồ, Quá Sơn Bảng**... Sau nhiều năm khảo cứu chuyên sâu ông đã cho ra mắt một số công trình nghiên cứu được đăng trên “tạp chí Đông Dương” như: *“Mán quần cộc”* (1904-1905), *“Mán quần trắng”* (1905), *“Mán chàm hoặc Lam điền”* (1906), *“Mán tiểu bản hang Đeo Tiên”* (1907), *“Mán đại bản”* (1908)... Những công trình này đã góp phần to lớn vào việc phản ánh sinh động về các nghi lễ, tôn giáo, trang phục, nhà cửa... Ngoài ra, các tác phẩm đã trích dẫn được những đoạn thơ, bài dân ca được ghi chép lại sách cúng của người Dao. Tuy nhiên, ông chưa đi sâu vào việc lí giải.

Như vậy, các công trình của các học giả trong nước như: Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú... và học giả nước ngoài mà tiêu biểu là A. Bonifacy đã cung cấp những tư liệu quý giá ban đầu cũng như những hiểu biết cần thiết về người Dao cả về phương diện xã hội, văn hóa và văn học. Song nhìn chung, chưa có sự sưu tầm, phân tích và lí giải cụ thể các bài dân ca của người Dao.

Về sau, giới nghiên cứu đã có thêm những công trình sưu tập các bài dân ca của người Dao một cách chuyên sâu và hệ thống ở từng nhóm Dao cụ thể. Điển hình là công trình *“Hợp tuyển thơ văn Việt Nam - Văn học dân tộc ít người”* Quyển một – NXB Văn học – H.1979 đã sưu tầm và giới thiệu 18 bài dân ca giao duyên than thân, nghi lễ của người Dao. Song công trình này chỉ dừng lại ở việc giới thiệu khái quát chung kết quả sưu tầm của mình mà chưa đi sâu vào những nét nội dung và nghệ thuật của những bài dân ca giao duyên hay nghi lễ của người Dao.

Bên cạnh đó, cuốn sách *“Dân ca Dao”* của Triệu Hữu Lý xuất bản năm 1990 đã bước đầu tổng hợp được các bài dân ca của người Dao. Đó là những lời ca

được thể hiện dưới hình thức hát đối đáp nam nữ, tín ca, những bài hát trong đám cưới, những lời răn, bài ca can chi đã cung cấp cho chúng ta những tư liệu quý giá và định hình được cái nhìn ban đầu, chân xác nhất về dân ca Dao. Trước đó, Triệu Hữu Lý cũng đã sưu tầm được nhiều truyện thơ của người Dao, có thể kể đến truyện **“Đặng Hành và Bàn Đại Hộ”**, **“Bàn Vương ca”**. Năm 1974 trên Tạp chí Dân tộc học số 2, Triệu Hữu Lý đã cho ra mắt bạn đọc truyện **“Đặng Hành và Bàn Đại Hộ”** được dịch từ tiếng Dao sang tiếng phổ thông. Những cuốn sách này là nguồn tư liệu cần thiết để người viết xác định được rõ vấn đề cần nghiên cứu.

Còn trong cuốn sách **“Dân ca các dân tộc Pápé, Sán Dìu, Dao, Lô Lô, Cao Lan”** của tác giả Lê Trung Vũ, trong phần “Dân ca Dao” do hai nhà nghiên cứu Đỗ Quang Tụ, Nguyễn Liên sưu tầm và biên dịch, các nhà nghiên cứu đã khái quát được đôi nét về dân tộc Dao và dân ca Dao. Ngoài ra, một số bài dân ca Dao được sắp xếp theo từng chủ đề như: Tình và cảnh, cộng đồng xã hội, hôn nhân cùng đôi nét lí giải được ghi dưới các bài. Mặc dù vậy, nhưng theo sự khảo sát ban đầu thì các bài dân ca của nhóm Dao Lô Gang chưa được đưa vào tìm hiểu.

## **2.2. Những công trình nghiên cứu về hát Hầu Vua**

Hiện nay, các bài hát Hầu Vua vẫn được sử dụng trong lễ cấp sắc và còn tồn tại trong đời sống văn hóa tinh thần của nhóm Dao Lô Gang. Các bài hát này do thầy cúng và những người dân gìn giữ, được sử dụng trong lễ cấp sắc của người Dao. Tuy nhiên, những bài hát Hầu Vua ở từng địa phương lại có những sắc thái riêng, chứa đựng bản sắc văn hóa tinh thần của những vùng miền khác nhau.

Trong tác phẩm **“Thơ ca dân gian người Dao Tuyên”** của các tác giả Trần Hữu Sơn là một công trình nghiên cứu có giá trị to lớn trong việc phân loại và giới thiệu các loại hình dân ca và đã khái quát được đôi nét về nội dung và nghệ thuật trong các bài dân ca của người Dao Tuyên. Trong phần hai và phần ba của cuốn sách, tác giả đã sưu tầm và dịch thuật được 300 bài dân ca viết về đề tài lao động, nghi lễ phong tục (lễ cấp sắc, lễ cưới, lễ cúng Bàn Vương...), sinh hoạt (các bài hát ru, hát vui chơi, hát giao duyên, hát đối đáp, và tín ca...) bằng cả tiếng Kinh và tiếng Dao. Đặc biệt, trong cuốn sách này những lời hát Hầu Vua đã được tác giả quan tâm và

suu tầm. Trong phần “Thơ ca trong lễ cấp sắc” tác giả đã đi vào giới thiệu sơ qua một số câu hát được sử dụng trong từng phần của nghi lễ. Tuy nhiên, cuốn sách mới chỉ cung cấp những bài dân ca của bộ phận người Dao Tuyển ở Lào Cai nói riêng, chứ chưa có tính phổ quát. Nhưng nhìn chung, cuốn sách là nguồn tư liệu quý báu cho người viết đề tài. Thông qua đó, có thêm nguồn tư liệu để so sánh, đối chiếu với các bài dân ca của các ngành Dao khác để thấy được những giá trị đích thực của những bài dân ca Dao nói chung và các bài hát Hát Hầu Vua nói riêng.

Ở cuốn sách “*Văn hóa dân gian của người Dao ở Bắc Giang*” (2010), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội của Nguyễn Thu Minh, nhìn chung đã đề cập khái quát về văn hóa cổ truyền, trang phục, lễ tết, hội hè, lễ cưới, những hình thức hát trong lễ cấp sắc như: hát nghi lễ, hát chúc mừng, hát kể chuyện, hát uống rượu, một số bài dân ca trong lễ cấp sắc được ghi lại dưới hình thức phiên âm và dịch nghĩa, nhưng chưa đi sâu vào lí giải và phân tích nội dung, cũng như những nét đặc sắc chính trong những bài dân ca và không ghi rõ bài dân ca là của nhóm Dao nào, và nhan đề của bài dân ca. Nhưng bên cạnh đó, cuốn sách đã cho chúng ta thêm những thông tin về ngôn ngữ, trang phục truyền thống, tập quán của nhóm Dao Lô Gang và điếm qua một số bài hát được dùng trong lễ cấp sắc (cúng báo về công việc cấp sắc của gia đình, dùng trong lễ qua cầu...) và đặc biệt đã đưa ra được những đoạn trích tiêu biểu trong Hát Hầu Vua nhưng tiếc rằng chưa được triển khai, phân tích làm rõ.

Trong quá trình thực tế ở xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, chúng tôi đã được tiếp xúc với nhiều nghệ nhân địa phương và được biết thêm về nội dung, nghệ thuật, phương thức diễn xướng của những bài hát Hầu Vua trong lễ cấp sắc của người Dao Lô Gang. Sau một thời gian tìm hiểu chúng tôi đã thu thập được hai quyển sách ghi chép lại đầy đủ những bài hát Hầu Vua có kèm bản dịch sang tiếng phổ thông của thầy cúng Triệu Tiến Phan. Từ đó, chúng tôi tiến hành biên tập, nhuận sắc cho những bài hát Hầu Vua. Mặc dù, cuốn sách chưa được xuất bản nhưng nó là một nguồn tư liệu quý giá để có thể đi sâu vào khám phá chiều sâu tâm hồn, đời sống, xã hội của người Dao Lô Gang.

Hầu hết, tất cả các công trình nghiên cứu trên mới chỉ dừng lại ở việc giới thiệu, điếm qua hoặc chỉ ra một số nét phong tục tập quán trong lễ cấp sắc, cưới hỏi,

ma chay... và cung cấp một số bài dân ca, truyện thơ, truyện kể... của một vài nhóm Dao nói chung và hát Hầu Vua nói riêng. Có thể nhận thấy, cho tới thời điểm hiện tại vẫn chưa có một công trình nghiên cứu nào mang tính hệ thống quy mô, đồng thời có tính cụ thể về hát Hầu Vua được sử dụng trong lễ cấp sắc để cúng báo với Ngọc Hoàng, thánh thần của nhóm Dao Lô Gang cụ thể là ở vùng xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, những đóng góp và những công trình nghiên cứu đi trước đóng vai trò là tiền đề vô cùng quan trọng để luận văn được thực hiện và tiếp tục phát triển.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Thực hiện luận văn này chúng tôi hướng vào mục đích đi sâu nghiên cứu về nội dung, nghệ thuật của các bài hát Hầu Vua và cách hành lễ trong lễ cấp sắc của người Dao Lô Gang ở Hợp Tiến, Đồng Hỷ, Thái Nguyên. Trên cơ sở đó tìm hiểu đời sống văn hóa tín ngưỡng nhằm bảo tồn, gìn giữ và phục hồi, phát huy những giá trị văn học dân gian truyền thống trong nghi lễ tín ngưỡng của cộng đồng người Dao. Góp phần tôn vinh bản sắc dân tộc để trở thành di sản văn hóa. Khẳng định giá trị to lớn về mặt văn học của những bài hát Hầu Vua được sử dụng trong lễ cấp sắc của đồng bào dân tộc Dao Lô Gang.

Tài liệu này góp phần phục vụ việc nghiên cứu và tìm hiểu những nét giá trị to lớn trong nghi lễ truyền thống ở tỉnh Thái Nguyên nói riêng và khu vực Trung du miền núi Bắc Bộ nói chung.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Điều tra, khảo sát, thu thập tư liệu và tiến hành góp phần biên tập sách, đồng thời phân tích tư liệu để thu thập được phần lời những bài hát Hầu Vua trong lễ cấp sắc của nhóm Dao Lô Gang ở xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Tìm hiểu những nét khái quát về người Dao Lô Gang ở xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên trên các phương diện nguồn gốc, phong tục tập quán tín ngưỡng, tôn giáo, đời sống văn hóa và sinh hoạt có liên quan thiết yếu đến đề tài.

Đi sâu tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của những bài hát Hầu Vua diễn ra trong lễ cấp sắc nhằm khẳng định được giá trị to lớn của bộ phận dân ca nghi lễ độc đáo này.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu chính là những bài hát Hầu Vua trong lễ cấp sắc của người Dao Lô Gang ở xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Tìm hiểu thêm một số các bài hát ở các địa phương khác để đối chiếu so sánh.

### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Luận văn nghiên cứu về những bài hát Hầu Vua trong lễ cấp sắc của người Dao Lô Gang ở xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Các bài hát Hầu Vua trong lễ cấp sắc của người Dao Lô Gang khá phong phú, nhưng do còn nhiều hạn chế trong quá trình nghiên cứu và việc sưu tập tư liệu còn nhiều khó khăn. Cho nên, luận văn chỉ tập trung khảo sát, thu thập một số bài hát Hầu Vua (có kèm theo bản dịch sang tiếng phổ thông) của thầy cúng cấp sắc Triệu Tiến Phan cung cấp, được thể hiện trong lễ cấp sắc của tộc người Dao Lô Gang qua ba đoạn chính Thánh thánh - Chiêu nhuận - Tiễn thánh. Chúng tôi đi điền dã từ tháng 3 năm 2015 đến tháng 4 năm 2016 sưu tầm được 466 câu thơ. Ngoài ra, chúng tôi còn sưu tập và tìm hiểu thêm những bài hát mang chức năng nghi lễ của người Dao ở một số địa phương khác để so sánh. Trong khuôn khổ của luận văn này, chúng tôi chỉ nghiên cứu chủ yếu trên phương diện nội dung và nghệ thuật trong các bài hát Hầu Vua. Qua đó, chúng tôi tìm hiểu thêm được bản sắc văn hóa tín ngưỡng của dân tộc Dao Lô Gang.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

Nhằm thực hiện được mục đích của đề tài chúng tôi lựa chọn một số phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp điền dã, sưu tầm: Để có được cái nhìn khách quan nhất về quá trình diễn ra nghi lễ cấp sắc, cảm thụ trực tiếp những bài hát, đặc biệt là các bài hát Hầu Vua được diễn xướng trong lễ cấp sắc.

Phương pháp thống kê: Để thu thập, tổng hợp, trình bày số liệu.

Phương pháp phân tích, tổng hợp: Nghiên cứu sách, báo, những công trình nghiên cứu, các website có liên quan quan đến đề tài.

Phương pháp so sánh: Để so sánh những bài hát Hầu Vua ở Hợp Tiến - Đông Hỷ - Thái Nguyên với các bài hát Hầu Vua ở các địa phương khác. Đồng thời, so

sánh với ca dao của người Kinh để thấy được những nét đặc sắc trong dân ca của người Dao nói chung và Hát Hầu Vua nói riêng.

Phương pháp nghiên cứu liên ngành: Nhằm tổng hợp tri thức của nhiều lĩnh vực và nhiều ngành học khác nhau để có nhận thức sâu hơn và toàn diện hơn về vấn đề được nghiên cứu.

## **6. Những đóng góp của luận văn**

Trong quá trình điền dã, chúng tôi sưu tập được một số bài hát Hầu Vua trong lễ cấp sắc và kèm theo bản dịch ra tiếng phổ thông. Ngôn ngữ các bài hát trong bản dịch còn thô nhám, lời lẽ chưa được trau chuốt, gọt giũa. Tuy nhiên, những sản phẩm văn hóa này đã góp phần làm cho đời sống sinh hoạt tín ngưỡng của người Dao Lô Gang thêm phong phú, đa dạng.

Căn cứ vào kết quả các tư liệu thu thập được trong quá trình điền dã, chúng tôi tổng hợp khái quát và phân tích những giá trị nội dung và nghệ thuật tiêu biểu của những bài hát Hầu Vua trong lễ cấp sắc của đồng bào dân tộc Dao.

Qua đó góp phần bảo tồn những nét bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào Dao Lô Gang. Đồng thời, đem đến một hiệu quả thiết thực trong việc khơi dậy lòng tự hào dân tộc của người Dao và thái độ trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

## **7. Bố cục của luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, luận văn chia thành ba chương như sau:

Chương 1: Khái quát về lịch sử, xã hội, văn hóa của người Dao ở Hộc Tiến, Đồng Hỷ, Thái Nguyên và một số vấn đề lí luận

Chương 2: Nội dung các bài hát Hầu Vua trong lễ cấp sắc của người Dao Lô Gang ở Hộc Tiến, Đồng Hỷ, Thái Nguyên

Chương 3: Nghệ thuật các bài hát Hầu Vua trong lễ cấp sắc của người Dao Lô Gang ở Hộc Tiến, Đồng Hỷ, Thái Nguyên

## NỘI DUNG

### Chương 1. KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ, XÃ HỘI, VĂN HÓA CỦA NGƯỜI DAO Ở HỢP TIẾN, ĐỒNG HỠ, THÁI NGUYÊN VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

#### 1.1. Vài nét về cộng đồng người Dao

##### 1.1.1. Cộng đồng người Dao Thái Nguyên

Thái Nguyên là vùng đất có lịch sử hình thành lâu đời với nhiều danh lam thắng cảnh và là điểm giao thoa văn hóa của nhiều dân tộc như: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu... Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đồng bào Dao cư trú tập trung và rải rác ở một số huyện và chủ yếu là các nhóm: Dao Đỏ, Dao Quần Chẹt và Dao Lô Gang. Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, có 21.818 người Dao cư trú trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (chiếm 2,08% dân số toàn tỉnh). Trong số các dân tộc đang sinh sống trên địa phận tỉnh Thái Nguyên, dân tộc Dao đứng ở vị trí thứ 6 và phân bố rải rác khắp nơi trong tỉnh. Trong đó, huyện Đại Từ là nơi sinh sống chủ yếu của nhóm Dao Quần Chẹt, huyện Phú Lương và Đồng Hỷ là nơi tập trung sinh sống của nhóm Dao Đỏ và huyện Võ Nhai là nơi cư trú chủ yếu của nhóm Dao Lô Gang. Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có hai là xã Tân Thành thuộc huyện Đại Từ và xã Hợp Tiến thuộc huyện Đồng Hỷ tập trung trên 60% đồng bào dân tộc Dao sinh sống. Bên cạnh đó, người Dao còn cư trú ở một số huyện như: Phổ Yên, Định Hóa... Tuy nhiên, các nhóm Dao không có nhiều điểm khác biệt lớn trong văn hóa cổ truyền của dân tộc Dao nói chung, các điểm khác biệt tùy vào đặc trưng của từng địa phương nhưng đại thể không nhiều. Họ chủ yếu sống xen kẽ với nhiều dân tộc như: Hmông, Tày, Nùng, Mường...

Người Dao còn có nhiều các tên gọi khác là: Mán, Đông, Dìu Miền, Kiềm Miền, Lù Gang, Làn Tền, Đại Bản, Tiểu Bản, Cốc Ngáng, Cốc Mùn, Sơn Đầu... nhưng Dao là tên gọi chính thức và được sử dụng phổ biến. Tuy nhiên, tên Mán vẫn được nhiều dân tộc sử dụng dùng để chỉ người Dao "*Tên "Mán" bắt nguồn từ âm Man (âm Hán Việt), là tên gọi khiêm xưng có ý nghĩa miệt thị dân tộc vì phong kiến Trung Quốc xưa kia dùng dùng để chỉ các dân tộc người "nhỏ bé", sinh sống ngoài địa bàn cư trú của người Hán. Tên gọi Kiềm Miền (Kiềm nghĩa là rừng, Miền nghĩa là người)... Tên gọi nữa của đồng bào Dao là Dìu Miền, âm Hán Việt: Dìu là Dao,*

Miền là người; có nghĩa là “người Dao”. Tên gọi Dao được nhắc nhiều trong truyện truyền miệng, truyện cổ, các tài liệu cổ như “Quá sơn bảng văn” của người Dao...” [6, tr. 103 - 104]. Ngoài tên gọi “Dao” thì những tên gọi khác chỉ sử dụng trong một số địa phương nhất định và có tính “kì thị dân tộc”.

Từ xưa đến nay, trong cộng đồng vẫn lưu truyền lại truyền thuyết liên quan đến nguồn gốc của người Dao “ Bàn Hồ là con long khuyến cao lớn, lông đen và vàng, từ trên trời giáng xuống trần, được Bình Hoàng yêu quý nuôi trong cung. Lúc bấy giờ vua nước láng giềng là Cao Vương âm mưu mang quân xâm lấn. Bình Hoàng liền họp bá quan văn võ để bàn mưu kháng cự. Trong khi không ai tìm được kế gì thì con long khuyến xung phong xin đi đánh Cao Vương. Nhà vua hẹn nếu Bàn Hồ chiến thắng trở về sẽ gả cung nữ cho. Bàn Hồ bơi qua biển 7 ngày, 7 đêm thì tới cung điện của Cao Vương. Cao Vương thấy con long khuyến đẹp cho đó là điềm lành bèn sai đem vào cung nuôi. Nhân một hôm Cao Vương ngủ say, Bàn Hồ cắn chết Cao Vương rồi vượt biển trở về báo công với Bình Hoàng. Bàn Hồ được phong là Bàn Vương và lấy được cung nữ đem vào núi Cối Kê (Chiết Giang) ở và sau đó sinh 6 con trai và 6 con gái. Bình Hoàng ban sắc cho con cháu Bàn Vương thành 12 họ, người con cả lấy họ Bàn, các con thứ mỗi người lấy một họ: Lan, Mãn, Uyển, Đặng, Trần, Lương, Tống, Phương, Đới, Lưu, Triệu. Đời này qua đời khác, con cháu Bàn Vương phát triển ngày một đông. Đến khi không còn đất sinh sống, nhà vua phải sắc cấp “Quá sơn bảng” để phân tán con cháu Bàn Vương đi các nơi kiếm ăn” [6, tr. 104 - 105]. Căn cứ vào truyền thuyết thì Bàn Hồ chính là ông Tổ của người Dao được thờ cúng trong cộng đồng người Dao. Bên cạnh đó cho thấy, sự xuất hiện các nhóm Dao ở Việt Nam chủ yếu theo con đường di cư từ Trung Quốc sang.

### **1.1.2. Cộng đồng người Dao ở Hạp Tiến, Đồng Hỷ, Thái Nguyên**

#### *1.1.2.1. Điều kiện về mặt tự nhiên*

Tổng diện tích của xã Hạp Tiến là 48 km<sup>2</sup> với tổng số dân là 5.665 người (mật độ 118 người/ km<sup>2</sup>), theo Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 1999- 2003. Đây là một xã miền núi, nằm tận cùng phía đông và nam huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, cách trung tâm huyện 30 km, phân chia thành 10 xóm đó là: Đèo Hanh, Cao Phong, Mỏ Sắt, Bãi Bông, Suối Khách, Hữu Nghị, Đồng Trinh, Đoàn Kết, Đèo Bụt, Bãi Vàng. Trên địa phận xã Hạp Tiến có tuyến đường sắt Kép - Lưu Xá đi qua



địa bàn của xã và 2,7 km đường nhựa đi sang xã Tân Thành thuộc huyện Phú Bình. Ngoài ra, còn có tuyến đường tỉnh lộ 259 chạy thông sang tỉnh Bắc Giang. Theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, năm 1957 xã Mỏ Sắt thuộc huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang sáp nhập về huyện Đông Hỷ, sau đó đổi tên thành xã Hợp Tiến.

Phía bắc xã Hợp Tiến giáp với xã Liên Minh nằm trong địa phận của huyện Võ Nhai, phía đông giáp với hai xã Xuân Lương và Tam Tiến nằm trên địa phận của huyện Yên Thế thuộc tỉnh Bắc Giang, phía nam giáp với hai xã Tân Thành và Tân Kim của huyện Phú Bình, về phía tây giáp với xã Tân Lợi và một phần xã Cây Thị cùng huyện Đông Hỷ. Hợp Tiến là xã tiếp giáp với huyện Võ Nhai, huyện Phú Bình, tỉnh Bắc Giang đây là điều kiện thuận lợi để lưu thông và trao đổi hàng hóa đồng thời tạo điều kiện cho nhân dân phát triển kinh tế xã hội, văn hóa, dịch vụ và du lịch.

Hợp Tiến là một xã có địa hình phức tạp, nhiều đồi núi và suối xen kẽ, cho nên giao thông di chuyển tương đối khó khăn. Đây là một xã tập trung đông đồng bào dân tộc thiểu số và dân tộc cư trú chủ yếu là đồng bào dân tộc Dao. Vì là một xã miền núi còn nhiều khó khăn cho nên Đảng và Nhà nước đã có những chính sách hỗ trợ và ưu tiên cụ thể và thiết thực như đầu tư hệ thống nước sạch cho nhân dân trong xã, hỗ trợ những gia đình có hoàn cảnh khó khăn thông qua chương trình 134, 135 của Chính phủ, khích lệ và động viên, tạo điều kiện cho con em dân tộc được học tập trong môi trường chuyên nghiệp.

Khí hậu nơi đây mang đặc trưng của khí hậu vùng miền núi phía Bắc đó là khí hậu nhiệt đới gió mùa thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp trong toàn xã. Đất đai xã Hợp Tiến chia ra làm hai loại chính là đất đồi núi chủ yếu trồng chè, cây lâm nghiệp, cây ăn quả, còn đất ruộng, đất màu chủ yếu để trồng cây hoa màu và cây lương thực. Các hồ chứa nước và hệ thống kênh mương đã được kiên cố hóa phục vụ cho việc tưới tiêu. Diện tích rừng của xã Hợp Tiến là 3747 ha (Theo số liệu thống kê 2010).

Trong những năm gần đây, Hợp Tiến đã có những bước phát triển vượt bậc, nhưng nhìn chung do đặc thù của một xã miền núi cho nên người dân ở đây vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Hợp Tiến là một xã miền núi vùng sâu, nơi đây có bảy dân tộc anh em cùng chung sống, trong đó dân tộc Dao chiếm 70%. Năm 2006 xã Hợp Tiến đã có đường nhựa về đến xã. Đó là một trong những niềm vui lớn của nhân dân trong xã. Tuy nhiên, do đời sống nhân dân còn thấp, đường xã đi lại khó khăn cho

nên hầu hết các con đường vào thôn bản vẫn đều là đường đất, đường mòn, men theo đồi, men theo núi. Con đường đất vào xóm Đèo Bụt và xóm Mỏ Sắt của xã Hợp Tiến vào những ngày mưa lũ bùn đất lầy lội, khiến cho việc đi lại của nhân dân gặp không ít những khó khăn và vất vả. Hiện nay, nhờ có sự đầu tư của Nhà nước và phong trào làm đường dân sinh, hệ thống đường bản đã được cải thiện và nâng cấp rõ rệt. Nhân dân trong xã chủ yếu quan tâm đến phát triển đồi rừng, cây ăn quả, trồng cây công nghiệp ngắn ngày và chăn nuôi gia cầm, gia súc.

#### 1.1.2.2. Đặc điểm xã hội, văn hóa

##### \* Xã hội

Thái Nguyên là một tỉnh tập trung nhiều đồng bào dân tộc sinh sống. Hiện nay, trên địa bàn xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên có đại bộ phận là đồng bào dân tộc Dao cư trú, chủ yếu là nhóm Dao Lô Gang. Người Dao Lô Gang còn chủ yếu tập trung ở một số xã trên địa bàn huyện Võ Nhai thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Một số người dân địa phương cho biết cái tên “Lô Gang” hay “Lù Gang” trong ngôn ngữ Dao mang ý nghĩa là “sang sau”, điều này nhằm nói đến thời gian di cư đặt chân đến Việt Nam của ngành Dao này. Theo một số tư liệu ghi nhận được *“Mới chừng 100 năm trước, người Dao Lô Gang từ Trung Quốc di cư sang Việt Nam theo ngã Lạng Sơn, Quảng Ninh, sau đó có nhóm đi sâu vào Thái Nguyên. Họ còn giữ khá nguyên vẹn văn hóa của tổ tiên mình. Hiện nay, người Dao Lô Gang ở Thái Nguyên vẫn duy trì bốn cái tết quan trọng trong năm là Tết năm mới, Tết thanh minh, Tết rằm tháng Bảy, Tết Niên niên vào dịp cuối năm. Các dòng họ còn cúng Tết vào mùa dịp tháng Tư”* [25].

Nhìn chung, người Dao ở Thái Nguyên đa phần vẫn cư trú ở những vùng sâu, vùng xa, hẻo lánh, đời sống vật chất còn nghèo nàn, đi lại còn gặp nhiều khó khăn. Người Dao Lô Gang lập bản và sinh sống ở chân núi, lưng chừng núi hay trong các thung lũng nơi có nguồn nước, cũng có một số ngành Dao lại chọn núi cao làm nơi ở. Việc phân bố dân cư phân tán tạo điều kiện cho việc cải tạo ruộng nương, chăn nuôi gia súc, gia cầm... nhưng đồng thời cũng kéo theo nhiều những khó khăn đối với việc cung cấp và đưa những dịch vụ xã hội như: Giáo dục, y tế... đến người dân, do đó đa phần người Dao Lô Gang còn phải sống trong điều kiện kinh tế khó khăn, đời sống tinh thần chưa được quan tâm. Người Dao Lô Gang có lối sống phụ thuộc, nương tựa

vào rừng, họ quan niệm rừng cung cấp tất cả những gì cần thiết cho cuộc sống của họ cho nên họ có cuộc sống tự cấp tự túc. Trước đây, người Dao có thói quen du canh du cư nên dẫn đến đời sống bấp bênh. Nhưng hiện nay, nhờ những chính sách quan tâm của Đảng và Nhà nước cùng với sự thay đổi nhận thức theo hướng tích cực, cho nên những tập tục đó đã được xóa bỏ người dân cư trú ổn định, phát triển nương rẫy, xây dựng bản làng khang trang. Vì vậy, kiểu cư trú tập trung ra đời, thôn bản của người Dao Lô Gang được gọi là “lang” hay “giàng”.

Nhà ở của người Dao rất đa dạng tùy thuộc vào hoàn cảnh địa bàn sinh sống, họ có thể làm nhà sàn, nhà nửa sàn nửa đất, nhà trệt... để sinh sống. Đối với người Dao Tiền, Dao Đỏ, Cóc Mùn, Ô Gang, Cóc Ngáng, Quần Chẹt thì ở nhà nền đất và nhà nền nửa sàn nửa đất, còn người Dao Quần Trắng, Dao Áo Dài, Dao Thanh Y thì ở nhà sàn. Theo quan niệm truyền thống nơi dựng nhà lí tưởng của người Dao Lô Gang phải là nơi cao ráo, có không gian rộng, thuận lợi cho việc làm nông nghiệp. Người Dao Lô Gang thường thích dựng nhà cửa ở những nơi gần rừng vì rừng cung cấp cho họ đất đai canh tác, nguyên liệu làm nhà, đồ ăn... Chính vì vậy, châm ngôn Dao có câu “Chăm mài kèm lái mài miền” (Ở đâu có rừng thì ở đó có người Dao). Người Dao Lô Gang chủ yếu canh tác nông nghiệp, trồng lúa trên nương và trồng lúa nước. Trồng các cây lương thực như là lúa, ngô, khoai... và chăn nuôi trâu, bò, lợn, dê... để phục vụ cho đời sống.

Cuộc sống hiện tại của người Dao Lô Gang còn nhiều khó khăn, thiếu thốn nhưng người Dao Lô Gang luôn vươn lên và đang hướng tới phát triển dựa trên lợi thế của vùng. Chính quyền và nhân dân đã tích cực tăng gia sản xuất nhằm hướng tới mục tiêu “xóa đói giảm nghèo” đồng thời xây dựng đời sống văn hóa, giữ gìn an ninh trật tự xã hội, xây dựng nếp sống lành mạnh. Đặc biệt, nhân dân xã còn tích cực thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” được tuyên truyền sâu rộng đến đông đảo mọi người dân. Hợp Tiến là một xã vùng sâu, vùng xa cho nên cơ sở vật chất phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe của bà con nhân dân nơi đây còn sơ sài chưa được đầu tư đồng bộ. Bên cạnh đó, vấn đề giáo dục còn tồn tại nhiều mặt hạn chế, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy và học tập còn thiếu thốn. Chính vì vậy khiến cho việc tiếp xúc với khoa học hiện đại bị hạn chế và gián đoạn. Nhưng vượt lên trên mọi khó khăn của hoàn cảnh, nhà trường và các em học sinh đa phần là con em của đồng bào dân

tộc thiểu số trên địa bàn xã đã đạt được nhiều thành tích danh hiệu đáng biểu dương và khen thưởng. Các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao đầy mạnh và được các em học sinh tích cực tham gia.

#### \*Văn hóa

Có thể thấy, Hợp Tiến là một xã có sự giao thoa của nhiều nét văn hóa và các phong tục tập quán truyền thống do nhiều dân tộc cùng sinh sống xen lẫn hội tụ lên. Những nét văn hóa đặc sắc đó thể hiện trong các làn điệu dân ca, nghi lễ... thông qua đó, gửi gắm những tâm tư tình cảm, nguyện vọng và những quan niệm của đồng bào các dân tộc về các sự vật, hiện tượng gắn liền với cuộc sống của họ, ngoài ra còn phản ánh nếp sống văn hóa trong cộng đồng. Trên địa phận xã Hợp Tiến người Dao tập trung sinh sống đông, chủ yếu là nhóm Dao Lô Gang. Người Dao Lô Gang hay còn gọi là Dao Sơn Đầu bởi lẽ *“Ngày trước, phụ nữ Dao Lô Gang đến tuổi trưởng thành đều phải cắt tóc và dùng sáp ong sơn đầu. Sau đó, họ may một vuông vải đen, thêu hoa văn, đội lên đầu. Người nào không sơn đầu thì không được mặc trang phục dân tộc”* [25]. Nhưng bây giờ, phong tục sơn đầu của người Dao Lô Gang đã dần bị mai một, bởi lẽ nó không còn phù hợp nữa.

Người Dao Lô Gang sử dụng hệ ngôn ngữ Hmông - Dao. Đồng bào Dao Lô Gang dựa vào chữ Hán để phiên âm ra chữ Nôm gọi là chữ Nôm Dao được dùng để ghi chép lại gia phả, các bài Páo dung, thư tịch, sách cổ... Người Dao Lô Gang dùng thứ chữ này với một thái độ trân trọng. Hiện nay ở các bản Dao, thanh niên đã có ý thức kế tục gìn giữ chữ viết của tổ tiên cha ông. Đa phần trong số họ là con cháu của những người làm nghề thầy cúng. Họ học chữ để đọc thông viết thạo, hiểu được nội dung những thư tịch cổ, sau đó họ trải qua lễ cấp sắc rồi kế nghiệp làm nghề thầy cúng. Tuy nhiên, thực tế hiện nay còn rất ít người am hiểu về chữ Nôm Dao. Các văn bản thư tịch cổ cho tới thời điểm hiện tại còn không nhiều, bởi lẽ trước kia người Dao Lô Gang sống du canh du cư nên đã dễ bị thất lạc nhiều. Các nhóm Dao đều nói tiếng Dao và tiếng nói của mỗi nhóm Dao chỉ có sự khác ở một số từ, thanh điệu. Cũng giống như những nhóm Dao khác trong tỉnh, người Dao Lô Gang cũng nói phương ngữ Kiềm Miền song nét văn hóa lại có nhiều điểm riêng biệt.

Người Dao Lô Gang thờ cúng tổ tiên (Bản Hò) và cúng Bản Vương “Piền Hùng” theo truyền thống *“Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây”* của

dân tộc Việt Nam. Cách thức tổ chức lễ cúng Bàn Vương cũng mang những nét khác biệt, nhưng tựu chung lại có ba kiểu: Tôm Đàng, Đàng Ton, cúng trong gia đình. “Tôm Đàng” là lễ lớn, bao gồm cả phần lễ và phần hội, nên vài năm mới tổ chức một lần, thời gian diễn ra tới vài ngày. Kiểu cúng thứ hai gọi là “Đàng Ton” có quy mô nhỏ hơn “Tôm Đàng” và nghi lễ này diễn ra trong dòng họ. Thời gian tiến hành nghi lễ này không dài như “Tôm Đàng”. Kiểu cúng thứ ba là kiểu cúng Bàn Vương trong từng gia đình. Đây là kiểu cúng khá phổ biến trong cộng đồng người Dao, được tiến hành kết hợp trong các nghi lễ truyền thống khác đặc biệt là lễ cấp sắc, lễ cúng cơm mới, làm chay...

Tín ngưỡng của dân tộc Dao Lô Gang chịu ảnh hưởng sâu sắc của Đạo giáo. Tuy nhiên các nghi lễ nông nghiệp của dân tộc này chịu ảnh hưởng của hai luồng tôn giáo chính là Phật giáo và Nho giáo. Trong thờ cúng tổ tiên có những ngành Dao chỉ thờ từ ba đến năm đời tổ tiên gần nhất nhưng nhóm Dao Lô Gang thờ đến chín đời tổ tiên. Bàn thờ của người Dao Lô Gang được đặt ở nơi trang nghiêm nhất trong nhà. Các vị tổ tiên của mỗi gia đình được ghi trong sách “Chà Phin sâu”. Trong thờ cúng người Dao Lô Gang không lập bàn thờ riêng để thờ cúng Bàn Vương mà khấn chung với tổ tiên. Bàn Vương là một nhân vật huyền thoại, được đồng bào Dao nói chung và người Dao Lô Gang nói riêng rất tôn kính vì trong tâm thức của người Dao có thờ cúng Bàn Vương thì gia đình mới được phát đạt, mạnh khỏe bình an, lao động sản xuất thuận lợi... Người Dao Lô Gang có hình thái tín ngưỡng vạn vật hữu linh do đó họ thờ rất nhiều vị thần như: thần lúa, thần hoa màu, thần chăn nuôi... Vì vậy, đồng bào thường tổ chức nhiều nghi lễ như: cúng cơm mới, cúng thóc giống, cúng hồn gia súc... và đặc biệt là lễ cấp sắc là một nghi lễ truyền thống không thể thiếu trong cộng đồng dân tộc Dao Lô Gang. Ngoài ra, còn có Tết nhảy, tục cấp sắc... vẫn được duy trì. Các hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian của người Dao Lô Gang khá phong phú và đặc sắc lưu giữ được nhiều nét truyền thống của dân tộc. Hiện nay, người Dao Lô Gang vẫn duy trì lễ cấp sắc và một số những nghi lễ tôn giáo khác của dân tộc để bảo tồn, tránh mai một những nét văn hóa đã được gìn giữ từ trước cho đến nay.

Gia đình người Dao Lô Gang là kiểu gia đình phụ hệ. Người Dao có nhiều họ nhưng chủ yếu là những họ như: Bàn, Triệu, Đặng. Mỗi dòng họ, chi họ lại có

gia phả riêng và hệ thống tên đệm riêng nhằm phân biệt thứ bậc của những người trong cùng một dòng họ. Theo luật tục của dân tộc Dao, những người thờ cúng cùng một ma tổ tiên dòng họ thì không được lấy nhau. Mặt khác, những người tuy khác dòng họ do đổi họ nhưng vẫn cùng huyết thống thì cũng không được lấy nhau. Trong truyện thơ “*Đặng Hành và Bàn Đại Hộ có đoạn ghi: ...Cầu hôn đừng cầu cùng dòng họ - Cùng họ lấy nhau người khác cười - Cùng họ lấy nhau nên chuyện xấu - Con cháu đời sau nát cửa nhà...*” [23, tr. 30]. Đây được xem là một tư tưởng văn minh và tiên bộ trong cộng đồng dân tộc Dao. Con trai và con gái người Dao Lô Gang muốn kết hôn trước hết cần nhờ thầy xem tuổi và chọn ngày kĩ lưỡng. Trước đây, trong đám cưới của người Dao Lô Gang còn có tục căng dây, hát đối đáp xong mới được vào nhà, đám cưới thường được tổ chức chủ yếu bên nhà trai. Tập quán cưới xin gồm các bước như: Lễ đánh tiếng, lễ dạm hỏi, lễ so tuổi, lễ báo mệnh, lễ ăn hỏi chính thức, lễ cưới. Trong đám tang, theo phong tục truyền thống phải có thầy tào đứng ra giúp gia đình người có đám chủ trì các nghi lễ. Người Dao Lô Gang không làm giỗ cho những người đã khuất. Họ chỉ mời tổ tiên về dự những ngày lễ cùng con cháu. Tết và các nghi lễ trong cộng đồng của người Dao Lô Gang phải kể đến trước hết là tết Nguyên đán vì đây là ngày tết lớn nhất trong năm, tết rằm tháng bảy âm lịch là ngày tết chỉ lớn sau ngày tết Nguyên đán, ngoài ra còn có lễ cúng cơm mới, cúng hồn lúa, lễ cấp sắc... Đồng bào dân tộc Dao Lô Gang có rất nhiều tập quán và nghi lễ được gìn giữ cho đến tận bây giờ.

Cũng giống như các dân tộc khác, đồng bào dân tộc Dao Lô Gang có một đời sống văn hóa tín ngưỡng phong phú. Người Dao Lô Gang đã gìn giữ và tạo nên một kho tàng văn nghệ dân gian đa dạng hấp dẫn thể hiện trong một số truyện cổ, các bài hát, truyện thơ, ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố... phản ánh nguồn gốc loài người, nguồn gốc người Dao, các hiện tượng tự nhiên, đời sống lao động sản xuất... Ở trong một số nghi lễ có các loại hình múa như: Múa cấp sắc, múa Tết nhảy, múa bắt ba ba... Người Dao Lô Gang thường hát và ứng tác lời hát trong đám cưới, những ngày hội, phiên chợ... Không chỉ có vậy, họ còn sáng tác các bài hát dưới hình thức câu đố nhằm thử tài đối phương. Qua những lời ca tiếng hát, họ gửi gắm tình yêu cuộc sống, thiên nhiên, bản làng và tình yêu lứa đôi... và những gì diễn ra xung quanh cuộc sống của mình. Không thể quên kể đến nhạc cụ của người Dao Lô Gang bao gồm: chũm chọe, thanh la, trống, nhị, đàn môi, kèn, chuông... Những

nhạc cụ đó góp phần tạo nên bản nhạc hòa tấu đậm theo những câu hát ngân nga trong các nghi lễ tôn giáo, lễ hội... Bên cạnh đó, người Dao Lô Gang lưu truyền rất nhiều tranh vẽ dùng trong thờ cúng, cấp sắc... Ngoài ra, đồng bào Dao Lô Gang có kinh nghiệm trong việc chữa bệnh, nguồn dược liệu chủ yếu lấy từ tự nhiên. Người Dao Lô Gang biết tính ngày tốt để tổ chức cưới hỏi, làm nhà, biết thời vụ để gieo trồng, chăn nuôi... Cũng giống các dân tộc khác, họ dựa vào thiên nhiên để dự đoán thời tiết. Đó là những giá trị vô giá cần được bảo tồn và phát huy.

Trang phục truyền thống của từng nhóm người Dao, cụ thể là nhóm Dao Lô Gang hết sức đa dạng. Mỗi ngành Dao khác nhau lại có một kiểu trang phục đặc trưng riêng mang những nét độc đáo từ kiểu dáng đến cách thức kết hợp màu sắc, lựa chọn hoa văn họa tiết đặc trưng để thêu thùa trên trang phục. Người phụ nữ Dao Lô Gang là những người chịu thương chịu khó. Dưới đôi bàn tay khéo léo và cần mẫn họ đã tạo nên những bộ trang phục truyền thống với nhiều đường nét hoa văn tinh tế sắc sảo gắn liền với môi trường sinh sống, tín ngưỡng, văn hóa. Cho nên, có thể thấy người phụ nữ Dao góp phần quan trọng trong việc giữ gìn và phát huy những nét văn hóa truyền thống của cộng đồng. Nhìn vào trang phục của nhóm Dao này có thể phân biệt với một số nhóm Dao khác. Trang phục của nhóm Dao Lô Gang bao gồm áo (miền kiết lui), thắt lưng (tàu coong), yếm (lùi tòn), quần phụ nữ (miền xiết hâu), xà cạp (chàu kiu), mũ (dùi bo), trang sức (chu lui). Chiếc mũ của người Dao Lô Gang được ghép bởi hai mươi một miếng vải dày 6cm, chiều rộng là 18cm, hình lục giác viền hoa đỏ. Lễ phục của thầy cúng gồm áo dài, khăn hoặc mũ, xà cạp và váy. Nữ phục Dao Lô Gang thường có khăn, áo dài, yếm, quần, dây lưng và xà cạp được trang trí, thêu thùa công phu, quần đen, thêu hoa văn hình chân chó, hình chữ chi hay hình quả trám dưới ống quần. Y phục nam thường mặc áo ngắn màu chàm hay màu đen, cổ đứng và thấp, xẻ ngực, có khuy bằng vải. Áo có xẻ tà, ống tay dài và hẹp, thường có hai, đến bốn túi. Quần của người nam trước kia ống rộng vừa phải dài đến mắt cá chân, thường có màu chàm hoặc màu đen, cạp lá tọa hay luồn dây. Trên trang phục của người Dao thường trang trí nhiều họa tiết hình cây thông, quả trám...

Phụ nữ người Dao dùng nhiều đồ trang sức bằng bạc như: nhẫn, vòng cổ, vòng tai, vòng tay... ngoài mục đích làm đẹp còn để trừ tà ma và giữ gìn sức khỏe.

Tập quán ăn uống của người Dao Lô Gang mang những đặc sắc riêng hòa chung vào bản sắc văn hóa của cả dân tộc. Trong ăn uống, người Dao Lô Gang chủ yếu ăn cơm là chính ngoài ra còn ăn ngô hay ăn cháo. Món ăn phổ biến là thịt luộc, các món thịt trâu, lợn... sấy khô hoặc ướp chua. Người Dao thường uống rượu cất, rượu men lá, một số nơi lại uống loại rượu không qua trung cất có vị chua, không cay nồng như rượu đã qua trung cất. Các món ăn của đồng bào Dao Lô Gang trong ngày thường và lễ tết rất đa dạng. Một số món ăn được dùng trong ngày tết và lễ như: thịt lợn quay (tùng chí), bún (Buồn pún), quà bánh (dúa), khâu nhục (ồ chang)... Những bản sắc văn hóa truyền thống, phong tục tập quán chính là sợi dây gắn kết tình cảm làng xóm keo sơn gắn bó trong cộng đồng và là sự tiếp nối qua nhiều thế hệ.

Hiện nay, trong cộng đồng người Dao Lô Gang vẫn lưu truyền một nghề thủ công gia đình nổi tiếng đó là làm giấy bản. Giấy bản được làm ra nhằm mục đích để ghi chép sách cúng, sách truyện sách hát, viết số, làm tiền mã... Công việc làm giấy bản rất kì công và phức tạp đòi hỏi cần có tay nghề và hiểu biết, mùa làm giấy thường vào tháng tám và tháng chín âm lịch. Ngoài ra, người Dao Lô Gang còn làm cao chàm nhuộm vải, rèn nông cụ, làm đồ trang sức bằng bạc, nghề mộc, nghề đan lát... Hiện nay, những công việc đó không còn phổ biến như trước nữa.

Người Dao Lô Gang thường họp chợ theo phiên. Họ thường đến chợ để trao đổi, mua bán hàng hóa cần thiết cho cuộc sống. Người Dao Lô Gang xuống chợ không chỉ để mua bán hàng hóa mà còn để gặp gỡ bạn bè, giao lưu tình cảm...

Trong những dịp lễ hội, ngày tết và những lúc rảnh rỗi người Dao Lô Gang thường tổ chức những trò chơi đánh cò, đu dây... Vì đây là địa bàn cư trú chủ yếu tập trung nhiều người dân tộc Dao Lô Gang, cho nên có thể thấy những nét đặc sắc văn hóa của dân tộc này nổi trội hơn hẳn. Tuy nhiên, cũng có một số nét văn hóa qua thời gian đã dần bị mai một, thất truyền do chưa có ý thức gìn giữ vì không biết hết về giá trị của những nét văn hóa đó.

## **1.2. Một số vấn đề lí luận**

### **1.2.1. Dân ca và dân ca Dao**

\*Dân ca

Nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đã đưa ra những khái niệm, định nghĩa về “dân ca”. Nhưng cho tới thời điểm hiện tại, chưa có một khái niệm nào



thật sự đầy đủ và chính xác để định nghĩa khái niệm “dân ca”. Trong “Từ điển thuật ngữ văn học” dân ca được định nghĩa là “Một loại hình sáng tác dân gian mang tính chất tổng hợp bao gồm lời nhạc, động tác, điệu bộ kết hợp với nhau trong diễn xướng” [8, tr. 105].

Dân ca Việt Nam rất phong phú và đa dạng. Dân ca là tấm gương phản chiếu hiện thực xã hội, lối sống, cách cảm, cách nghĩ, phong tục tập quán của mỗi dân tộc và là các sáng tác của quần chúng nhân dân. Qua những làn điệu dân ca, chúng ta thấy hiện lên những nét đẹp văn hóa của nhiều vùng miền khác nhau với nhiều thể loại như: dân ca quan họ Bắc Ninh, hát Xoan Phú Thọ... ở Bắc bộ, hò Huế, hát Sắc bùa... ở miền Trung bộ, những điệu lý... ở miền Nam. Nhìn chung, những câu hát dân ca chủ yếu được truyền khẩu. Trong quá trình diễn xướng mỗi người đều có quyền sáng tạo để hoàn thiện các sáng tác. Do vậy các bài dân ca tồn tại rất nhiều dị bản khác nhau và được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Các bài hát dân ca thường được biểu diễn trong những dịp lễ hội, lúc nông nhàn và đôi khi được cất lên trong lao động hay những thời điểm cụ thể để bộc lộ tình cảm, giao duyên... Cách thức thể hiện, hệ thống ngôn ngữ, âm điệu của từng địa phương khác nhau, cho nên những làn điệu dân ca khi thể hiện cũng có sự khác biệt.

Những làn điệu dân ca có chức năng giáo dục to lớn trong đời sống. Nó khơi dậy tình yêu quê hương, đất nước, cách ứng xử trong các mối quan hệ xã hội, giáo dục thế hệ trẻ. Ngoài ra, dân ca còn có chức năng sinh hoạt, chức năng nghi lễ và đặc biệt chức năng nghệ thuật đặc sắc. Vì vậy, những làn điệu dân ca được xem là chiếc cầu nối gắn kết những trái tim, những tâm hồn đồng điệu với nhau.

#### \*Dân ca Dao

Dân ca Dao là những bài hát, những khúc hát được lưu truyền trong cộng đồng người Dao. Những bài hát đó ban đầu thường là do một cá nhân nghĩ ra, sau đó được truyền khẩu qua nhiều người từ vùng này sang vùng khác, từ ngành Dao này sang ngành Dao khác. Trải qua thời gian, những bài dân ca dần dần được gọt giũa, sàng lọc và sáng tạo để phù hợp với từng địa phương khác nhau.

Hát dân ca của người Dao hay còn được gọi là hát Páo dung. Tên gọi Páo dung được sử dụng trong cộng đồng nhóm Dao Lô Gang và Dao Thanh Phán, còn tên gọi Áy dung dùng trong nhóm Dao Thanh Y, nhưng đều để chỉ những làn điệu dân ca của người Dao. Hát Páo dung là loại hình diễn xướng dân gian mang đậm

tính trữ tình, trong sáng, mộc mạc tựa tâm hồn người Dao. Trong từng ngành Dao lại có những làn điệu Páo dung khác nhau. Cũng giống như dân ca của các dân tộc khác hát Páo dung của người Dao là những làn điệu dân ca bắt nguồn từ tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, đời sống lao động sản xuất, tình cảm lứa đôi... thông qua đó, gửi gắm những ước nguyện hay tâm tình của con người. Hát Páo dung có nhiều loại hình: Hát Páo dung trong sinh hoạt, trong nghi lễ tín ngưỡng... Hát Páo dung sinh hoạt gồm các bài hát ru, hát vui chơi, hát giao duyên, hát đối đáp nam nữ, hát than... các bài hát này chủ yếu dựa vào tài năng ứng tác tại chỗ của người hát và phụ thuộc vào chủ đề, hoàn cảnh bài hát được thể hiện. Vào mỗi dịp xuân về, những chàng trai cô gái người Dao thường hát giao duyên, những cuộc hát thường diễn ra rất lâu. Hát Páo dung nghi lễ tín ngưỡng phong tục gồm các bài hát được sử dụng trong các nghi lễ truyền thống của đồng bào Dao như: lễ cấp sắc, lễ cưới, cúng đầy tháng..., các bài hát này thường có nội dung cố định được các thầy cúng và người hát học thuộc. Hát Páo dung trong lao động gồm những bài hát ca ngợi lao động sản xuất, ca ngợi thiên nhiên, những kinh nghiệm về mùa vụ thời tiết... Đây là điệu hát dân ca truyền thống của dân tộc Dao. Nội dung chủ yếu của những bài dân ca của Dao thường xoay quanh chủ đề đời sống lao động sản xuất, phép ứng xử, tình yêu lứa đôi... chứa đựng giá trị nhân văn sâu sắc định hướng giáo dục con người, khơi dậy tình yêu quê hương, đất nước. Trong những lễ hội, những phiên chợ... những câu hát Páo dung ngân nga du dương như đưa hồn người ngao du nơi đỉnh núi, say sưa trong men nồng của rượu men lá đượm hương đất trời cây cỏ. Lời ca của các bài dân ca rất ngọt ngào, tươi sáng... Dân ca Dao là món ăn tinh thần không thể thiếu trong đời sống của đồng bào dân tộc Dao.

### **1.2.2. Hát Hầu Vua**

Hát Hầu Vua là một trong những loại hình thuộc hát Páo dung tín ngưỡng. Các bài hát Hầu Vua được thực hiện trong lễ cấp sắc có thể xem như là một loại hình dân ca nghi lễ với hình thức nghệ thuật tổng hòa của nhiều yếu tố như: hát, nhạc đệm bằng tiếng chuông đồng, kèn pí lè, trống...

Tên gọi hát Hầu Vua phần nào đã nói nên chức năng chính của loại hình hát này trong lễ cấp sắc. “Hầu” là đứng hoặc ngồi trước mặt thần linh, vua, quan để hầu hạ và cho người trên sai bảo, còn “vua” để chỉ thần linh và vua Bàn Vương. Hầu

Vua tức là ca hát cho vua Bàn Vương và thần linh nghe. Người dân địa phương đã căn cứ vào chức năng chính của loại hình hát này để đặt tên sao cho phù hợp nhất. Theo chúng tôi, hát Hầu Vua là một loại hình dân ca nghi lễ tín ngưỡng quan trọng trong lễ cấp sắc. Hát Hầu Vua là những bài hát có phần lời cố định được thể hiện cùng sự hỗ trợ của các nhạc cụ hoặc không, được diễn ra trong một không khí trang trọng, linh thiêng. Hát Hầu Vua vừa là một hình thức sinh hoạt tín ngưỡng vừa là một loại hình dân ca đặc sắc của đồng bào dân tộc Dao.

Những bài hát Hầu Vua được người hát và chủ yếu là thầy ba cùng một số người biết hát thực hiện trước bàn thờ tổ tiên. Theo cách gọi của người dân địa phương, người hát trong lễ cấp sắc thường được gọi là người hát ví. Hát ví là kiểu hát đối đáp ngẫu hứng giữa một bên nam và một bên nữ. Trong lễ cấp sắc, phần hát đối đáp cũng được diễn ra, nhưng với quan niệm hai bên cùng giao duyên cho vua và thần linh nghe. Những lời hát này là một phần quan trọng và không thể thiếu trong lễ cấp sắc. Những bài hát trong buổi lễ được thể hiện theo trình tự nhất định không thể đảo lộn hay thêm bớt.

Thường thấy trong lễ cấp sắc, người hát là những phụ nữ Dao thuộc nhiều bài hát, có giọng hát hay, có thể biết tiếng Nôm Dao hoặc không và có những hiểu biết về lễ cấp sắc được người chủ nhà mượn đến để hát trong lễ. Thường thì những người phụ nữ đó xuất thân trong gia đình làm nghề thầy cúng, nên ngay từ nhỏ đã được tiếp xúc, truyền dạy lời hát này. Hình thức hát chủ yếu được sử dụng trong lễ cấp sắc là hát kể chuyện *“Hầu hết các truyện thần thoại, truyện cổ tích của người Dao đều được viết thành thơ. Do đó có thể vừa đọc, vừa hát khi kể. Thường trong các buổi lễ cầu mùa, lễ cấp sắc kéo dài nhiều ngày, những người già thường kể chuyện cho con cháu nghe bên bếp lửa. Cũng có khi trong cuộc hát, hai bên hát về một câu chuyện cổ với mục đích thử sự hiểu biết của đối phương”* [24, tr. 147]. Ngày trước, trong các lễ cấp sắc còn lưu truyền những hình thức hát như: hát uống rượu, hát hỏi thăm... nhưng bây giờ những hình thức hát đó đã dần bị mai một. Bởi lẽ, hiện tại không còn nhiều người thuộc những bài hát đó nữa, những người biết và thuộc thì nay tuổi đã già, sức khỏe yếu và không biết chữ để ghi lại những bài hát đó vì vậy đã dẫn tới việc thất truyền. Các bài hát trong lễ cấp sắc điển hình như: Nhiều miền sáng ca (Người nữ hát), Điều thâu ca (Lại đến ca), Dầu thâu lấy chày (Giờ hát), Dầu thâu chày (Lại đến đoạn này), Thâu chày tòi (Đến giờ đối), Piễn lầy chày (Đến nửa đêm

hát), Diều thả cháy lấy lông (Thần linh phù hộ gia chủ), Thâu phủng triền dân (Tiễn đưa Bản Vương về), Piu diu khua khò (Bản Vương ra đời), Phổng hò dung (Thần linh phù hộ)... Các bài hát Hầu Vua được thể hiện khá đa dạng gồm có: hát răn dạy, hát giao duyên, hát tiễn đưa...

Nội dung chủ yếu được đề cập đến trong các bài hát Hầu Vua mang ý nghĩa cầu khẩn thần linh phù hộ cho gia đình người được cấp sắc, miêu tả lại quá trình chuẩn bị, cách thức làm lễ cấp sắc, lật lại những trang sử truyền thống của đồng bào và thường kể về nguồn gốc loài người, nguồn gốc ra đời của cộng đồng dân tộc Dao, phác họa lại bức tranh thiên di đầy gian truân và vất vả của người Dao và ca ngợi thiên nhiên, lao động sản xuất, ca ngợi lòng dũng cảm, cùng với đó là những lời ca gửi gắm tình cảm da diết, trong sáng nhưng rất đỗi mộc mạc của con người. Đồng thời, những câu hát được cất lên còn chứa đựng những điều răn dạy, cách đối nhân xử thế giữa con người, ca ngợi những điều tốt đẹp trong cuộc sống. Các bài hát hội tụ toàn bộ những tinh hoa văn hóa đặc sắc tộc người được thể hiện bằng nhiều hình thức ca hát khác nhau như: Páo dung tín ngưỡng, hát giao duyên nam nữ và hát đối... tạo nên một không gian tâm linh vừa trang trọng vừa gần gũi gắn bó đoàn kết trong cộng đồng và đem lại niềm vui cho những người đến chứng kiến buổi lễ. Qua những bài hát, con người nhớ lại cội nguồn, tổ tiên, trân trọng những giá trị văn hóa tinh thần, bồi đắp thêm tình yêu và niềm tự hào dân tộc.

### **1.3. Khái quát về các bài hát trong lễ cấp sắc của người Dao Lô Gang ở Hợp Tiến, Đồng Hỷ, Thái Nguyên**

#### **1.3.1. Nguồn gốc các bài hát và hát Hầu Vua**

Nguồn gốc của các bài hát Hầu Vua trong lễ cấp sắc gắn liền với sự ra đời của lễ cấp sắc. Về nguồn gốc của lễ cấp sắc có nhiều truyền thuyết đề cập đến và được người Dao truyền tụng từ đời này sang đời khác, *“ngày xưa, khi tổ tiên người Dao đang sinh sống yên ổn trên các triền núi, bỗng đâu ma quỷ xuất hiện phá hoại mùa màng, giết hại con người và vật nuôi... Ngọc Hoàng bèn lệnh cho các vị thần tiên truyền phép thuật cho người đàn ông làm chủ gia đình trong bản, rồi cấp một đạo sắc phong thầy để cùng quân nhà trời trừ yêu quái. Cũng từ đó, để phòng ma quỷ quấy phá Ngọc Hoàng đã ban lệnh cấp sắc (Quá tặng) cho người đàn ông có lòng muốn giúp dân trừ họa”* [9].

Một số bài hát trong lễ cấp sắc được hình thành dựa trên cốt truyện của những truyền thuyết kể về quá trình thiên di đi tìm vùng đất mới để an cư lạc nghiệp của người Dao Lô Gang. Trong “Thư ca thiên di 8” của người Dao Tuyên có ghi lại toàn bộ quá trình thiên di của người Dao từ nguyên nhân thiên di, việc hai người họ Đặng và họ Bàn sang Việt Nam tìm đất sinh sống, cho đến việc mười hai họ Dao lênh đênh trên biển và cuối cùng được an cư lạc nghiệp trên quê hương mới:

“Đi đất An Nam, bỏ cố hương

Sang đến năm nay tháng giêng hai

...

Họ người năm sau lưu lại đôi

Vạn tuế cất hòm để giữ gìn”

[39, tr. 360 - 386].

Trong cuốn sách “Lễ tục của người Dao ở Vĩnh Phúc và Lào Cai” có ghi lại quá trình di cư của người Dao đến Việt Nam “*bắt đầu từ những năm 40, thế kỉ XIII, nhưng đông nhất là từ thời Nguyên, Minh (Trung Quốc)... Lại có chuyện kể rằng: Từ thời nhà Lê, khoảng thế kỉ XVIII, có 7 chiếc thuyền của người Dao đi biển bị sóng to, gió lớn đánh lạc hướng, mỗi tốp một ngả. Lênh đênh mãi, cuối cùng họ mợt dạt được vào bờ, lên được đất liền ở vùng Hoành Bồ (Quảng Ninh). Sau đó họ di cư sâu dần vào địa phận Việt Nam. Một bộ phận đến Thái Nguyên, Phú Thọ, Sơn Tây, Hòa Bình, rồi Vĩnh Phúc*” [23, tr. 24 - 25].

Những bài hát Hầu Vua còn xoay quanh những nội dung bắt nguồn từ lao động sản xuất hàng ngày, thiên nhiên núi rừng, tình cảm lứa đôi, mối quan hệ trong gia đình, họ hàng và đặc biệt là những cách hành lễ trong buổi lễ cấp sắc. Đồng bào Dao Lô Gang là một dân tộc có đời sống nội tâm phong phú, yêu thích ca hát cho nên họ đã tự sáng tạo nên những làn điệu Páo dung để gửi gắm, giải bày tâm tình, ước mơ của họ với thần linh, với mọi người. Những lời hát Hầu Vua cũng đã gợi nhắc đến người có công sáng tạo ra những làn điệu Páo dung được lưu truyền trong cộng đồng người Dao Lô Gang:

Chấy tú cù cây chia phẩy pầu, nạm tài xí lòo niều tải khòa.

Lầy phạm chấy tú xìn ka súa, díp tài sậy trắng dăng trảm sin dủng tầm hùng.

Tầm hùng chấy châu pé phỉn, tòng hùng chấy đĩa khú nhàn chằm.

Dịch:

Chẻ lạt đan lát làm thúng mẹt, nam làm trống chiêng nữ trồng hoa cây.

*Lí Tam làm được nghìn bài ca bài hát, lưu lại đời nay để hát cho thần linh nghe.*

*Thần linh làm ra lửa cho trăm họ dùng, thần làm ra vàng bạc kim lượng.*

[54, tr. 32].

Trong quan niệm của người Dao, “Lí Tam” là một nhân vật trong huyền thoại, có công “làm được nghìn bài ca bài hát” cho người Dao được lưu truyền qua nhiều thế hệ để ‘hát cho thần linh nghe’. Ngoài ra, những bài hát còn do chính những người Dao sáng tác ra để phục vụ nhu cầu tinh thần của cộng đồng.

Trong lễ cấp sắc các bài hát đóng một phần quan trọng không thể thiếu. Tính chất thiết thực của các bài hát ấy đã được khẳng định trên phương diện nội dung và nghệ thuật, đồng thời gắn bó với nghi lễ truyền thống và đời sống sinh hoạt hàng ngày của đồng bào. Những bài hát hiện được ghi chép, lưu truyền trong các sách của người Dao.

### **1.3.2. Các bài hát trong lễ cấp sắc gắn liền với phong tục, tín ngưỡng**

Từ xa xưa, đồng bào Dao Lô Gang đã quen với lối sống du canh, du cư cho nên cuộc sống vô cùng bấp bênh và lạc hậu, trình độ sản xuất thấp kém, hơn thế nữa lại thường xuyên bị bão lũ, hạn hán... hoành hành. Một mặt, người Dao Lô Gang tin rằng vạn vật trong trời đất đều có linh hồn nên phải thờ cúng tất cả ma quỷ, thần linh để mong có cuộc sống yên ổn. Đồng bào Dao Lô Gang thờ phụng rất nhiều thần thánh, do vậy tạo nên tín ngưỡng đa thần “vạn vật hữu linh” chi phối đến ý thức hệ tư tưởng và hình thành nên nhiều phong tục tập quán. Điều này được thể hiện rất rõ trong lễ cấp sắc của người Dao Lô Gang, trước khi nghi lễ được diễn ra các thầy cúng treo khoảng mười chín bức tranh của các vị thần linh, trong đó người chủ và thầy cả mỗi người có ba bức tranh và thầy hai có mười ba bức tranh. Người Dao Lô Gang rất có ý thức giữ gìn và bảo quản tranh thờ cúng. Tranh thờ được lưu giữ trong các gia đình thầy cúng và được trao truyền từ đời này qua đời khác như một báu vật. Tất cả các nghi lễ của người Dao Lô Gang từ nhỏ đến lớn đều cần có tranh thờ. Bộ tranh cúng của người Dao Lô Gang bao gồm các tranh cơ bản như sau:

1. Tranh Tam Thanh (gồm ba tranh)
2. Tranh Chu Lãng độ mạng thiên tôn

3. Tranh Thái Ất cứu khổ thiên tôn
4. Tranh Cửu u phá độ thiên tôn
5. Tranh Phật

Trong các tranh thờ thì Bàn Cổ là hình tượng thần tối cao nhất trong bé tranh Tam Thanh Cung.

Bàn Vương là tổ tiên của người Dao, còn Bàn Cổ là tổ tiên của loài người. Đạo giáo - Đạo lão coi Bàn Cổ là thánh nhân, ông tổ có vai trò vô cùng quan trọng đối với con người vì Bàn Cổ là vị thần có công “khai thiên lập địa”.

Bên cạnh đó, người Dao Lô Gang còn thờ những thế lực tự nhiên, thực hiện nhiều nghi lễ nông nghiệp trong cộng đồng. Đặc biệt, cần phải ghi nhớ tranh cúng nếu không có lễ nghi thì tuyệt đối không được ở tranh “Tranh thờ mở ra là gà chết” bởi vậy muốn mở tranh tất phải giết gà để làm lễ thánh. Nhìn chung tranh thờ của đồng bào Dao Lô Gang đã kết hợp hài hòa của cả ba tín ngưỡng Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo... Những hình thức tín ngưỡng đó đều được thể hiện trong các lời bài hát được vang lên nhịp nhàng trong tiếng chuông đồng trước mặt các thầy và các vị thánh thần.

Không giống một số các dân tộc khác, dân tộc Dao nói chung và nhóm Dao Lô Gang nói riêng không đi theo bất kỳ một tôn giáo nào, nhưng mặt khác lại chịu những ảnh hưởng của tam giáo đặc biệt là Đạo giáo và Phật giáo “*Các hình thái tôn giáo nguyên thủy, thờ cúng nhiều thần thánh, dùng phép thuật trừ ma, diệt tà, phù phép chữa bệnh, kiêng kỵ nhiều “ma”, “thần” trong nông nghiệp, trong cưới xin, sinh đẻ, nuôi con, làm nhà mới, làm ma, chay,... rất gần với thuật phù thủy của đạo giáo*”[6, tr. 190 - 191]. Những bức tranh thờ Đạo giáo có nguồn gốc từ Trung Quốc... Dân tộc Dao di cư từ phương Bắc sang nước Việt Nam cho nên họ đã đem theo truyền thống văn hóa, những nét tín ngưỡng dân gian du nhập vào, rất nhiều bài hát trong lễ cấp sắc có nội dung đề cập đến hành trình thiên di vất vả, gian truân của người Dao trên con đường tìm vùng đất mới để an cư lập nghiệp.

Cũng giống như các dân tộc khác, dân tộc Dao Lô Gang cũng có những truyền thuyết kể về nguồn gốc của các hình thức nghi lễ trong cộng đồng dân tộc mình. Theo lời kể của thầy cúng và một số người dân tại địa phương: Trước đây, đồng bào Dao Lô Gang phải trải qua một đợt hạn hán kinh hoàng, cho nên tổ tiên

người Dao Lô Gang phải tìm đường di cư đến vùng đất khác để sinh sống. Trong lúc lênh đênh trên biển chưa vào tới bờ, thì bão tố nổi lên, họ phải sửa soạn lễ khẩn cầu xin Bàn Vương và tổ tiên giúp đỡ đưa thuyền vào bờ và hứa sẽ trả ơn. Vì vậy, trong cộng đồng người Dao Lô Gang đều có tục thờ cúng vua Bàn Vương, người được cho là ông thủy tổ của người Dao và là người giúp đỡ cho người Dao vượt qua hoạn nạn với mong ước được Bàn Vương che chở phù hộ cho con cháu. Trong các sách cổ có ghi lại những câu chuyện về nguồn gốc của cộng đồng người Dao Lô Gang gắn liền với tên tuổi của Bàn Vương. Người Dao có câu: “Piền hùng sinh tia, piền cấu sinh miên” tức là “Bàn Vương thánh đế, Bàn Cổ thánh nhân” để giúp con cháu có thể phân biệt rõ hai vị thần linh này để thờ cúng. Cũng giống như các dân tộc khác người Dao cũng có tục thờ cúng ông bà tổ tiên.

Người Dao Lô Gang còn cho rằng khi con người chết đi không có nghĩa là biến mất hoàn toàn mà là đến một thế giới khác. Nếu khi còn sống họ đã được làm lễ cấp sắc thì sau khi mất họ mới được coi là người đã trưởng thành, là con cháu của Bàn Vương thì sau khi mất đi họ sẽ được về với ông bà tổ tiên, về với gốc gác cội nguồn bên Dương Châu - Trung Quốc để hưởng một cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc. Điều này cho thấy việc chịu ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo ở thuyết luân hồi sinh tử. Cho vậy họ cho rằng cuộc sống hiện tại chỉ là tạm thời, cuộc sống sau khi chết mới là vĩnh viễn.

Có thể thấy, hầu như tất cả những nghi lễ tín ngưỡng của dân tộc Dao Lô Gang đều có nguồn gốc. Các bài hát trong lễ cấp sắc đặc biệt là hát Hàu Vua gắn bó chặt chẽ với nguồn gốc ra đời, di cư, lập nghiệp... của dân tộc Dao Lô Gang. Vì vậy, việc gìn giữ những bài hát là một việc làm vô cùng thiết thực và cụ thể để bảo tồn những truyền thống tốt đẹp của ngành Dao Lô Gang nói rộng ra là cả cộng đồng người Dao.

### **1.3.3. Nghi lễ cấp sắc và phương thức diễn xướng các bài hát Hàu Vua**

Nghi lễ cấp sắc là một trong những nghi lễ quan trọng trong cộng đồng dân tộc Dao, ở mỗi địa phương cách thức tổ chức nghi lễ cấp sắc có phần khác nhau. Hát Hàu Vua có mối quan hệ sâu sắc, gắn liền với nghi lễ cấp sắc. Cấp sắc là tên gọi được dùng phổ biến *“Tên ‘cấp sắc’ bắt nguồn từ việc người trải qua nghi lễ được thầy cúng cấp cho bản sắc ghi bằng chữ Nôm Dao. Nội dung nói về lai lịch người thụ lễ, nguyên do thụ lễ, ngày và nơi thụ lễ, do ai cấp sắc cho và các điều răn”* [6,



tr. 206 - 207]. Ngoài ra, tùy vào từng địa phương, từng ngành Dao nghi lễ này còn được gọi bằng nhiều tên gọi khác nhau: Ở Tuyên Quang, người Dao Quần Trắng gọi lễ cấp sắc là “chay xấy”, ở Hòa Bình người Dao Tiền gọi là lễ “lập tinh”, “lập tịch” hay “lập tính”, ở Thái Nguyên người Dao Quần Chẹt gọi là “chầu đàng”, người Dao Lô Gang gọi là “tẩu trái”, nhưng về mặt ý nghĩa thì vẫn tương đồng. Theo đồng bào dân tộc Dao, lễ cấp sắc đã có từ rất lâu được truyền từ này này sang đời khác. Lễ cấp sắc của người Dao hội tụ những nét văn hóa truyền thống, giáo dục đạo đức, nghệ thuật. Dân tộc Tày, Sán Dìu... cùng cư trú trên địa bàn tỉnh cũng có nghi lễ cấp sắc. Đối với dân tộc Tày, lễ cấp sắc là đại lễ của những người làm Then, còn đối với người Dao lễ cấp sắc đánh dấu sự trưởng thành của người con trai dân tộc Dao và cũng là ngày lễ quan trọng của thầy cúng cấp sắc. Nhìn đại thể, lễ cấp sắc của người Dao có một số điểm tương đồng về ý nghĩa, ngoài ra cơ bản là khác biệt.

Lễ cấp sắc thường được tổ chức vào tháng mười một, mười hai hoặc tháng giêng, tháng hai âm lịch năm sau, đây là lúc mùa màng đã thu hoạch xong, chưa vào vụ mùa mới người dân trong thời gian nông nhàn, khoảng thời gian này thời tiết vẫn còn se lạnh.

Độ tuổi của người được làm lễ cấp sắc ở mỗi ngành Dao có sự khác nhau. Thông thường, con trai người Dao Đỏ, Dao Tiền làm lễ cấp sắc ở độ tuổi khoảng từ 12 tuổi đến 30 tuổi, người Dao Áo Dài làm lễ ở độ tuổi từ 11 đến 19 tuổi, người Dao Lô Gang từ 20 tuổi đến 50 tuổi thì được cấp sắc. Theo quan niệm của người Dao Lô Gang, những người đã chết mà chưa được cấp sắc thì con cháu vẫn phải làm lễ cấp sắc cho trước khi làm lễ cho bản thân. Trong cộng đồng người Dao Lô Gang người được cấp sắc phải theo thứ bậc lần lượt trong gia đình. Đối với dân tộc Dao, người nào chưa làm lễ thì sẽ bị coi là người chưa trưởng thành, nếu không được cấp sắc thì dù có già mà mất đi cũng không được về với tổ tiên, hồn chỉ đưa về động Đào Hoa Lâm Châu và lúc còn sống không được thờ cúng cha mẹ. Còn những người đã cấp sắc thì mới làm được thầy cúng, được thánh thần công nhận, biết các phép thuật, cấp âm binh và đặc biệt được cộng đồng công nhận là con cháu của Bàn Vương, được phù hộ, có quyền thờ cúng tổ tiên và khi chết đi hồn sẽ được đoàn tụ với ông bà tổ tiên ở Dương Châu. Người con trai sau khi thụ lễ được xem là người trưởng thành cả về thể chất và tâm linh. Theo quan niệm của đồng bào Dao Lô Gang, những người đã được trải qua cấp sắc sẽ làm ăn phát đạt, hạnh phúc, dòng họ ngày càng thịnh vượng.

Theo phong tục của người Dao Lô Gang, gia đình người muốn làm lễ cấp sắc trong năm đó phải không có tang, người nhà phải kiêng cử cẩn thận như không ăn những vật cúng trong lễ như thịt lợn, thịt gà... cho đến khi buổi lễ kết thúc. Lễ cấp sắc là một nghi lễ lớn, cho nên trước khi tổ chức lễ cấp sắc gia đình thụ lễ cần chuẩn bị một số thứ cần thiết phục vụ cho buổi lễ như: nấu rượu, mua hương, mua giấy bản, may quần áo... Thời gian chuẩn bị phụ thuộc nhiều vào điều kiện kinh tế của từng gia đình. Ngoài ra, gia đình thụ lễ thường đến nhà thầy cúng trước để chọn ngày tốt làm lễ và mời các thầy đến làm lễ.

Lễ cấp sắc có nhiều bậc từ thấp đến cao. Thứ nhất là Quá tăng- bậc thấp nhất, theo tục cấp sắc thì được cấp ba đèn và ba mươi sáu binh mã. Thứ hai là Ngũ tinh lễ cấp năm đèn và ba mươi sáu binh mã. Thứ ba là Thất tinh lễ cấp bảy đèn và bảy mươi hai binh mã. Thứ bốn là Cửu tinh lễ cấp chín đèn và bảy mươi hai binh mã. Cuối cùng là Thập nhị tinh - bậc cao nhất được cấp mười hai đèn và một trăm hai mươi binh mã. Đa số đồng bào thường tổ chức lễ cấp sắc ở bậc thất tinh, cấp bảy đèn và bảy mươi hai âm binh. Mỗi lễ cấp sắc bảy đèn cần mời bảy thầy (thầy cả, thầy hai, thầy ba, thầy đồng, thầy công, thầy sáu, thầy bảy). Thầy cúng đều là những người đã được cấp sắc, biết tiếng Nôm Dao, am hiểu về các nghi lễ của người Dao Lô Gang và nắm rõ cách hành lễ.

Đến ngày nghi lễ được diễn ra, thầy cả và thầy hai phải thắp hương để xin phép ma tổ tiên đi theo phù hộ độ trì và cúng gọi thần linh, xin lĩnh âm binh, triệu tập binh mã đến nhà người thụ lễ để làm lễ cấp sắc. Chỉ có thầy cả và thầy hai mới đem binh mã và tranh cúng, đi cùng các thầy có các trò đi theo để mang quần áo, sách số... giúp các thầy. Các thầy sau khi tới nhà người thụ lễ đông đủ sẽ tiến hành thực hiện nghi lễ. Trong suốt thời gian diễn ra lễ cấp sắc, các thầy cúng thay nhau đọc lời cúng và nhảy múa trước bàn thờ. Điều đó, nhằm tượng trưng cho việc lên đường đi đón tổ tiên về dự lễ cấp sắc nhưng trước hết phải xin phép thần linh để qua các cửa ải, trải qua vất vả, băng rừng vượt suối. Đồng thời, xin phép tổ tiên cho gia đình được làm lễ cấp sắc cho người đàn ông vì đã đến tuổi trưởng thành và mong tổ tiên phù hộ cho gia đình và người đàn ông được cấp sắc.

Lễ cấp sắc bảy đèn của người Dao Lô Gang được thực hiện theo các nghi lễ chính sau: Lễ trình diện, lễ lên đèn, lễ hạ đèn và giao âm binh, lễ qua cầu, lễ đặt tên, lễ trình diện Ngọc Hoàng, lễ tơ hồng, lễ thăm thiên đình.

Trình tự diễn ra các bài hát Hầu Vua gắn liền với trình tự của lễ cấp sắc, được tuân thủ theo thứ tự đã được định sẵn. Khi chưa đến giờ hát, người hát không được hát mà phải chờ đến đúng giờ mới được hát.

Sau khi thực hiện xong đầy đủ các lễ, thầy cả làm lễ cúng tạ ơn ma tổ tiên và Bàn Vương cùng các thần linh. Người được cấp sắc sau đó phải thực hiện vái lạy ma Bàn Vương, ma tổ tiên, và các thần linh, vái lạy ông bà, bố mẹ, anh em họ hàng.

Lễ cấp sắc là một trong những nghi lễ truyền thống được đồng bào dân tộc Dao duy trì qua nhiều thế hệ, tùy từng địa phương lễ cấp sắc có những đặc điểm chung và khác nhau. Song không thể tránh khỏi những mặt hạn chế nhất định cần kể đến điển hình như sự tốn kém về tiền của, vất vả, mất nhiều thời gian cho việc chuẩn bị và tiến hành lễ cấp sắc cho một cá nhân. Tuy nhiên, đây là một nghi lễ mang đậm phong vị bản sắc dân tộc, có tính giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ. Hiện nay, lễ cấp sắc của đồng bào Dao Lô Gang ở Thái Nguyên đã có nhiều thay đổi, cách tân để phù hợp với xã hội hiện tại và tâm lý của đông đảo người dân, song không vì thế mà mất đi những giá trị văn hóa, tinh thần đáng quý trọng. Chính vì vậy, lễ cấp sắc đã xứng đáng trở thành di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo tồn và phát huy những tiềm năng và giá trị của nó.

Trong lễ cấp sắc của đồng bào Dao Lô Gang các bài hát Hầu Vua được diễn xướng với sự tham gia của thầy cúng, người hát, trò đi theo thầy cúng, người được nhà chủ mượn đến hát... đã tạo nên dấu ấn đặc biệt cho buổi lễ. Bên cạnh việc sáng tác các bài hát Hầu Vua, người Dao Lô Gang còn sáng tạo ra những điệu múa gắn liền với nghi lễ tôn giáo của đồng bào như: cúng tế cấp sắc, múa cầu mùa... Ngay phần đầu lễ cấp sắc, thầy cúng cùng các trò vừa đọc bài cúng vừa lắc chuông đồng nhảy múa nhịp nhàng và tiến hành nghi lễ trước bàn thờ tổ tiên trong tiếng khèn, tiếng trống, tiếng chiêng đệm theo. Trong lễ cấp sắc của người Dao Lô Gang việc thực hiện những bài múa được diễn ra trực tiếp ngay tại nơi làm lễ. Nghi lễ đến phần nào thì múa theo phần đó đã có sự quy định rõ ràng, phải có thứ tự trước sau nhất nhất phải tuân theo. Tùy từng hoàn cảnh, giai đoạn tiến hành nghi lễ mà các điệu múa được thể hiện sao cho phù hợp *“Với các điệu múa thuộc về thế giới tâm linh thì động tác của người múa thể hiện lúc sôi nổi, lúc dịu dàng, lúc như đang bay lên trời, lúc lại như đang tìm đường xuống âm phủ, lúc nhảy lò cò một chân, lúc đang nhảy sôi nổi bỗng im bật. Có lúc một người múa che miệng ghé vào tai ông*

*thầy thì thâm một điều gì đó. Nét mặt người nghe và người nói tỏ ra đặc biệt bí ẩn và quan trọng khiến người bên ngoài cảm nhận được sự thần bí nào đó sắp xảy ra...”* [23, tr. 52]. Những điệu múa như một hình thức thể hiện sức mạnh, thể hiện sự giao tiếp với những thế lực siêu nhiên, để xua đuổi tà ma chứ không đơn giản là một hình thức sinh hoạt văn nghệ đơn thuần. Trong quá trình diễn xướng dân gian, chẳng hạn như: trong lễ Lập tịch của đồng bào có đến hơn 10 điệu múa: múa rồng, múa gà, múa kiếm, múa phồn thực, múa dân hương, múa giao quân, múa thu quân, múa chuông... Nhìn một cách khái quát *“Nội dung chủ yếu của các điệu múa là miêu tả những động tác trong lao động, trong sinh hoạt, đôi điệu còn mang tính phồn thực về sinh sôi nòi giống, đôi điệu lại mang tính đấu tranh chống chọi lại với thiên nhiên nghiệt ngã. Không có điệu múa nào mang tính bi ai, mất mát đau thương. Những điệu múa này được thể hiện với những động tác rất mạnh mẽ kèm theo các đạo cụ”* [23, tr. 52]. Khi múa các thầy cúng thường sử dụng các nhạc cụ kèm theo như: trống, thanh la, chũm chọe, chuông... Khi thực hiện những điệu múa các thầy cúng đứng hướng mặt lên bàn thờ và múa theo nhịp hát đồng thời tay phải rung nhạc cụ và chân phải nhịp nhàng bước lên xuống, ngồi hoặc đứng... Trong lễ cấp sắc, các bài hát nói chung có rất nhiều hình thức diễn xướng khác nhau, còn trong các bài hát Hầu Vua của người Dao Lô Gang chủ yếu được thực hiện theo hai cách là hát đơn và hát giao duyên nam nữ. Khi hát đơn người hát sẽ được ngồi trên một chiếc phản gỗ có trái sắn chiếu, trước mặt có thể đặt một bát thức ăn trên có một chiếc đũa gà, bên cạnh có thêm một đôi đũa và một chén rượu hoặc không. Trong khi hát, người hát tay vừa rung chuông vừa hát hoặc không rung chuông. Còn khi hát đối đáp sẽ có thêm sự tham gia của ba em trai đứng một bên cùng thầy ba, những những người biết hát và bên kia là ba em gái cùng người hát. Hai bên đứng song song với nhau trước bàn thờ tổ tiên để hát đối đáp :

Đồng tòng piễn mài xìa xoong ôi áp? Xùn kin xèng dẫn chia liêu xoong?.

Đồng tìn piễn mài rật xoong ôi áp, xùn kin xeng dẫn mảng điều xin.

Châm chiu tài chày quỳ chia ôi tòng? Chia cỏ tòng muần chia chiều.

Châm chiu tài chày quỳ rất ôi tòng, chia cỏ tòng muần rất chiển chần câu.

Dịch:

*Qua cánh đồng thấy mấy đôi vịt? Xuân đến sinh ra bao nhiêu vật?.*

*Đi qua cánh đồng thấy một đôi vịt, xuân đến sinh ra vạn vật.*

*Giờ sớm lại đến qua mấy đồng? Gặp bao nhiêu người tốt?*

*Sớm mai lại đến qua một đồng, gặp một người đồng môn trung thực tốt bụng.*

[54, tr. 49 - 50].

Trong quá trình diễn xướng thường có những đoạn người hát tự bắt nhịp để vào bài hát tạo nên một nét đặc trưng riêng biệt cho lối hát Hầu Vua:

Lấy lấy lá lấy xây (Hò lơ, hò lơ để hát bài)

La lấy liền lòng lạ lấy xây

[54, tr. 12].

Về lối hát của các ngành Dao cũng có những điểm khác biệt dễ dàng nhận thấy. Nếu như người Dao Lô Gang hát thẳng từng câu và thường chỉ thêm từ “ôi” hoặc “ôi” vào trong câu hát mỗi khi cần ngân hay tạo sự mềm mại uyển chuyển cho câu hát, thì người Dao Thanh Y khi hát lại sử dụng các từ ngữ có khả năng liên kết giữa câu các câu hát với nhau “hà hôi hết, ế hê, ...” khiến những câu hát cứ thế ngân mãi dần trải vô cùng vô tận. Chẳng hạn trong câu hát của người Dao Thanh Y:

*“Chả gày mầu tắng nòi gày ón*

*Mông giong thỏ khòa chiu môn lau”*

[24, tr. 143].

Khi diễn xướng câu hát sẽ được hát như sau: *“Chả gày mầu tắng... hà hôi hết, mầu tắng.. í .. a.. nòi gày ón .. ế hê... Mông i... í... giong... hà hôi hết, thỏ khòa gày ón... ế hê... Mông giong thỏ khòa... hà hôi hết..., môn lau... ế hê.. chiu môn lau ế... hê...”* [24, tr. 144].

Trong cộng đồng dân tộc Dao Lô Gang có rất nhiều hình thức diễn xướng dân gian điển hình như: diễn xướng trong đám cưới, diễn xướng trong giao duyên, diễn xướng trong tang lễ, diễn xướng trong lễ hội...

Hát Hầu Vua được bảo lưu theo phương thức truyền miệng đối với những người không biết tiếng Nôm Dao cho nên học được ý nào, câu hát nào hay tự sáng tác được bài hát nào thì “giữ kỹ trong đầu óc” và “chôn chặt trong tim” đợi khi cần đến thì đem ra hát. Trên thực tế những người xuất thân trong dòng họ có nghề làm thầy cúng thì sẽ có cơ hội tiếp cận và học hỏi nhiều hơn. Sự tác động của toàn thể cộng đồng là những mảnh ghép góp phần tạo nên bức tranh hoàn chỉnh, sinh động nâng cao nghệ thuật diễn xướng.

### **\*Tiểu kết**

Cộng đồng người Dao nói chung và dân tộc Dao Lô Gang nói riêng là một tộc người có ngôn ngữ, tín ngưỡng, tôn giáo, phong tục tập quán riêng. Do tập quán sinh

sống, cho nên đồng bào Dao thường cư trú ở vùng gần rừng núi và chủ yếu sống dựa vào thiên nhiên. Về tập quán canh tác sản xuất đồng bào vừa trồng lúa trên nương vừa trồng lúa nước. Họ sống xen kẽ với những dân tộc khác như Kinh, Sán Dìu, Mông... cho nên văn hóa có sự giao thoa, tiếp biến nhưng không bị hòa tan trong văn hóa của các dân tộc khác. Lễ cấp sắc là một nét đẹp văn hóa của đồng bào Dao được duy trì bền vững qua nhiều thế hệ. Đây được xem là nghi lễ quan trọng nhất của cộng đồng người Dao. Ở đó chứa đựng một kho tàng văn hóa truyền thống, lịch sử, mang tính chất giáo dục thế hệ trẻ. Mỗi khi nhắc đến dân tộc Dao thì chúng ta không thể quên những làn điệu Páo dung mượt mà, ngọt ngào, thiết tha, sâu lắng và những bài hát Hàu Vua trong lễ cấp sắc của ngành Dao Lô Gang nói riêng và của cả cộng đồng dân tộc Dao nói chung. Tất cả những yếu tố đó cần được khôi phục, bảo tồn và phát huy.

Bên cạnh những yếu tố tích cực cần gìn giữ còn tồn tại những mặt hạn chế nhất định đó là sự tốn kém về tiền của, mất nhiều thời gian cho việc chuẩn bị và tiến hành lễ cấp sắc và một số nghi lễ khác. Số ít cá nhân người Dao Lô Gang còn duy trì việc mời thầy cúng giải hạn, cúng chữa bệnh... song những hủ tục đó đã và đang được đồng bào nhận thức và đi đến sửa đổi cho phù hợp nhưng không đánh mất đi bản sắc dân tộc.

Hát Hàu Vua là một bộ phận quan trọng của Páo dung tín ngưỡng, đây là làn điệu dân ca truyền thống gắn liền với những phong tục tập quán và nghi lễ tín ngưỡng của người Dao Lô Gang. Hát Hàu Vua trong lễ cấp sắc là một trong những loại hình của Páo dung cho nên trong đó hội tụ đầy đủ và gần như trọn vẹn những giá trị của hát Páo dung về mọi mặt. Mặt khác, hát Hàu Vua cũng mang những nét riêng của một thể loại. Tuy nhiên, từng nhóm Dao khác nhau lại có những bài hát Hàu Vua khác nhau về cách thể hiện, nhưng tựu chung lời hát Hàu Vua đều đề cập đến nguồn gốc, lịch sử thiên di của đồng bào Dao Lô Gang, đồng thời hướng đến mục đích răn dạy, giáo huấn, khơi dậy tình yêu thiên nhiên, tình yêu làng bản và đất nước, tinh thần đoàn kết tình cảm gắn bó keo sơn giữa mọi người với nhau. Hát Hàu Vua có ý nghĩa quan trọng trong việc giáo dục thế hệ trẻ. Nhờ có những làn điệu Páo dung và đặc biệt là những bài hát Hàu Vua mà nghi lễ cấp sắc của đồng bào Dao Lô Gang thêm phần phong phú và đặc sắc. Đồng thời góp phần gắn kết cộng đồng thêm giàu mạnh, vững bền.

Có thể thấy, nghệ thuật ngôn từ, nghệ thuật tạo hình, nghệ thuật diễn xướng dân gian truyền thống được hội tụ đầy đủ và trọn vẹn trong nghi lễ cấp sắc của người Dao Lô Gang. Xét về nghệ thuật tạo hình, chúng tôi nhận thấy những hình tranh cắt giấy, tranh thờ... được thể hiện rất phong phú, đậm chất nghệ thuật, phản ánh tín ngưỡng của đồng bào Dao Lô Gang.

## Chương 2

### NỘI DUNG CÁC BÀI HÁT HẦU VUA TRONG LỄ CẤP SẮC CỦA NGƯỜI LÔ GANG Ở HỢP TIẾN, ĐỒNG HỖ, THÁI NGUYÊN

#### 2.1. Thể hiện tấm lòng thành kính trước tổ tiên và thần linh

Hát Hầu Vua có một sức sống bền bỉ và mãnh liệt ăn sâu vào trái tim của đồng bào dân tộc Dao nói chung và người Dao Lô Gang nói riêng. Bởi lẽ, đây là nét văn hóa có giá trị nhân văn sâu sắc, thể hiện tấm lòng thành kính của người Dao Lô Gang trước tổ tiên và các vị thần linh. Qua những lời hát Hầu Vua, đồng bào Dao Lô Gang có thêm những hiểu biết về nguồn cội dân tộc mình, cách đối nhân xử thế, trách nhiệm đối với gia đình và xã hội...

Hầu hết mọi dân tộc trên thế giới đều có cho riêng mình những câu chuyện thần thoại xung quanh xuất xứ nguồn gốc ra đời của dân tộc mình. Đối với đất nước Trung Hoa nói chung và cộng đồng người Dao nói riêng, họ coi “Bàn Cổ” là vị thần có công đầu tiên sáng lập ra thế gian từ thuở trời đất còn hỗn mang. Trong huyền thoại, Bàn Cổ được coi là vị thần “khai thiên lập địa, ông là người chế lập thiên địa, sông núi”, “làm ra sông núi, làm ra biển, lại làm ra khe suối”, “làm được thóc lúa”. Không chỉ có thế ông còn “cai trị thiên hạ mấy nghìn năm”. Đó là vị thần đầu tiên trong Tam Thanh của Đạo giáo. Ông được coi là thủy tổ của loài người, là con của Trời. Nhân vật Bàn Cổ trong huyền thoại có một vị trí quan trọng trong đời sống tâm linh của Trung Quốc nói chung và của đồng bào Dao nói riêng. Đối với bộ phận người Dao Tuyển họ cũng quan niệm Bàn Cổ là người duy nhất sinh ra vạn vật vũ trụ.

Truyền thuyết về Bàn Cổ Vương đã đi vào trong tiềm thức của đồng bào Dao như một chân lí bất biến tồn tại trong chiều sâu ý thức của cả một cộng đồng. Những lời hát Hầu Vua cũng đã phác họa hết sức chân thực nguồn gốc của vị thần đã có công sáng tạo ra vũ trụ, sáng tạo ra thời gian “một năm bốn quý đầy đủ hết” cho con người theo đó mà sinh sống, làm việc, không những thế còn “thay đổi sông núi cho suối chảy ra biển” cho người dân có nguồn nước tưới tiêu trồng trọt và thiết lập xã hội cho con người:

Piền khù xinh hùng khai thìn tầy, chấy liệp thìn tầy chấy xin nhùn.



Chấy tú xin nhùn sảng súi ôi khâu, dẫu chấy còong hò mú mản xin.  
Chấy tú ông cú phòng trần ôi xính, củn địa miền mản mù mản xin.  
Kính tinh dần nin phảy nhút ôi pít, phòng trụ xính hùng cói viển thìn.  
Coi viển xìn nhùn sảng súi khâu, im xít thìn địa mảng dẫu phìn.

Dịch:

*Cụ của Bàn Vương khai thiên lập đại, ông là người chế lập thiên địa, sông núi.*

*Làm ra sông núi làm ra biển, lại làm ra khe suối mấy vạn nghìn suối.*

*Làm được thóc lúa cúng thần linh, cai trị thiên hạ mấy nghìn năm.*

*Làm đúng một năm bốn quý đầy đủ hết, gặp được thần linh thời tiết vận hành theo đúng bốn mùa.*

*Thay đổi sông núi cho suối chảy ra biển, cai trị thiên hạ vạn năm [54, tr. 30].*

Trong tâm thức của người Dao Lô Gang, Bàn Vương “Piền Hùng” là vị thần có liên quan mật thiết đến đời sống, số phận của từng cá nhân trong cộng đồng người Dao Lô Gang. Bên cạnh đó, tên tuổi của Bàn Vương còn gắn liền với nguồn gốc xuất hiện mười hai họ của người Dao:

Chuồng mài pụa nhảy lêng chay mũi kít chằng sây tời mản xin nin. Phin chấy diu miền chấy pé phin pé phin diu miền mù mản xin.

Xeng địa lựa nảm chấy lựa liễu lựa nảm lựa liêu kít xoong lin dẫu xính hùng trâm lau điêm, củn địa miền mản mù mản xin.

Chấy tú cù cây chia phảy pầu, nảm tài xí lòo niều tải khòa.

Dịch:

*Trước kia có hai người sinh ra làm trời đất sinh ra thiên địa. Từ hai người sinh ra được hàng vạn người hai người lấy thành vợ chồng ngàn năm sinh ra loài người, sinh ra trăm họ.*

*Người đầu tiên sinh ra sáu người nam sáu người nữ sau đó sáu nam sáu nữ lấy nhau thành sáu cặp vợ chồng lại làm miếu cho thần linh ở, cai trị thiên hạ mấy nghìn năm.*

*Chẻ lạt đan lát làm thúng mẹt, nam làm trồng chiêng, nữ trồng hoa cây.*

[54, tr. 30- 31].

Vợ chồng Bàn Hồ lấy nhau sau một thời gian thì sinh ra sáu người con trai và sáu người con gái. Về sau họ lấy nhau thành sáu cặp vợ chồng, theo quan niệm của người Dao Lô Gang cũng chính từ sáu cặp vợ chồng này sinh ra đồng bào dân tộc Dao bây giờ. Không chỉ sinh ra người Dao, Bàn Vương còn giúp đỡ chỉ bảo, hướng dẫn con người “chẻ lạt đan lát làm thúng mẹt”, “trồng hoa cây” để phục vụ cho cuộc sống vật chất hàng ngày, “làm trống chiêng” để đáp ứng nhu cầu tinh thần của con người.

Trải qua hàng ngàn năm người Dao Lô Gang phân tán đi nhiều nơi từ các tỉnh trong miền Hoa Nam đến phía bắc các nước Đông nam Á. Nhưng dù ở nơi đâu, họ vẫn là anh em một nhà cùng chung huyết tộc và đều là con cháu của Bàn Vương “mấy vạn nghìn năm vẫn đoàn kết”, tương thân tương ái:

Xeng đĩa lựa nậm dẫu lựa niêu, lúa phỉnh diu miền mù mắng xin.

Liều thàu trâm sậy heng pun sáng, chuồng phúi tàng liều mù mắng xin.

Dịch:

*Sinh ra sáu nam sáu nữ thành sáu họ, sinh thành mấy vạn người.*

*Tồn tại đến bây giờ sinh sống khắp nơi, mấy vạn nghìn năm vẫn đoàn kết.*

[54, tr. 32].

Đối với người Dao Lô Gang, thánh thần có một vị trí vô cùng quan trọng trong đời sống tâm linh của họ. Người Dao Lô Gang còn cho rằng các vị thần linh có công “làm ra lửa”, “làm ra kim lượng” những thứ cần thiết cho cuộc sống của con người. Trong tâm thức của đồng bào Dao Lô Gang, con người được sinh ra trên cõi đời này là nhờ có công sức của thần “Lù Pan” và thóc lúa cũng là do một vị thần “Luàng Tru” làm ra, nhờ có thần “Luàng Tru” mà họ mới có mùa màng tốt tươi, thóc gạo đầy bồ. Ngay cả, những rừng cây xanh bát ngát cũng là do thần “Liu” trồng lên cho con người và những ngôi trường dạy chữ cho dân bản biết “học chữ rồi thì đọc sách cầm bút viết thư” cũng nhờ có thần “Tù Nhìn” xây dựng lên cho người Dao Lô Gang:

Tâm hùng chậy châu pé phỉn, tòng hùng chậy đĩa khú nhàn chằm.

Luàng Tru xinh hùng chậy ui ôi cú, Liều hùng chuồng trẩu tú diu dằm.

Lù Pin chậy miền chậy trâm ú, Tù Nhùn xinh chậy chậy sàu tòng.

Chấy tú muây xin họ tòng guyn tụ sâu, pá pắt phía sâu hêng.

Dịch:

*Thần linh làm ra lửa cho trăm họ dùng, thần làm ra vàng bạc kim lượng.*

*Thần Luông Tru làm ra thóc lúa, Liu thần trồng cây được bát ngát.*

*Thần Lù Pan làm ra con người làm ra nhà bằng vàng, thần Tù Nhìn làm ra trường học*

*Làm được trường học cấp huyện, học chữ rồi thì đọc sách cầm bút viết thư.*

[54, tr. 31].

Người Dao Lô Gang luôn ý thức “con người có tổ, có tông” được bảo tồn trong cõi tâm linh lưu truyền qua nhiều thế hệ và xuất phát từ nhận thức “vạn vật hữu linh” cho nên họ luôn thể hiện tấm lòng tôn kính trước tổ tiên và thần linh. Vượt lên trên những thử thách khắc nghiệt của thời gian, tiểu sử của các vị thần linh vẫn được đồng bào gìn giữ và lưu truyền trong cộng đồng như một minh chứng rõ ràng cho sự tôn kính trước sau như một của mình, đồng thời ca ngợi truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” của đồng bào dân tộc Dao Lô Gang. Dù cho người Dao Lô Gang phân tán rải rác ở nhiều nơi, nhưng miễn là con cháu Bàn Vương thì sẽ không bao giờ quên cội nguồn của mình:

Cún địa pàm miền mù xin mản xinh hùng chòi lọ mản xin lin. Tòng hùng sát sậy trâm loong điễn sát xinh pít mảng hứ xin nìn.

Xeng địa lựa nàm dẫu lựa niêu, lúa phính diu miền mù mảng xin.

Liều thàu trâm sậy heng pun sảng, chuồng phúí tàng liều mù mảng xin.

Dịch:

*Cai trị nhân dân mấy vạn người mấy nghìn năm vẫn lưu lại tiểu sử của thần linh. Thần ra đời trong miếu bảy nghìn tám vạn năm trăm năm.*

*Sinh ra sáu nam sáu nữ thành sáu họ, sinh thành mấy vạn người.*

*Tồn tại đến bây giờ sinh sống khắp nơi, mấy vạn nghìn năm vẫn đoàn kết.*

[54, tr. 32].

Người Dao Lô Gang đã lập lên những miếu thờ thần ở nhiều nơi, nhằm thể hiện lòng nhớ ơn sâu sắc tới các vị thần đã giúp cho người Dao Lô Gang có được một cuộc sống ấm no. Mỗi vị thần đều được xây miếu thờ riêng để con cháu sau này

thấp hương tưởng nhớ. Việc làm thiết thực này của đồng bào dân tộc Dao Lô Gang đã thể hiện một tư tưởng nhân văn sâu sắc, tồn tại lâu bền như một nét đẹp trong đời sống văn hóa tinh thần của người Dao:

Liệp mài lìn châu Phụ Linh mủ, liệp mài sang túa xinh hùng chìn.

Kiu quya trâm mủ củn thình địa phả liu thìn địa mản dẫu miền.

Cói viển xìn hùng dòi chôi điể, diu miền thìn địa xinh hùng chìn.

Dịch:

Lập các thần ở Phù Linh miếu, lập thần phải có hương sau này con cháu còn nhớ tới phải đốt hương kính viếng.

Sau này trung thần cai trị thiên hạ phát khắp thiên hạ bao nhiêu người.

Chia ra mỗi thần một miếu, loài người thay nhau mỗi người thờ một ông vua.

[54, tr. 32].

Tất cả các ngành Dao đều có tục thờ cúng Bàn Vương “Piền Hùng” để thể hiện sự tưởng nhớ và lòng biết ơn sâu sắc. Đồng thời, với mong muốn được che chở, giúp đỡ cho gia đình được thịnh vượng, con cháu học hành giỏi giang, đỗ đạt. Cho nên, bàn cúng được trang trí hoa giấy, treo tranh các vị thần linh theo đúng thứ tự rất ngăn nắp và công phu. Đối với đồng bào Dao Lô Gang chén rượu dâng lên thần linh là điều không thể thiếu ngoài ra trên bàn cúng còn có tiền giấy, hoa quả, sớ, bát hương, bánh... được chuẩn bị chu đáo nhằm thể hiện tấm lòng thành kính của con cháu trước tổ tiên và thần linh:

Tràng chí quà khí châu vẫy cháy, chói thim khòa tóo pé dòi dòi.

Pham nin và bìn chầy trần xinh, xinh chấu xuây lòng sát phiều chòi.

Mài xiêm phim cảnh trâm trần mài đĩa, mài đĩa bửa chần chần léng chình.

Trà trấu xìn ninh miền hênh vắng, chầy phun tòi tòi sát sông mênh.

Dịch:

*Bàn trên bày đủ giấy tiền âm, lại thêm hoa xếp hàng hàng.*

*Ba năm sửa soạn trả lễ thần linh, thần linh phù hộ gia chủ thành người giỏi giang.*

*Có tâm tôn kính biết ơn thần thì thấp hương, có tâm cúng lễ thần thì thần mới nhận lời.*

*Gia chủ làm lễ xong nghìn năm người thịnh vượng con cháu đời đời sinh ra  
thông minh* [54, tr. 33].

Trong lời hát Hầu Vua còn ghi lại thảm họa động đất, hạn hán vào hai năm Dần và Mão dưới triều Nguyên Thuận Đế Trung Hoa (năm 1368) đã càn quét, tàn phá, hủy hoại cộng đồng người Dao một cách vô cùng nặng nề. Trước thảm họa đó muôn vật không thể sinh sôi, nước sông suối cạn khô khiến dân chúng rơi vào cảnh “tứ cố vô thân”, người chết đói do đại hạn nhiều vô kể:

Dần Mão nhì lín trạ má phán, pé phính dả dêu quyên giả dêu.

Quyên dâm trầu phấu, dâm thảo pèng, rất rất piu tú trả mã hèng. Sâm púa pé xiểu tún say, dày chìn dày hú phảy phây làng, dâm tụ thái pèng quây puản sang.

Ôi linh ôi dẫn tông linh chần chị tiên, ôi dẫn tông linh chần chia ôi muỷ.

Kíu pá sây miên òn lọ nhàng.

Ôi linh ôi dẫn tông linh chần chị tâu.

Ôi dẫn tông linh ta say ôi cháu kíu phá tầm hùng sáy dân giàu.

Dịch:

*Hai năm Dần Mão loạn lạc, người xuôi lo sợ quan cũng sợ.*

*Quan lo phớ, phủ không thái bình, nhất nhất cầm gươm phi ngựa đi. Áo giáp đóng chắc đi dẹp loạn, nhìn trước nhìn sau quan sát mọi việc, lo được thái bình trong bản thôn.*

*Trả lại đồng chuông đặt trên bàn, hồi lại hồi chuông đặt bàn cuối.*

*Cho sự người an tâm rồi.*

*Trả lại đồng chuông đặt bàn đầu.*

*Trả lại đồng chuông cho thầy cả đưa lại thần linh không âu lo* [54, tr. 21].

Trước đại họa thảm khốc do thiên nhiên gây ra cho con người, đồng bào Dao Lô Gang phải tổ chức nghi lễ cúng Bàn Vương để “trả lại đồng chuông đặt trên bàn, hồi lại hồi chuông đặt bàn cuối” mong được che chở, giúp đỡ thoát khỏi tai họa khủng khiếp đang dồn loài người vào thảm họa diệt vong. Nhiều sách cổ của các ngành Dao đều đề cập đến và ghi lại thảm họa này như một minh chứng rõ ràng cho một giai đoạn lịch sử của người Dao đã trải qua. Trong “Thư ca thiên di 8” của đồng bào Dao Tuyển cũng có đoạn tái hiện lại giai đoạn đó:

“Dần mao hai hai năm trời đại hạn  
Đại hạn Hoàng long chạy lên châu  
Đến xứ khó quan nhưng không gạo  
Một cân gạo phải giá hai tiền  
Dần Mão hai năm sấm lạc đất  
Gieo lúa xuống đất không thành mạ  
Tám thước kho, gạo không ở đáy  
Đi đất An Nam, bỏ cố hương”

[39, tr. 360].

Ngoài ra, trong cuốn sách “Dân ca các dân tộc Púpéo, Sán Dìu, Dao, Lô Lô, Cao Lan” của tác giả Lê Trung Vũ, trong phần “Dân ca Dao” do hai nhà nghiên cứu Đỗ Quang Tự, Nguyễn Liễn sưu tầm và biên dịch cũng có ghi chép lại thảm họa kinh hoàng này trong “Bài “*Diệu tôm han dung phây*” trích dưới đây của đồng bào Dao Đại Bản, Dao Tiểu Bản, ở Yên Bái, Phú Thọ, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Cao Bằng...

*Được rút ra từ ở các sách Bàn Vương, Bàn Vương thư, Bàn Hoàng ca thư:*

“Diễn Mao nhậ nin thin tải han  
Xiêm sên tũa mục triển chiu in  
Tháo sáu quyền xoong mậ liệt mai  
Tháo sáu họ tòng puấn mậ kinh  
Tháo sáu xiêm cán mẩu súi lậu  
Diệu pháy phái nhiều màu mản sin  
Diễn mao nhậ min thin tải han  
Xiêm sên tũa mục triển chiu khâu  
Tháo sáu siêm sên mẩu súi lậu  
Tháo sáu pèng tín khúng khán màu.

Dịch:

*Dần, Mão hai năm, trời họa lớn  
Tre gỗ, chuối rừng ra khói hết  
Đến nổi công kho gạo chẳng còn  
Đến nổi trường học, sách cũng không*

*Đến nổi đằm sâu không luồng lạch  
Kiệt cạn khiến chết nghìn vạn cá  
Dần, Mảo hai năm trời đại hạn  
Rừng sâu, nửa chuỗi cháy hết khô  
Luồng lạch đằm sâu cũng chẳng còn  
Đến nổi ruộng bằng không nhìn thấy”*

[58, tr. 328 - 330].

Trong những truyện thơ được lưu truyền trong dân gian và những câu chuyện được đồng bào Dao truyền miệng qua nhiều đời, đã giúp chúng ta đưa ra được lời đáp thuyết phục cho gốc tích của người Dao nói chung và nhóm Dao Lô Gang nói riêng. Người Dao nói chung vốn có nguồn gốc từ bên Trung Quốc nhưng sau đó di cư sang Việt Nam. Nguyên nhân di cư xuất phát từ việc thường xuyên bị hạn hán, mất mùa, đói kém đồng thời bị bọn địa chủ phong kiến áp bức, bóc lột tàn bạo, lại bị cướp bóc, dịch bệnh. Người xưa kể lại rằng: Trên đường di cư tìm vùng đất mới dân tộc Dao đã phải trải qua rất nhiều gian nan vất vả, sóng gió, hiểm họa tưởng sẽ nhấn chìm cả mười hai họ Dao xuống đáy biển xanh sâu thẳm, nhưng sau khi người Dao tổ chức lễ tế, cầu khẩn thần linh thành kính và hứa sẽ trả ơn để “nhờ thần linh giúp đưa thuyền vào bờ”. Sau khi thuyền cập bến an toàn, người dân đã giữ đúng lời hứa của mình ngày trước làm lễ tạ ơn. Ngày nay, trong lễ cấp sắc, người Dao Lô Gang vẫn nhớ về cội nguồn mà không quên đi lời hứa năm xưa được lưu truyền qua bao đời:

Tràng dầu quỳ khói huây chiu khúa tẩu cháy tẩu chùn dằm tràng thàn.

Rằng tra tàu chũn pù chản nản, chập nhảy diu miền trầm lấy thàn.

Chun tuông trâu trầm muôn dân dấy? Hải lẫu tẩu chùn dằm quỳ hò.

Linh trầm khoi khấu trùn giàng vã, piền cú diêm guyn piu trùn tau dẫn đầu  
lây pải sát trần inh.

Chùn tàu hầu nhùn lung trần inh.

Nhùn tũn phàm triu quỳ khoi ngảm ling trần trùn đĩa pú miền tinh, ây trông  
dịp trâu vãn nhàng nhủn cà ðoong liêm lấy xuất viêm trang.

Dịch:

*Người tương qua biển sâu đừng chèo thuyền mãi nữa đừng lại mà để làm ăn.*

*Các nhà không nên chèo thuyền ra mãi ngoài biển nữa, mười hai loại người ai ở đâu thì ở đấy, không nên nghĩ mãi đi khắp mọi nơi.*

*Trong thuyền cầu thần việc gì đấy? Đường nào đi thuyền cũng thấy khó.*

*Linh thiêng miệng nói truyền lại đây, cụ của thần linh lại chèo đưa thần đi quá xa hai tay chấp vái nhận lễ thần.*

*Đặt lễ lên thuyền to đi đâu để thần linh nhận lễ vật.*

*Các cụ dâng lễ cho thần linh nhờ thần linh giúp đưa thuyền vào bờ, thần linh truyền lại người báo sắp lễ dâng hương trả lễ thần đám mùng làm xong con cháu nói xong ai cũng phải nghe* [54, tr. 34 - 35].

Trong lễ cấp sắc, những người thực hiện nghi lễ trước mặt thần linh và bàn thờ tổ tiên đều phải mặc trang phục truyền thống. Trang phục truyền thống chính là nơi lưu giữ và hội tụ những nét đẹp văn hóa truyền thống của người Dao Lô Gang, đồng thời thể hiện sự tôn kính trước thần linh mong được phù hộ, che chở và đề cao ý thức giữ gìn bản sắc dân tộc tránh để mai một:

*Pịa chị ôi pải*

*Lựa tải chiêm nhân xiêm pải phay xiêm pải thàn.*

*Pải chiêm mảy niu điều pải xinh.*

*Dịch:*

*Vào chiếu bái*

*Người hát mặc quần áo và đeo trang sức thành tâm bái lễ thần linh thì mới được phù hộ.*

*Bái tất cả các thần và các tranh tượng trưng cho thần* [54, tr. 1].

Nhóm Dao Lô Gang nói rộng ra là cả dân tộc Dao, vốn có tập tục thờ cúng nhiều thần linh, cho nên trước khi tiến hành lễ nghi họ phải “thành tâm bái lễ thần linh thì mới được phù hộ” và để mong các thần chứng giám cho người giả lễ. Trước khi làm lễ, những bức tranh tượng trưng cho các vị thần linh được treo theo thứ tự thẳng hàng ngay ngắn. Trên bàn thờ cúng của người Dao Lô Gang có bày bát hương, sớ, lọ hoa, gói gạo, bánh, trái cây, những chén rượu. Thường trên bàn cúng có bày hai lễ riêng của thầy cả và thầy hai bao gồm năm chén rượu, xôi, oản và hoa quả và một lễ là của thầy đồng. Những lễ vật mà con người dâng lên thần linh chứa đựng tất cả những tình cảm thành kính nhất với cả tấm lòng:



Pịa chị pải

Pịa thẩu tông thình pải xinh Lòong.

Trà cháu sinh sinh pải pham pải.

Dầu xĩa trần to pải dầm dòì, pải dầm pèng.

Pải trần ôi xinh, nhần va pải trần pải thẩu pèng pải thẩu dềng.

Dịch:

*Vào chiếu bái*

*Vào đến trước sân bái thần Lòong.*

*Nhà chủ nói mấy câu rồi vái ba vái.*

*Lại sợ mình bái không đúng bái không đủ hết các thần linh.*

*Bái thần chung, người nay bái thần bái đến đủ bái đến đều* [54, tr. 1].

Trong quan niệm của người Dao Lô Gang sẽ có rất nhiều thần linh đến chứng giám cho buổi lễ nên người hành lễ rất lo vái các thần “không đúng, không đủ” sợ bị trách cứ, có lỗi với các thần. Những đồ thờ cúng, thường là những lương thực mà nhà chủ có sẵn như: lợn, gà, gạo... Trước khi buổi lễ cấp sắc diễn ra người chủ phải “lấy gạo nếp gói thành bánh rồi đem đi luộc chín, đem xuống dẫn nạng ra hát để đỡ lo” và làm oản đem cúng thần linh để tỏ rõ tấm lòng tôn kính :

Chiếu miền quày tẩy sát trần châu sát sò seng, dần lòong ôi sảng phàm tấu dầu mà tài dẫn dầu, tài dẫn tàu.

Pham tấu dầu mà tài dẫn ôi huýa, trầm đĩa dần loong sát sang giàu sát sang điều.

Dịch:

*Người chủ quý đất làm ra kim ngọc, giờ dẫn nạng ra hát lấy ba hũ gạo nếp đến góp chung làm bánh tiễn thần.*

*Lấy gạo nếp gói thành bánh rồi đem đi luộc chín, đem xuống dẫn nạng ra hát để đỡ lo* [54, tr. 2].

Mặt khác, trước khi làm lễ cấp sắc người chủ phải có một nghi thức hứa với thần linh. Nghi thức này do thầy cúng đứng ra thực hiện giúp nhà chủ. Đây là một nghi thức rất quan trọng và không thể thiếu. Đối với người Dao Lô Gang, lời hứa trước khi làm lễ rất là quan trọng và rất thiêng liêng, bởi lẽ qua những lời hứa đó

con người có thể ý thức được những việc làm của mình để không mạo phạm tới thần linh:

Liều là xông mền chiếu dâm sính, xin trụ phú nhàng dâm xiu cà.

Chấu miền phú sần chân in ôi nhủn, choong xin bày bày nhạp chìn huyền.

Xông mền liều là chiếu mười ôi sính, xin trụ phú nhàng dâm hứu nghìn.

Dịch:

*Người có trí nhớ tốt thông minh người chủ muốn mượn đến hát, lại sợ mượn phải tiểu nữ không biết ca.*

*Người chủ thiếu lễ thần linh, làm lễ vào nhà để mượn thầy.*

*Thông minh có trí nhớ tốt người chủ thuê để đi hát, mượn được tiểu nữ cũng biết hát.* [54, tr. 7].

Trong cộng đồng người Dao Lô Gang, thầy cúng có một vai trò rất quan trọng, sau khi nhà chủ đã quyết định làm lễ cấp sắc cho người trong nhà thì gia đình phải “sắp lễ vào nhà thầy để nhờ thầy” xem giúp ngày nào tốt để có thể tiến hành nghi lễ và nhờ thầy đến làm lễ giúp gia chủ. Đồng thời, hỏi các thầy về việc chuẩn bị những gì cần thiết, những điều kiêng kị trước khi tổ chức lễ cấp sắc. Đây là một việc làm vô cùng quan trọng và thường gia đình phải cử một người đàn ông vào nhà thầy cúng thưa chuyện đàng hoàng để thể hiện sự tôn trọng. Trong cộng đồng người Dao Lô Gang, thầy cúng là những người có thể giao tiếp với thần linh, họ thay mặt thần linh giúp đỡ con người. Vì vậy họ luôn được mọi người kính trọng và yêu quý. Bên cạnh đó, người chủ còn phải đi nhờ người hát. Đó là những người “thông minh có trí nhớ tốt người chủ thuê để đi hát”. Những lời ca được người hát cất lên mang nặng nỗi lòng và tâm sự “lo lắng không biết hát thế nào”. Chính cái điều “lo lắng”, băn khoăn và hồi hộp đầy đã cho thấy được sự ý thức, thái độ nghiêm túc trước thần linh vì đó là việc “rất vinh dự” liên quan đến danh dự của bản thân, gia đình và cả một cộng đồng:

Rật piễn túa xam, nhảy piễn phây.

Tắm chàng chị tuông phiêm ỏm giàu

Guyên heng chấy nhủn pé xình linh.

...

Tú bá lòng lìn xìn mảng ninh.

Dịch:

*Bây giờ mặc trang phục để lát nữa hát.*

*Ngồi vào chiếu để hát cho quan nghe lo lắng không biết hát thế nào.*

*Cũng cố gắng hát rõ ràng cho người nghe.*

...

*Được nói chuyện với quan cảm thấy rất vinh dự.*

[54, tr. 12 - 13].

Bên cạnh đó, gia đình người chủ còn phải mua giấy bản. Giấy bản là một loại giấy dùng để chép sách, ghi chép văn tự... Ngoài những công dụng đấy giấy bản còn được xem là giấy tiền sau khi được cắt ra có chiều rộng khoảng ba đốt ngón tay và được đóng dấu :

*Pẹ chấy pẹ lìn lìn, tản thỉnh sày miền nạp chấy trâu, nạp chấy chìn.*

*Dầm tràng púng huya chằng pịa chấy xiu lúu pin tràng dầm xấy chìn dầm xấy trâu*

Dịch:

*Lấy bản in đục giấy bản thành tiền, nói báo sư thầy cho giấy thần linh rồi.*

*Chưa đem đi đốt tiền giấy thì chưa thành tiền âm dương đốt rồi thì mới thành tiền âm.*

[54, tr. 26].

Giấy tiền của đồng bào Dao Lô Gang giống như giấy vàng mã của người dân tộc Kinh, việc đóng dấu và cắt sắp xếp cẩn thận giấy tiền không phải là công việc một chốc một lát có thể xong ngay được, mà nó đòi hỏi thời gian và sự khéo léo của con người. Ở đây người Dao Lô Gang không phải mua sẵn giấy tiền để đem lên cúng mà là tự mình làm giấy tiền, hành động đó chính là tấm chân tình, lòng thành kính mà người Dao Lô Gang muốn gửi đến những vị thần mà họ luôn đặt trọn niềm tin và tôn thờ. Tiền giấy dùng trong lễ cúng có loại được đặt trên bàn cúng, hoặc dùng dây rơm xỏ vào một đầu của dải giấy treo lên một cái cây tre được bắc ngang trên bàn cúng, loại giấy treo là loại có kích cỡ to và dài hơn giấy tiền được xếp, khi

cúng xong giấy tiền được đốt để “thành tiền âm phủ”. Việc cúng giấy tiền của người Dao Lô Gang được xem như là một hành động biết ơn trước thần linh và tổ tiên:

*Pẹ chấy pẹ lin lin, châu miền trụ lúu piễn chằng chìn.*

Mây chằng púng huya chằng pịa chây, xiu lúu piễn chằng dằm xây chìn dằm xây châu.

Dịch:

*Láy bàn in đục giấy bản thành tiền, tài công đục in xong mới thành tiền.*

*Chưa đốt chưa hóa chỉ là tờ giấy bản trắng, đốt xong hóa thành tiền âm phủ.*

[54, tr. 60 - 61].

Trong một lễ cấp sắc, số giấy tiền cần dùng thường là một nghìn bản cắt. Có thể thấy, đây là một con số không hề nhỏ, đòi hỏi mất rất nhiều thời gian dành cho công việc này. Nhưng đồng thời qua hành động thiết thực này họ đã bồi đắp thêm tình đoàn kết giữa những thành viên trong cộng đồng người Dao Lô Gang. Việc tự làm tiền giấy để phục vụ cho lễ cúng phần nào thấy được ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của đồng bào Dao Lô Gang. Như đã nói ở trên, đối với người Dao Lô Gang thần linh có một vị trí đặc biệt trong cuộc sống của họ, cho nên khi “thiếu lễ thần linh” thì lúc nào họ cũng trong tâm trạng bất an, lo lắng. Cụm từ “sáng sáng chiều chiều” cho thấy thời gian xuất hiện tâm trạng đó diễn ra liên tục kéo dài từ ngày này qua ngày khác, lúc nào cũng thường trực trong suy nghĩ của họ. Cho nên, họ luôn mong ngóng chờ đợi đến ngày được “lá chín giả lễ thần” cho thần linh để làm tròn bổn phận trước gia đình và trong cộng đồng:

*Chấu miền phúu sấm trần in ôi nhủn, trùu triu đĩa đĩa dằm liêu tàu.*

*Dắm tụ vĩa chũa vịn nhùn tàu trảm mình trảm rất vịn nhàng nhùn.*

*Tồng thình chủ chấy pẹ phiêu siêu, sất bũa chấu miền òn lợu dàu.*

Dịch:

*Người chủ thiếu lễ thần linh, sáng sáng chiều chiều lo trả lễ.*

*Mong được lá chín giả lễ thần đã hứa một năm một ngày trả lễ thần linh.*

*Cửa sân làm giấy giả thần linh, nói bảo người chủ không lo.* [54, tr. 19 - 20].

Lễ cấp sắc là một nghi lễ lớn trong cuộc đời của mỗi người đàn ông Dao Lô Gang được truyền từ đời này sang đời khác. Buổi lễ này có sự tham gia và giúp sức của nhiều người trong họ hàng. Mỗi người họ hàng tới dự lễ có thể góp một

con gà, một lít rượu, tiền, và đi mời những người khác đến dự, dọn dẹp nhà cửa, nấu ăn... giúp nhà chủ. Từ đó, thấy được tình cảm đoàn kết, tấm lòng biết san sẻ và giúp đỡ lẫn nhau của con người để góp phần thực hiện một nghi lễ linh thiêng trong cộng đồng người Dao Lô Gang. Vì đây là một nghi lễ trọng đại nên gia chủ phải nhờ đến sự giúp sức của tài công – người giúp việc trong lễ cấp sắc, để lo mọi việc trong suốt trình buổi lễ diễn ra thuận lợi nhanh chóng và đặc biệt tránh để xảy ra những sai sót trước thần linh:

Trà trầu giàu xiêm cọ chấy xinh, lọ chấy xinh hùng léng chầu trình.

Áy chòng dịp chầu tôi dịp tôi, pú tú diu miền xin quỳ xin sàng.

Xính tú chầu quyên trầm lụ siêu, cọ chấy xinh hùng pụa nấu inh.

Bì bìn tú chang chân tài ôi dĩa, miền sậy pèng ơn nhùn dạ xình.

Thài pẹ xin tàu khí châu ôi liu, chấy mùi sàng láng tào quỳ trâu.

Dịch:

*Gia chủ có tâm làm lễ thần, sắp lễ cúng thần linh thần linh sẽ nhận lễ gia chủ.*

*Làm lễ cấp sắc đời này qua đời kia, phù hộ cho loài người năm này qua năm khác.*

*Nhờ tài công ra tay giúp, các thần linh thần vương phù hộ loài người.*

*Sắp xếp được thành thì thần nhận lời, trả lễ xong người sẽ được bình an.*

*Hương hoa lễ vật thần linh đã nhận rồi, thần linh bàn bạc nhận lễ vật về quê.*

[54, tr. 33 - 34].

Lễ cấp sắc của người Dao Lô Gang được thực hiện “đời này qua đời kia” với mong muốn thần linh sẽ “phù hộ cho loài người năm này qua năm khác”, đây là một mong muốn vô cùng chính đáng của người Dao Lô Gang. Nhưng muốn được thần linh phù hộ giúp đỡ và che chở thì “gia chủ” phải “có tâm làm lễ thần”, “sắp lễ cúng thần linh” thì “thần linh sẽ nhận lễ gia chủ”. Đồ lễ nhất thiết là phải chu toàn nhưng cái “tâm” thành kính còn quan trọng hơn cả, bởi lẽ cái “tâm” chính là tấm lòng quý trọng trước sau như một đối với tất cả các vị thần linh của người Dao Lô Gang. Có thể thấy, đây chính là một giá trị nhân văn đã tồn tại và liên tục được bồi đắp qua nhiều thế hệ người Dao Lô Gang. Ngoài có “tâm giả lễ” thì việc chuẩn bị chu đáo cho lễ cấp sắc cũng nhằm thể hiện sự tôn kính trước thần linh. Người Dao Lô Gang

không chỉ đi nhờ thầy cúng, người hát, chuẩn bị đồ cúng, giấy tiền mà người chủ còn phải mua bát hương về thờ cúng vua và thần linh:

Viên chấy tầm châu, dầu lấu viên, khé miên tan mãi quỳa chai trái.

Chầu miến sao chìn tăng khée ôi mái, kiu pá châu quyên thóc châu tài, thóc nhựa tài.

Châu chấy trâm min nọo máy chấu, pèng chấy xìn mình mản phui cây.

Dịch:

*Mua bát hương thờ cúng vua và thần linh, mua bát hương ở xuôi cát đi, người buôn mang bán ở chợ.*

*Người chủ đưa tiền mua được bát về, mua được bát về mang bát cho tài công để dựng lễ thịt rượu mang ra làm lễ.*

*Rượu nếp mang ra để thờ cúng, mang bánh ra cúng nghìn năm vẫn thơm.*

[54, tr. 21 - 22].

Sau những ngày tháng lao động cần cù vất vả, con người mới làm ra được hạt gạo, cho nên người Dao Lô Gang rất trân trọng thành quả lao động của họ. Từ thứ gạo do chính đôi bàn tay họ làm nên, họ lựa chọn kỹ càng, sàng sảy sạch sẽ để làm ra “rượu nếp” và “bánh” dâng lên thần linh. Rượu và bánh dùng để cúng thần linh để đến “nghìn năm vẫn thơm”. Trong lễ cấp sắc cũng vậy, rượu cúng thường là rượu nếp được làm từ thứ lúa tốt mới được thu hoạch về. Ở buổi lễ cấp sắc thầy cúng thường vừa múc rượu mời thần linh vừa đọc bài cúng. Đó là những cúng gửi gắm những mong ước cho gia đình được mạnh khỏe bình an, may mắn, mùa màng bội thu, con cháu học giỏi, đỗ đạt... trước thần linh. Trong việc “trả lễ” thần linh thiết yếu cần thứ rượu có hương thơm, khi uống vị ngọt và cay đượm nồng được ví “uống hết ba năm miệng vẫn còn ngọt” đem ra cúng. Vị ngọt đó không đơn thuần chỉ là vị ngọt của rượu đem đến cho vị giác của con người mà đó còn là vị ngọt ngào của những tấm lòng chân thành cùng với thái độ trân trọng của đồng bào Dao Lô Gang đối với thần linh:

Châu chấy trâm min nọo máy chấu, pèng chấy xìn mình mản phui cây.

Trâm pèng choong chấu, trâm pèng ôi quỳnh, xóng xiểu chạp tài nhàng dằm tài nhàng dằm vù.

Xin vui mừng tráng nhàng dầm ôi lú, chuồng mài khùng viên chùn ui vậy.

Tò chĩa ôi chấu, tò chĩa tầm hùng ông lấy trưm. Tò chĩa tầm hùng khú chấu ôi muây, dâm lú phàm minh khẩu chuồng càn.

Tò chĩa ôi chấu, tò chĩa sày miền khú chấu tràng tò chĩa sày miền khú chấu muây.

*Dịch:*

*Rượu nếp mang ra để thờ cúng, mang bánh ra cúng nghìn năm vẫn thơm.*

*Rượu đựng trong hồ lô người rót rượu hai tay rót rượu mời người, hai tay cầm lại không than vẫn gì.*

*Ngàn chén vạn chén người uống hết, uống xong rượu thì về không ở đó mãi mới thần linh.*

*Trả lễ rượu, trả lễ thần linh chum đựng rượu. Trả lễ thần linh toàn rượu gạo nên thơm, uống hết ba năm miệng vẫn còn ngọt.*

*Trả lễ rượu, trả lễ cho người thầy rượu tốt, trả lễ người thầy rượu có mùi thơm.*

[54, tr. 22].

Tấm lòng thành tâm “ngày ngày trả lễ” của “gia chủ” được thần linh chứng giám và nhận lễ, thì sau đó sẽ phù hộ che chở và bảo vệ cho “gia chủ”, gia đình và họ hàng của họ. Không những vậy thần linh còn giúp cho họ có được sự “thịnh vượng nghìn năm, “trước cửa cây mọc nở hoa nhiều”, “trồng rau hành ra đều đẹp tươi tốt, sau cửa nhà ruộng trồng lúa ruộng trồng lúa xanh tươi”, “thóc lúa đầy bờ mười nghìn cân”, đây là những điều vô cùng thiết thực đối với họ:

Phàn phang tò chĩa hú chấu trà, tò chĩa ôi chấu tò chĩa trâu quyen tò sang sang, tò chĩa trâu quyen hú chấu muây, dâm lú phàm hấu chuồng kinh.

Tò chĩa ôi chấu dâm chan chiêu trà khú chấu tra. Pú tú trà tuồng văng xin phũ, muồn chìn ké chấu tâng khòì khòa.

Ú chầy chuồng sông áp tôi áp, ú đĩa kèng tìn tìn tôi tìn.

Trầm mình, trầm rất vịn nhàng nhủn, ung cú phòng tâng chạp mản mình.

*Dịch:*

*Ngày ngày trả lễ chủ nhà mới an tâm, trả lễ tài công mang rượu thơm ra để cúng lễ, uống xong ba năm trong lòng vẫn nhớ, vẫn cảm thấy rất ngon.*

*Thần linh uống cả rượu và chè phù hộ cho gia chủ. Phù hộ gia chủ thịnh vượng nghìn năm, trước cửa cây mọc nở hoa nhiều.*

*Dưới vườn trồng rau hành ra đều đẹp tươi tốt, sau cửa nhà ruộng trồng lúa ruộng trồng lúa xanh tươi.*

*Một năm, một ngày sẽ trả lại lễ cho thần linh, thóc lúa đầy bờ mười nghìn cân.*

[54, tr. 23].

Khi làm lễ trước thần linh, đồng bào Dao Lô Gang thường lấy cây trầm hương vạc ra rồi cắm vào trong một chiếc bát đốt lên cho thơm. Con lợn cúng thần được tằm công và những người phụ giúp việc mổ thịt rồi đem nguyên con lợn đặt ngay ngắn trên bàn thờ và bộ lòng được cho vào chậu để dưới bàn thờ, cùng với đó là sáu đôi bánh được xếp bên cạnh con lợn cúng. Đây được xem là một cái lễ đã chu tất được chuẩn bị với cả tấm lòng biết ơn sâu sắc của người Dao Lô Gang, cho nên “không ai trách móc gì” được nữa:

Trà hờ ôi phẩy chúa tá sêng tàu, púa ơn toày trá trấu mai phin tạ chia xinh, tra tuông sản pú sát phiều chòn, chà hò ôi xinh thai pệ mình hung tòi mình xinh.

Trà châu mài phinh tò chia ôi xinh, trà tuông sò pú tú òn chiu, chà hò ôi xinh, bày trang xinh hùng lùa họ pui.

Dịch:

*Thần linh uống chè xong phù hộ, lợn bốn chân đặt lên bàn thờ, gia chủ có tâm trả lễ thần gia trung trả lễ sẽ giỏi giang, thần linh uống chè xong sẽ phù hộ.*

*Gia chủ có tâm thì trả lễ thần, gia trung trả xong lễ được bình an không ai trách móc gì, thần linh uống chè xong phù hộ, xếp sáu đôi bánh đặt cúng thần linh.*

[54, tr. 24].

Tuy cùng thuộc dân tộc Dao, nhưng mỗi ngành Dao ở từng địa phương lại có những bài hát được sử dụng trong lễ cấp sắc khác nhau. Trong lễ cấp sắc của người Dao ở Bắc Giang để cúng bào với Ngọc Hoàng và thần thánh về việc cấp sắc của gia chủ người định cấp sắc, thầy cúng phải hóa thành rồng, rồng vàng bay lên thiên đình gửi thiệp cho Ngọc Hoàng và các vị thần thánh đến dự lễ chứng giám, phù hộ cho gia chủ và con cháu, sau đó Ngọc Hoàng gửi thiệp đến ông bà tổ tiên người được cấp sắc:



Pè hạp đèn quái thắm póc tìn  
Thing nhẫu đèn hùng đai lo thỉn  
Ty gét pháng tử khỏi tin lâu  
Ty nhây sy lo khỏi nhọc môn  
Ngọc chúí cháng còng thâu thần khỏi  
Sọp đèn manh hung cháu sấu nhảm  
Mông lanh tử môn thỉn hồn lò  
Piệt tình dòm sấu tử thềng thỉn [24, tr. 206 - 207].

Sau khi các thủ tục nghi lễ đã được thầy cúng và người thụ lễ hoàn tất, cuối cùng là lễ đưa tiễn thần linh về. Tuy đây là nghi thức cuối cùng trong buổi lễ, nhưng yêu cầu cần phải thực hiện đầy đủ những thủ tục cần thiết. Trên bàn thờ cúng tổ tiên được bày thịt lợn, rượu, và những chén rượu được bày sẵn, một bát hương... Trên chiếc bàn được kê ngoài cửa để cúng thổ công, đặt thêm một chiếc đũa lợn. Nghi thức đưa tiễn sẽ do thầy cả đứng ra đảm nhiệm trong một không khí linh thiêng, trang trọng:

Tầm hùng ỏi siêu tàn mản siêu, chây mùi ỏi quây chằm rất đĩa.  
Nhà cán bày bày phủng dân ôi siêu, sinh liêu trầu trắng quả tăng chầy.  
Phủng trần ôi siêu, choong khí tài chùn súi pâu tàu sui pây chầy.

Dịch:

*Thần linh muốn đi vạn đường rồi, nàng ơi muốn về thì giờ đây về.  
Cầm que vẩy vẩy đưa thần về, tình cảm lưu luyến trong tấm lòng.  
Đưa thần linh về, đóng được đại thuyền đặt đầu bến hải.* [54, tr. 26].

Trong nghi thức đưa tiễn, tấm chân tình của người Dao Lô Gang được hiện lên vô cùng sâu sắc. Có thể thấy, họ là những con người nặng tình, nặng nghĩa trước giây phút chia li họ vẫn “lưu luyến trong tấm lòng” chẳng muốn rời xa. Điều này còn khẳng định thêm về mối quan hệ gắn gũi giữa thần linh và cộng đồng người Dao Lô Gang như có một sợi dây vô hình gắn kết những tấm lòng với nhau.

Những câu hát Hầu Vua được cất lên còn nhằm thể hiện sự biết ơn chân thành đối với tổ tiên, thần linh đã cho dân tộc Dao Lô Gang có được một cuộc sống ấm no hạnh phúc. Sau khi nghi lễ kết thúc để tỏ lòng hiếu kính người dân “đóng

tiền vàng”, “đóng rượu chum”, thịt lợn đưa lên thuyền cho thần linh. Đây là một cách để thể hiện tấm lòng thành kính của nhân dân:

Phủng trần ôi siêu, choong khí tài chùn súi pẩu tuồng súi pẩu coong.

Tài chây chùn tâu mù muất choong, siêu chây chùn tấu, choong nhàn chìn choong tiu còong.

Dịch:

*Đưa thần linh về, đóng làm đại thuyền đưa vua ra biển về.*

*Đến giờ trong thuyền không có gì, về thì trong thuyền đóng tiền vàng đóng rượu chum.* [54, tr. 27].

Theo quan niệm của đồng bào Dao Lô Gang, nghi lễ này được tổ chức nhằm tiễn đưa Bàn Vương về “phủ môn” là nơi thần linh ở. Đồng bào quan niệm trước khi làm lễ đã mời thần về thì nay sau khi buổi lễ kết thúc phải đưa tiễn thần ra về mới phải phép:

Phủng trần ôi siêu, pé mảng phải phai phát sát muồn phát sát chai.

Pé máy phải phai phát sát ôi nhĩa, phang phủng tầm hùng trắng mùi trai trắng mùi muồn

Phủng trần ôi siêu, phủng trần quây siêu thẩu lìn trâu.

Phủng trần ôi siêu, lìn trâu ôi mủ mùi chìn sìn tỏi dẫn hong hòong.

Dịch:

*Đưa thần linh về, cầm gạo vãi ra tiễn thần linh ra về.*

*Cầm gạo vãi ra tiễn thần linh ra về, tiễn đưa thần linh đi về phủ môn.*

*Đưa thần linh về, đưa thần linh về đến nhà quan.*

*Đưa thần linh về, đi đến nhà của thần linh xe âm âm đưa thần linh về phủ.*

[54, tr. 27 - 28].

Người Dao Tuyển cũng có những câu hát đưa tiễn thần linh về sau khi các nghi lễ được thực hiện xong và ghi chép lại trong “Hát tiễn thần”:

“Trống... vang... rồi...

Trở tay lại đánh trống tiễn đưa

...

Thầy bèn một lạy anh một vái

Đại gia tiễn thánh cũng quay về

Thánh mới đưa về thánh mới điện  
Thánh cũ đưa về thánh cũ đàn  
Gia tiên tiễn về Dương Châu phủ  
Táo quân đưa về núi Côn Lôn  
Thành hoàng đưa về Cát Châu miếu  
Bàn Cổ tiễn về Thanh Thảo Sơn  
Thần nông vương để ta vái tiễn  
Phục Nghi Đất Muội ra hương đàn” [39, tr. 144 - 150].

Dân tộc Dao vốn là một dân tộc có tín ngưỡng đa thần cho nên người Dao Lô Gang thờ cúng rất nhiều thần linh. Khi buổi lễ kết thúc họ phải đưa tiễn tất cả những vị thần trở về phủ miếu của các thần như: phủ Hèng Pèng, miếu Phúc Linh, miếu Phúc Giang, Xù Phây...:

Phủng trần ôi siêu, phủng trần quây siêu thẩu Hèng Pèng.  
Phủng trần quây siêu Hèng Pèng ôi miu, miu chìn sìa tòi dẫn pèng pèng.

...

Phủng trần ôi siêu, phủng trần quây siêu thẩu Xù Phây.  
Phủng trần ôi siêu Xù Phây ôi miu, miu chìn sìa tòi dẫn dầu dầu.

Dịch:

*Đưa thần linh về, đưa thần linh về đến phủ Hèng Pèng.*

*Đưa thần linh về đến nhà ở Hèng Pèng, xe đến miếu thần nơi đất bằng phẳng.*

...

*Đưa thần linh về, đưa thần linh về đến nơi Xù Phây.*

*Đưa thần linh về nơi Xù Phây miếu, xe đưa về đến miếu thần không lo âu.*

[54, tr. 28 - 29].

Trong phần kết thúc buổi lễ cấp sắc khi đưa thần linh về đã nhắc đến địa danh Dương Châu, nơi đó là quê hương của người Dao Lô Gang. Tình yêu quê hương là thứ tình cảm vô cùng thiêng liêng. Quê hương trong trái tim của cộng đồng người Dao Lô Gang là đất, là nước... là buổi bình minh nắng sớm, là những ngày trưa hè nắng chói... là tình yêu, là nỗi nhớ và còn là những nỗi cơ cực vất vả. Người Dao Lô Gang vốn sống nặng tình, nặng nghĩa cho nên dù ở bất cứ nơi đâu quê hương vẫn là tiếng gọi thiết tha trong trái tim họ :

Phủng trần ôi siêu, phủng trần quây siêu thảo Dàng Châu.

*Đưa thần linh về đến nơi Dương Châu miếu, xe đưa về đến miếu thần không lo âu.* [54, tr. 29].

Lễ tiễn đưa thần linh về được diễn ra trong không khí trang nghiêm của tiếng trống, tiếng kèn, tiếng thanh la vang lên. Ba bé gái và ba bé trai xếp thành hai hàng dọc song song với nhau đứng hướng mặt ra phía trước cửa, bên cạnh những bé gái là người hát, bên cạnh những bé trai là thầy ba và những người đàn ông biết tiếng Nôm Dao, biết hát. Đứng giữa là thầy cả tay cầm một chén nước và một bát tro hương vừa đọc bài cúng đưa tiễn thần linh lên đường về miếu, phủ, điện. Sau khi, bài cúng kết thúc thầy cả tiến ra trước hiên nhà đổ ụp chén rượu và bát tro hương xuống dưới đất:

Phủng trần ôi siêu, sày chầu thóc hung phủng sắt muồn.

Hèng lâu súi viên tử lo tẩy quây tẩy, sát triềm trần dảm tài trầm dẫn hèng.

Dịch:

*Đưa thần linh về, người thầy cầm bát hương đưa ra trước cửa.*

*Bát hương và bát nước đổ xuống đất, dù đất ra vàng bạc thần không đến thần không lại nữa.* [54, tr. 29].

Tấm lòng thành kính trước tổ tiên đã trở thành nếp sống, ăn sâu bám rễ trong tiềm thức của người Dao Lô Gang. Có thể thấy lễ cấp sắc và hát Hầu Vua là sự bồi lắng mang đậm tính nhân văn, chứa đựng những giá trị tâm linh sâu sắc. Đồng thời qua đó, gìn giữ những nét văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc Dao nói chung và người Dao Lô Gang nói riêng. Tấm lòng thành kính trước tổ tiên và thần linh được thể hiện trong những bài hát Hầu Vua hướng con người nhớ đến nguồn cội của dân tộc. Những bài hát Hầu Vua này còn là sợi dây liên kết cộng đồng người Dao Lô trong mối quan hệ dòng họ, làng bản tạo nên sức mạnh để bảo vệ và xây dựng cuộc sống giàu đẹp.

## **2.2. Phác họa bức tranh thiên nhiên tươi đẹp, thơ mộng**

Đề tài thiên nhiên trong thi ca không phải là đề tài hiếm gặp. Nội dung của những bài hát Hầu Vua ở Đồng Hỷ - Thái Nguyên ngoài việc khai thác đề tài tấm lòng thành kính trước tổ tiên và thần linh, chúng ta còn thấy trong đó là sự phác họa

bức tranh thiên nhiên tươi đẹp, căng tràn sức sống và rất đổi thơ mộng. Đây cũng chính là nội dung xuyên suốt trong các bài hát Hầu Vua của người Dao Lô Gang.

Mỗi một vùng đất đều có những đặc trưng, những nét độc đáo và mới lạ riêng. Đến với thiên nhiên miền sơn cước, chúng ta sẽ bắt gặp những dãy núi non hùng vĩ nên thơ, những cánh hoa rừng phô sắc thắm, tươi rực rỡ trong nắng sớm, suối nguồn mát trong chảy róc rách, cuộc sống sinh hoạt tươi vui trong những thôn bản và các nét văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc... Tất cả đều đi vào những lời ca một cách tự nhiên, thân thuộc. Đồng bào Dao Lô Gang có tập quán sinh sống dựa vào rừng núi, cho nên tình yêu thiên nhiên đã trở thành mạch máu chảy trong trái tim họ. Trước hết, khung cảnh thiên nhiên miền núi hiện lên trước mắt người đọc bằng một “con gió thổi lá cây lác đác rơi” vừa chân thực lại vừa sống động nên thơ:

Dám sáng ôi liu puằng xui mùa díp linh linh khuây khuây ôi dân, dân linh  
linh dân khuây khuây.

Puằng xiu mua díp linh linh khuây khuây dân dân sáng rệt tiu trùn pịa thỉnh  
trùn pịa quây.

Dịch:

*Giờ hát đã đến, gặp con gió thổi lá cây lác đác rơi.*

*Gặp gió cây lá lác đác rơi giờ hát một bài để vào sân để vào trong nhà.*

[54, tr. 4].

Tiếp đến là hình ảnh những cánh đồng lúa phì nhiêu xanh mướt, dào dạt sức sống hiện lên trong những câu hát Hầu Vua. Đối với người Dao Lô Gang, ruộng đồng có mối quan hệ gắn bó mật thiết và quan trọng trong cuộc sống của họ. Chính vì vậy, rừng cây xanh bát ngát hay những nương lúa xanh tươi và những con đường rừng tí tấp, rậm rạp, gập ghềnh hay những con đường nhỏ chạy bao quanh cánh đồng để di chuyển từ nơi này đến nơi khác luôn xuất hiện trong những lời hát của họ:

Châm chiu tài chày quya chia ôi ling? Lâu puông quây khốc pản tông lò.

Chấu miền sáo chìn tăng khé mải, dân xía khé miền kiu mải to.

Dịch:

*Sớm mai đi sớm qua mấy cánh đồng? Trên đường gặp quý khách làm đồng chuông.*

*Người chủ đếm tiền đặt khách mua, lại sợ người khách đưa nhiều.* [54, tr. 6].

Qua những cánh đồng, chúng ta bắt gặp con đường ngoằn ngoèo, uốn khúc dẫn vào bản làng, thôn xóm hay những con đường đất gập ghềnh cắt ngang những mảng của quả đồi, chạy vắt qua những khe suối nước chảy róc rách. Trên những con đường hiểm trở, xa xôi đó luôn có những hiểm họa khôn lường rình rập, nhưng không vì thế mà họ sợ hãi hay chùn bước đi. Họ luôn giữ một tinh thần lạc quan, yêu đời, tay vẫn cầm những cành hoa tươi thắm của núi rừng bẻ được trên đường đi. Trong con mắt của những người nơi đây, thiên nhiên rừng núi hiện lên rất nên thơ và tươi đẹp:

Nhàng đĩa muôn hàng hòng hải lâu?.

Hải lâu dà dui xui giả xiêm.

Xúi xiêm lâu diu lâu vin đế khoa tài.

Dịch:

*Hỏi khách đi đường nào tới đây?.*

*Đường cũng xa qua sông suối cũng sâu.*

*Nước sâu đường xa nhưng vẫn bẻ cả hoa mang đến.*

[54, tr. 8 - 9].

Thiên nhiên có một vai trò vô cùng to lớn. Nó gắn bó mật thiết với đời sống của đồng bào người Dao Lô Gang. Ngay trong “Trường ca Bàn Hộ” cũng đã nói đến cách chăm sóc hoa màu, cây gỏi bảo vệ môi trường sống được khởi nguồn từ xa xưa:

Trên trần có bụi quét xuống đất

Trong nhà có bụi quét ra ngoài

Quét xuống bón hành, hành to củ

Quét ra bón lúa, lúa nặng bông... [34].

Tiếp nối truyền thống từ ngàn đời của những thế hệ đi trước truyền lại, người Dao Lô Gang luôn cần cù, chịu khó trồng cây gây rừng. Việc làm đó vừa để duy trì nguồn

sống vừa góp phần tích cực bảo vệ thiên nhiên môi trường và chung tay vun đắp làm cho thiên nhiên ngày càng tươi đẹp:

Muôn chín chông tôi chuồng mua châu.

Duây còn xeng cháy muỷ thuây chầy.

...

Vèng piu xủi xun duỷ lầu tài.

Muôn chìn chuồng tôi mua pháy chầu.

Thầu chấy om tuông miền guỷn đĩa.

*Dịch:*

*Trước cửa nhà có trồng hai cây thông.*

*Ngày ngày chăm sóc để cây tốt tươi.*

...

*Chim vàng cất tiếng gọi mùa xuân lại đến.*

*Trước cửa nhà trông đợi cây*

*Trông cây đi đến đây có cây che bóng mát.* [54, tr. 9 - 10].

Cuộc sống của đồng bào Dao Lô Gang được đặt nền móng từ lao động. Người Dao Lô Gang yêu lao động và càng thêm quý trọng thành quả lao động mà họ đã vất vả tạo ra. Họ hạnh phúc khi dõi theo sự lớn lên, ra hoa, kết trái của cây cối. Họ cày cấy, vun xới mong đến ngày lúa nặng trĩu bông trên ruộng chờ ngày gặt hái. Trong cộng đồng người Dao Lô Gang vẫn còn lưu truyền những câu hát bảo vệ thiên nhiên nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi người dân trong cộng đồng, đồng thời nhắc nhở con cháu tiếp bước truyền thống của tổ tiên:

Dao sắc chớ chặt cây bên đường,

chặt cây bên đường sẽ không có bóng mát che thân

Linh thiêng chớ làm hại con cháu,

làm hại con cháu sẽ không có người thờ phụng dâng hương

Hoặc các bài hát nói về nền canh tác bền vững, như:

Mái nhà nhấp nhô trong vườn biếc

Bản làng vương trắng cánh hoa cam

Dưới ao cá đàn vui đớp bóng

Trên nhà gà vịt đông đầy sân... [34].

Đây là một trong những nét văn hóa truyền thống tốt đẹp về việc sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý của đồng bào các dân tộc thiểu số nói chung và đồng bào dân tộc Dao nói riêng. Có thể thấy, đây là một bước tiến vượt bậc trong ý thức và nhận định của mỗi người dân. Trước sự lao động miệt mài không quản mưa, nắng, “ngày ngày phải chăm sóc”, thiên nhiên đã không phụ lòng họ:

Muôn chìn chuông tời pìn này tủa.  
Chiu chiu đăm puồn của duông còn.  
Đăm của duông con muồn phiêm tàn

Dịch:

*Trước nhà trông cây phán*

*Ngày ngày phải chăm sóc.*

*Chăm bón cây để ra mầm lá.*

[54, tr. 10].

Thiên nhiên không chỉ đem lại nguồn lương thực, thực phẩm thiết yếu cho người dân mà nó còn giúp cho đồng bào có thêm phương tiện đi lại thuận lợi. Những thân cây gỗ lớn được người dân khéo léo xẻ ra để đóng thuyền làm phương tiện di chuyển:

Vèng tông khu cấp xoong chùn ping.

Cấp tú chun chằng hêng lấy lẫu?.

Phâu Nam còng khâu sấp tũ tàn.

Dịch:

*Cây vạc thì tốt dùng để đóng thuyền*

*Ghép được thành thuyền giờ hỏi đi lối nào?*

*Phủ Nam có cấm lá cờ.*

[54, tr. 10 - 11].

Người Dao Lô Gang vốn quen sống ở gần rừng núi hay trong rừng. Đây là nơi nhiều suối sâu, thác dữ cho nên người dân phải tự mình xẻ gỗ làm cầu bắc qua suối để thuận tiện cho việc đi lại. Trước đây do đời sống nhiều khó khăn cho nên đường xá, cầu bắc qua suối còn chệnh vênh thô sơ, chưa được đầu tư phát triển, người dân muốn đi đâu thường phải đi một đoạn đường xa mới tới nơi:

Chiu phày khú tải xiểu tuâng tùn.



La tải pìn tho pụa rất xòong pụa rất tìu.  
Hú muòn chuồng tóong cháy  
Hú chuồng rật liềm phảy dập diu phảy díp tòong

Dịch:

*Chặt cây lấy gỗ đến bắc cầu.*

*Dây hai đầu đeo trên người.*

*Lúa sau trồng một cây.*

*Cửa sau trồng một cây ra lá che bóng mát.* [54, tr. 16].

Trong đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào dân tộc Dao Lô Gang, âm nhạc là món ăn tinh thần không thể thiếu trong những lễ hội hay sinh hoạt văn hóa truyền thống. Tận dụng những gì sẵn có mà thiên nhiên ban tặng, đồng bào Dao Lô Gang đã làm ra những nhạc cụ như đàn, sáo, trống... phục vụ nhu cầu tinh thần của cộng đồng:

Thí tú cà tàu tỉnh cà ôi muây, xem xinh nàm mùa mây tàu phàu.

*Hát xong bài hát thứ nhất hát tiếp bài hát sau, rừng xanh cho gỗ làm nhạc cụ.*

[54, tr. 45].

Chính những gì mà thiên nhiên đem lại đã góp phần tạo dựng nên một cuộc sống ấm no cho đồng bào. Vì vậy, cần nâng cao ý thức giữ gìn bảo vệ và duy trì sự phát triển của thiên nhiên. Trên thực tế, tình yêu thiên nhiên còn là nguồn cảm hứng chủ đạo tạo nên những họa tiết, hoa văn được thêu trên những bộ trang phục truyền thống của đồng bào Dao Lô Gang như: khăn đội đầu, yếm, áo, thắt lưng, mũ trẻ em, trang phục của những người hành lễ như thầy cúng, người làm lễ cấp sắc và ngay cả trang phục của cô dâu và chú rể trong ngày cưới... Điển hình như hình thêu cây cỏ hoa lá như: “chữ thập ngoặc” tượng trưng cho “hoa mặt trời”, hình cây thông, cây lúa.... Hình các loài động vật, hình người như: hình đàn chim, hình con chó, hình chân mèo... hình người dưới hàng cây... Ngoài ra còn có những họa tiết thể hiện những công cụ lao động như: hình cái bừa, cái cuốc... được thêu thùa vô cùng khéo léo và sinh động.

Qua đó, đã phác họa lên bức tranh thiên nhiên sống động, tươi đẹp được thể hiện qua từng câu hát Hầu Vua. Những khúc hát Hầu Vua còn mở ra khung cảnh thiên nhiên mang một vẻ đẹp hoang sơ, nhưng không kém phần thơ mộng. Đặc biệt là khoảnh khắc rạo rực khi đất trời vào xuân. Khi đó, khí trời ấm áp của mùa xuân

đã xua tan biến cái u ám, lạnh lẽo trong những ngày đông giá rét. Trong tiết trời âm áp, vạn vật và cây cối như được hồi sinh, đâm chồi nảy lộc, tươi non mỡ màng, đâm hoa khoe sắc. Giữa khung cảnh đó con người hiện lên với những niềm vui ẩn hiện trong nét mặt rạng ngời:

Hồng hò puầy tài phiềm lầy phây?

Hồng hò puầy tài đầu pầy xiêu

Pày dia phàu Nàm sát lầy lầu.

Phầy Nàm còng khầu sấp tũ tàn

Vèng piu xủi xun duẫy lầy tài.

Dịch:

*Có con chim bay đến, chắc là có tin gì đây?*

*Chim bay đến lại bay đi.*

*Bay xuống phủ Nam xa bảy dặm*

*Cửa phủ Nam có cấm lá cờ.*

*Chim vàng cất tiếng gọi mùa xuân lại đến.*

[54, tr. 9].

Giữa khung cảnh thiên nhiên bao la rộng lớn của núi rừng, “tiếng chim vàng cất tiếng gọi mùa xuân” vang lên đã đánh thức những chồi non tinh giác, tiếp thêm nhựa sống cho những cánh hoa thêm sắc thắm và góp phần điểm tô cho bức tranh xuân thêm phần sống động tươi non. Hay cũng có thể là nét mơ hồ huyền ảo, đầy thơ mộng của cảnh vật ẩn hiện dưới màn sương mù trong buổi bình minh:

Tạ rất cháy thày chính piền địa, tà nhẫy chày thay thỉn vèng lúu.

Rật xoong vèng piú pín đầu đầu puầy trụ địa nhàng chòi guynh châu.

Sáu sát muồn chìn khản viên mẫu, viên mẫu đảm xin tẩy địa àu.

Dịch:

*Gà gáy canh một mới nửa đêm, gà gáy canh hai trời sắp sáng.*

*Gần sáng chim hót không ngủ được thấy sâu sâu, nhớ tới cha mẹ không biết nơi nao*

*Bước ra cửa sương mù giăng kín, sương mù giăng khắp lối cảnh vật mờ trong sương.*

[54, tr. 19].

Giữa không gian huyền diệu đó bỗng vang lên tiếng gà gáy sáng, tiếng chim hót líu lo làm cho cảnh vật đang chìm trong giấc ngủ bỗng bừng tỉnh. Hiện lên trên

bức tranh thiên nhiên thơ mộng đó là hình ảnh con người miền núi. Người dân miền núi có thói quen dậy sớm và công việc đầu tiên của họ là nhóm lên ngọn lửa để bắt đầu một ngày mới. Từng làn khói bếp chờn vờn lan tỏa quanh mỗi bếp nhà quện trong sương sớm cùng tiếng gà gáy, tiếng chim đã phác họa lên một bức tranh thiên nhiên thơ mộng vào lúc bình minh. Những sự tác động của ngoại cảnh đã khơi lên nỗi “nhớ tới cha mẹ” mênh mang, khôn nguôi mà rất đổi thiêng liêng. Giữa khung cảnh “sương mù giăng kín”, “sương mù giăng khắp lối” vào buổi sáng sớm đã khiến cho cảnh vật trở nên thơ mộng. Chỉ trong ba câu hát mà cảnh và tình được thể hiện trọn vẹn.

Dưới lăng kính tâm hồn của người Dao Lô Gang, vẻ đẹp thiên nhiên hiện lên sinh động, tươi mới và thơ mộng. Bằng cái nhìn đa chiều, đồng bào dân tộc Dao Lô Gang đã đưa thiên nhiên vào các làn điệu dân ca và các bài hát Hầu Vua. Thiên nhiên trong những bài hát Hầu Vua vừa mang đậm chất huyền thoại, bí ẩn vừa xanh tươi, vừa hùng vĩ, vừa nên thơ nhưng vẫn còn nhiều khó khăn và khắc nghiệt còn tiềm ẩn nơi núi non hiểm trở. Dù cảm nhận dưới góc nhìn nào thì thiên nhiên vẫn là người bạn thân thiết của con người, nó hiện hữu trong cuộc sống, trong tiềm thức và trong những lời ca như cái điệu hồn của cuộc sống. Qua những câu hát Hầu Vua của người Dao Lô Gang, chúng ta như được bước vào một thế giới không xa lạ, nhưng lại đầy bất ngờ và chứa đựng những điều bí hiểm khao khát được khám phá, tìm hiểu.

Người Dao Lô Gang đã dệt nên bức tranh thiên nhiên với muôn màu muôn vẻ của cuộc sống vừa tươi đẹp vừa thơ mộng thể hiện trong những lời hát Hầu Vua. Dù nhiều khó khăn vất vả, nhưng những con người hăng say lao động vẫn bảo tồn những giá trị truyền thống của đồng bào để không bị phai mờ. Có thể thấy, những giá trị truyền thống, những phong tục tập quán và thành quả lao động được người Dao Lô Gang say sưa ca ngợi, tôn vinh là những giá trị vô giá.

### **2.3. Gửi gắm nỗi lòng, tình cảm lứa đôi**

Những bài ca trong lễ cấp sắc đã có từ thời xa xưa được dân tộc Dao Lô Gang truyền miệng từ đời này sang đời khác và được lưu giữ trong sách cổ. Qua những bài hát Hầu Vua trong lễ cấp sắc, chúng ta sẽ có được một cái nhìn bao quát

hơn về những nét văn hóa truyền thống, phong tục tập quán, sinh hoạt... của cộng đồng dân tộc Dao Lô Gang.

Cách thể hiện tình cảm của mỗi người, mỗi địa phương, mỗi dân tộc đều có sự khác nhau nhưng đều bắt nguồn từ trái tim chân thành. Những lời ca mênh mang sâu lắng được cất lên trong lễ cấp sắc đã gửi gắm những tâm tư của con người đồng thời thể hiện rõ tình cảm, cách ứng xử tế nhị, chân thành:

Dần lòng ôi sáng, goăng múa sủ lâu tài dần dầu tài dần tàu.

Goăng múa xù liêu tài dần ôi phát, trầm đĩa dần lòng sắt sáng giàu sắt sáng dầu.

Dịch:

*Dẫn nàng ra ca hát từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc nên nàng đừng lo gì cả.*

*Từ sáng tới ban đêm dẫn nàng ra hát nàng không phải lo.* [54, tr. 2].

Người con gái Dao Lô Gang có khuôn mặt xinh đẹp, cử chỉ dịu dàng đã khiến chàng trai phải chủ động bày tỏ tình cảm bằng hành động “cầm tay” dẫn người con gái bước ra để cất lên lời ca tiếng hát. Chỉ bấy nhiêu thôi cũng đủ để hai người thấu hiểu cái ý, cái tình trong tấm lòng của nhau:

Dần lòng ôi sang siêu nhâm hìn cháy dần lòng sui dần lòng dèng.

Hình cháy lây tàu mài châu ôi và tài cháy sắt sinh mùi piễn dèng mùi piễn duàng.

Dịch:

*Người nam hát cầm tay dẫn người nữ cùng ra ca hát, tất cả cùng đồng ca.*

*Có câu nói khen người con gái xinh đẹp.* [54, tr. 2 - 3].

Giữa những con người ấy, ngoài tình cảm thuần túy, họ còn có thêm một thứ tình cảm xuất phát từ lòng mến mộ tài năng của nhau. Không quản không gian cách trở, xa xôi, người con gái vẫn lặn lội tìm đến chỉ để được nghe tiếng hát của người con trai:

Xò xuây ôi xinh xô xuây ôi puông tòng khoi lây nhiều phảy khoi luông phảy khoi kin.

Tông khói lây nhiều xẩy khói sáng phảy khói sáng.

Xuây pày trầm đĩa pàng tú puông, sáng cà chày, xô xuây ôi xinh.

Lòng chỏi phầu Nầm tông pée guyn, múi chỏi Tuầy Châu tài thỉnh xính xòong luây liêu.

Dịch:

*Giờ đây câu hát vang lên giờ đây lại gặp như cá ở biển Đông rồng ở biển Tây.*

*Cá ở biển Đông lúc thì tập trung lúc thì tản ra để đi kiếm ăn.*

*Nửa đêm được gặp nàng để cùng hát ca, giờ đây lại được gặp nhau để cất lên bài ca để cùng đối đáp.*

*Anh ở phủ Nam nàng ở kinh đô anh ở phủ nam huyện Bạch Thông, nàng ở huyện Quý Châu đến nghe tiếng hát giọt lệ trào.* [54, tr. 45 - 46].

Nhưng cuộc vui nào rồi cũng đến hồi kết thúc, gặp mặt để rồi chia li... Đó là một quy luật tất yếu của cuộc sống. Khi biết sắp phải xa cách, thay vì buồn đau, họ dành thời gian để giao duyên thử tài nhau qua những câu hát, đồng thời nhắn nhủ tâm tình.

Trai gái cùng thôn bản gặp nhau trong lễ cấp sắc thường hát giao duyên để hỏi han, trò chuyện và giải bày tình cảm rất trong sáng thể hiện một nét văn hóa truyền thống đậm chất nhân văn. Có thể đối với họ, đây là lần đầu gặp mặt, chưa biết gì về nhau, nhưng họ vẫn trò chuyện quan tâm, hỏi thăm nhau như hai người bạn. Họ không cần biết rồi sau hai người có thành đôi hay chỉ là một mối tình đơn phương không lời đáp:

*Guyn heng chấy mũ tài chỏi xính.*

*Dầm tú chàng xoong xòong lầy liêu.*

Dịch:

*Em đến đây hát nhưng không biết em từ đâu đến nói chuyện cười.*

*Anh và em nói chuyện với nhau nhiều mà không thành đôi khiến lệ anh rơi*

[54, tr. 13].

Không ai có thể nói được hết ngôn ngữ của tình yêu, dù trong lòng muốn giải bày thật nhiều cho đối phương thấu hiểu được tình cảm. Người con trai và người con gái tuy cùng thôn nhưng rất ít khi được gặp mặt nhau. Người con trai giờ mới có cơ hội được trò chuyện tâm sự nỗi lòng mình để người con gái thấu hiểu và mong muốn tình yêu được đáp lại. Nhưng dường như người con gái lại đang vô tâm

hờ hững hay là đã chót hẹn ước với ai mà không dám đáp lại tình cảm nồng nhiệt của chàng trai:

Vin hong cháy mũ dầm lìn liu.  
Pèng tủy chuông xuyên díp phảy phàm.  
Khú khoa tan, lòng vả dầm lìn phiềm lấy than.

Dịch:

*Trong thôn người nữ không nói hết.*

*Đất bằng trồng hành tốt ra nhiều nhánh.*

*Hoa đẹp chỉ cần một nhánh, anh nói em không yêu thì lòng anh đau* [54, tr. 13].

Ca dao của người Việt có nhắc đến hình ảnh “bến” và “thuyền” tượng trưng cho tình cảm son sắt của lứa đôi trong cuộc đời. Nhưng cũng vẫn là bến là con thuyền, nhưng nay thì “Trăm năm đành nỗi hẹn hò. Cây đa bến cũ con đò khác đưa”. Một tình yêu không trọn vẹn, một cái kết dang dở để người ta mãi còn tiếc nuối. Trong bài “Dầu thau chày”, hình ảnh “bến” và “thuyền” cũng mang một hoài cổ thương nhớ về tình yêu đã mất:

Vin hènng rật tởi quần chùn chảng.  
Pầu pầu sèng chùn xui pầu piền.

Dịch:

*Đến gặp em nhưng thuyền đến thuyền đi.*

*Thuyền gặp nhau nhưng mỗi người một hướng* [54, tr. 14].

Những câu hát chính là lời tâm tình mang một ý nghĩa vô cùng sâu sắc, nói lên sự trớ trêu, bất hạnh của những cô gái, chàng trai yêu nhau nhưng bị chia lìa đôi lứa, phải rời xa nhau trong đau khổ nhớ nhung.

Không chỉ trong những lễ cấp sắc hay những ngày lễ hội, các chàng trai, cô gái mới được gặp nhau để xây dựng và vun đắp lên những tình cảm trong sáng, mà họ còn gặp nhau ở những lớp học chữ trong bản:

Lòng giả lòng, lòng duây pham phủ chảng họ tòng chảng xầu tan  
Tòng xo dầm pây xầu khú tụ  
Tụ lúu chính pây xầu dĩa nhàng xầu dĩa lòng.

Dịch:

*Nàng ơi nàng, nàng chung ba năm cùng học chung trường chung lớp.*

*Trước đây không biết học cùng lớp.*

*Học hết giờ mới biết em là gái anh là trai học cùng một lớp* [54, tr. 17].

Người Dao Lô Gang vốn ham học hỏi và có ý thức gìn giữ chữ viết và những cuốn sách, truyện để đời sau con cháu học tập và noi gương giữ gìn truyền thống dân tộc. Nội dung của các bài hát Hầu Vua đã cho thấy họ vẫn ý thức được trách nhiệm của mình đối với dân tộc. Không chỉ có thế, họ còn khuyên con cháu phải hăm chỉ học tập, siêng năng thì sau này mới có được công danh làm vẻ vang dân tộc:

Tụ xâu nằm nín vì phây chuồng vì phây chùn.

Tụ thâu ứng keng quyền dải phát.

Dịch:

*Sách nữ sách nam đều phải học để truyền lại sau này.*

*Chịu khó học đến mười một mười hai giờ đêm mới thành danh* [54, tr. 17].

Tình cảm đôi lứa luôn là đề tài muôn thuở của thi ca. Hầu hết tất cả các dân tộc đều có cho riêng mình những câu chuyện tình yêu được gửi gắm trong những bài thơ, những câu hát hay là những câu chuyện... Trên thực tế, những bài hát Hầu Vua trong lễ cấp sắc, một phần mang những nét nội dung phản ánh về tình cảm trong sáng của những chàng trai cô gái người Dao Lô Gang. Họ đã mượn những lời ca tiếng hát của mình để bày tỏ tình cảm chân thành. Với ca từ nhẹ nhàng, kín đáo, các chàng trai, cô gái muốn trao gửi cho nhau những nhắn nhủ kín đáo từ sâu thẳm trái tim mình. Cứ mỗi độ xuân về cũng là lúc nông nhàn sau khi mùa màng kết thúc, thanh niên, nam nữ người Dao Lô Gang thường tổ chức hội hát giao duyên vừa để hòa mình vào không khí tươi vui của đất trời trong những ngày xuân vừa để tìm hiểu để kết thành đôi lứa. Tuy hoàn cảnh xã hội đã khá phát triển, việc giao lưu giao thương giữa các vùng được mở rộng, nhưng về cơ bản đó vẫn là một xã hội khép kín của các bản, các thôn, bị ngăn bởi núi non, sông suối. Chính vì hoàn cảnh ấy mà những đôi trai gái ít có cơ hội giao lưu, tìm hiểu nhau, nếu có thì chủ yếu là trong những ngày lễ cấp sắc, những ngày hội...

**\*Tiểu kết**

Những nét đẹp văn hóa chứa đựng trong lời ca của các bài hát Hầu Vua là sắc màu sinh động nhất góp phần tô điểm thêm bức tranh văn hóa của đồng bào dân tộc Dao Lô Gang. Lời bài hát Hầu Vua trong lễ cấp sắc dễ hiểu và mộc mạc nhưng vẫn hàm chứa nhiều những nét bản sắc văn hóa truyền thống, ngôn ngữ dân tộc, múa dân gian... được kết đọng và bồi lắng trong những lời ca, hướng đến việc giáo dục đạo đức, khơi dậy tình yêu và niềm tự hào dân tộc... Đặt những làn điệu Páo dung nói chung và cụ thể là những lời hát Hầu Vua nói riêng của người Dao ở Hợp Tiến, Đồng Hỷ, Thái Nguyên trong thế tương quan với những câu hát Sinh ca của dân tộc Cao Lan và những làn điệu Then của dân tộc Tày ở những địa phương cụ thể... sẽ có được một cái nhìn đối sánh tương đối. Hát Then của người Tày, Nùng và hát Hầu Vua của người Dao Lô Gang đều là loại hình ca nhạc mang màu sắc tín ngưỡng và chứa đựng giá trị nhân văn sâu sắc, nhưng có sự khác nhau về lời ca, nhịp điệu, nhạc cụ... Hát Sinh ca của người Cao Lan được thể hiện bằng lối hát đối đáp có những nét giống với hát Hầu Vua. Nhưng lời thơ của Sinh ca được viết ở thể thơ tứ tuyệt khác với thể thơ được sử dụng trong hát Hầu Vua. Từ đó, đưa ra được những khẳng định về giá trị to lớn trên cả phương diện văn hóa và văn học. Qua đó, thấy được sự giao thoa tiếp biến với những dân tộc khác trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc để làm giàu thêm cho văn hóa dân tộc Dao những vẫn giữ được những nét riêng trong bản sắc.

Không đơn thuần là một phong tục tín ngưỡng thuần túy, lễ cấp sắc của người Dao Lô Gang không chỉ hội tụ nhiều nét văn hóa độc đáo mà còn mang giá trị nhân văn sâu sắc. Trước hết đó là tấm lòng thành kính trước tổ tiên và thần thánh, sự trân trọng bản sắc văn hóa dân tộc, được thể hiện qua những lời cầu khẩn chân thành trong một không khí trang nghiêm linh thiêng. Ở đó cội nguồn văn hóa, truyền thống lịch sử, tâm hồn chất phác của người Dao Lô Gang được tái hiện chân xác, sinh động. Ngoài ra, đó còn là sự cộng hưởng của không gian thiên nhiên núi rừng tươi đẹp, căng tràn nhựa sống của những cánh rừng xanh, những ngọn đồi, ngọn núi cao hút gió, tiếng chim thánh thót, tiếng gà gáy sáng... Những bài hát Hầu Vua của người Dao Lô Gang còn chứa đựng tình yêu lao động, bởi lẽ họ nhận thức rõ vai trò giá trị của lao động đem lại cho cuộc sống của họ. Qua đó, họ gửi gắm những suy tư tình cảm của mình. Mặt



khác, không thể thiếu những bản tình ca tha thiết, đắm thắm những rất đỗi ý nhị, kín đáo của những chàng trai cô gái người Dao Lô Gang. Tựu chung lại, đó là sợi chỉ đỏ liên kết, thống nhất dân tộc, nâng cao tinh đoàn kết, yêu thương đùm bọc lẫn nhau kết tinh thành bản sắc văn hóa của Dao Lô Gang. Do vậy, việc bảo tồn và phát huy những làn điệu Páo dung và cụ thể là những lời hát Hầu Vua của người Dao Lô Gang đòi hỏi mang tính lâu dài và cấp thiết.

### **Chương 3. NGHỆ THUẬT CÁC BÀI HÁT HẦU VUA TRONG LỄ CẤP SẮC CỦA NGƯỜI DAO LÔ GANG Ở HỢP TIẾN, ĐỒNG HỖ, THÁI NGUYÊN**

#### **3.1. Thể thơ**

##### **3.1.1. Thể thơ thất ngôn**

Trong những bài hát Hầu Vua, thể thơ thất ngôn không chiếm vị thế độc tôn mà có sự kết hợp hài hòa với các thể thơ khác để bộc lộ những tình cảm da diết, cảm xúc sâu lắng, phác họa lại bức tranh thiên nhiên sinh động và thể hiện tấm lòng thành kính trước thần linh. Khảo sát ban đầu, trong lời hát Hầu Vua có 82 câu thơ được viết theo thể thất ngôn trong 466 câu thơ, chiếm 17,6% trong tổng số câu thơ. Trong bài “Dầu thẩu chây” (Lại đến đoạn này), thể thơ thất ngôn đóng vai trò diễn tả tâm trạng trước và trong khi hát Hầu Vua của người hát, thể hiện niềm vinh dự khi được tiếp chuyện với thần linh trong buổi lễ:

Rật piên túa xam, nhậy piên phây.

Tắm chàng chị tuông phiêm ỏm giàu

Guyên heng chấy nhủn pé xình linh.

Guyn heng chấy nhủn tài chỏo xình.

Tàn chỏi puồng liêu tài thỉnh xình.

Guyn heng rật tôi puồng liêu ngỏ

Tú bá lòng lin xìn mảng ninh.

Dịch:

*Bây giờ mặc trang phục để lát nữa hát.*

*Ngồi vào chiếu để hát cho quan nghe lo lắng không biết hát thể nào.*

*Cũng cố gắng hát rõ ràng cho người nghe.*

*Người nữ đến nói chuyện hầu quan.*

*Một mình hát vang để người khác nghe thấy.*

*Cùng thôn gặp nhau phải dừng lại để nói vài câu.*

*Được nói chuyện với quan cảm thấy rất vinh dự.*

[54, tr. 12 - 13].

Ngoài ra, những câu thơ được viết ở thể thất ngôn đã góp phần vẽ nên bức tranh thiên nhiên tươi đẹp căng tràn nhựa sống khi mùa xuân về trên bản Dao. Tô điểm cho bức tranh xuân ấy là hình ảnh “cây đâm chồi nảy lộc ra hoa” khắp núi rừng. Trong khung cảnh đó chim vàng cất tiếng hót vang báo hiệu mùa xuân lại đến. Con người không nằm ngoài lẽ tự nhiên ấy, họ hiện lên với một tinh thần hăng say lao động, hi vọng mùa màng bội thu, cuộc sống của ấm no.

*Muốn chín chông tôi chuồng mua châu.*

*Duây còn xeng chày muỷ thuây chầy.*

*Hồng hò puây tài phiêm lầy phây?*

*Hồng hò puây tài dầu páy xiêu*

*Pày địa phầu Nàm sát lầy lầu.*

*Phảy Nàm còng khấu sấp tũ tàn*

*Vèng piu xủ xun duỷ lầu tài.*

...

*Phầu Nàm còng khấu sấp tũ tàn.*

*Vèng piu xủ xun duỷ lầu tài.*

Dịch:

*Trước cửa nhà có trồng hai cây thông.*

*Ngày ngày chăm sóc để cây tốt tươi.*

*Có con chim bay đến chắc là có tin gì đây?*

*Chim bay đến lại bay đi.*

*Bay xuống phủ Nam xa bảy dặm*

*Cửa phủ Nam có cấm lá cờ.*

*Chim vàng cất tiếng gọi mùa xuân lại đến.*

...

*Phủ Nam có cắm lá cờ.*

*Chim vàng cất tiếng gọi mùa xuân lại đến.* [54, tr. 9].

Trong bài “Dầu thẩu lấy chầy” (Giờ hát) gồm 35 câu thơ, nhưng trong đó có đến 33 câu thơ được viết ở thể thơ thất ngôn. Điều đó, cho thấy khả năng biểu đạt to lớn của thể thơ này. Đồng thời, với thể thơ thất ngôn lời hát Hầu Vua đã trở nên giàu hình ảnh, mang giá trị biểu cảm sâu sắc hơn.

Trong bài thơ *Tặp chu tong cảm* (Cẩn phải đường ngọt) của người Dao Trắng chúng ta cũng bắt gặp lối thơ bảy chữ:

Cắm bau viết đôi dăm cheng chắm

Ni nời dăm vản tá bài lèo

Kéng nhòong điu đĩn câm sa đánh

Tặp chu toong cảm y mung gày.

Dịch:

*Hôm trước đào củ chưa lấy hết*

*Bữa nay vác rìu mở lối tiếp*

*Em như con muỗi đọt mía đậu*

*Cẩn phải đường ngọt chẳng rời đâu* [58, tr. 358].

Có thể thấy, thể thất ngôn không chỉ vừa có tính hiện thực mà còn có tính lãng mạn đan cài hòa quyện lẫn nhau. Với thể thơ thất ngôn những lời bất chuyện để làm quen của những đôi trai gái người Dao được diễn tả vừa kín đáo vừa tế nhị mà lại vừa đẹp đẽ:

Cháy mũ dầu dầu chỏi guyn châu?

Guyn heng cháy mũ tài chỏi xinh.

Dịch:

*Người con gái hát không biết bạn ở thôn nào?*

*Em đến đây hát nhưng không biết em từ đâu đến nói chuyện cười.*

[54, tr. 13].

Lời hát Hầu Vua thường có tính nhạc đậm đặc, bởi lẽ đó là những câu thơ được sáng tác để hát. Trong một số đoạn thơ được viết ở thể thơ thất ngôn cũng

mang giai điệu trầm bổng. Có thể thấy, thể thơ thất ngôn đóng vai trò quan trọng góp phần làm cho lời hát Hầu Vua thêm tình, thêm ý dạt dào cảm xúc.

### 3.1.2. Thể thơ tự do

Lời của những bài hát Hầu Vua không chỉ được viết ở thể thơ thất ngôn, mà có thể trong cùng một bài các câu có sự biến chuyển linh hoạt về số tiếng, có câu chỉ có năm tiếng, có câu mười tiếng... thậm chí có cả những câu lên đến đến hai mươi tám tiếng. Chính vì điều đó, mà chúng ta thấy hát Hầu Vua còn được viết theo thể thơ tự do. Thơ tự do không còn cấu trúc khép kín và cú pháp chặt chẽ của thi ca truyền thống, vì vậy giúp trường liên tưởng của độc giả được mở rộng để có thể cảm nhận được một điều hồn dân tộc mộc mạc đậm thắm trong sự thành kính trước thần linh:

Phủng trần ôi siêu, choong khí tài chùn súi pầu tàu sui pây chày

Tài chày chùn tấu mù mắng ngỏ, siêu chày chùn tấu choong xeng tàu.

Phủng trần ôi siêu, choong khí tài chùn súi pầu kinh, tài chày chùn tấu mù mắng ngỏ, siêu chày chùn tấu chòong trầm pu chòong trầm hang.

Phủng trần ôi siêu, choong khí tài chùn súi pầu tuông súi pầu coong.

Dịch:

*Đưa thần linh về, đóng được đại thuyền đặt đầu bến hải.*

*Đến thì trong thuyền không có gì, về thì trong thuyền mang lợn về.*

*Đưa thần linh về, đóng xong được đại thuyền đưa thuyền ra biển đi, đến thì trong thuyền không có gì, về thì trong thuyền mang đầy rượu có hương thơm về.*

*Đưa thần linh về, đóng làm đại thuyền đưa vua ra biển về.* [54, tr. 26 - 27].

Nhìn một cách tổng quan, cấu trúc bài hát linh hoạt, bởi lẽ trong một bài hát Hầu Vua có thể xen kẽ nhiều thể thơ khác nhau miễn sao có thể diễn đạt hết được nội dung cần biểu hiện. Số câu trong lời hát Hầu Vua không hạn định, tuy nhiên vẫn có hạt nhân thi pháp của nó chứ không phải có thể tự do tùy tiện sáng tạo theo ý muốn chủ quan. Không riêng gì về mặt hình thức, thể hiện qua lượng câu chữ dài ngắn khác nhau mà điều đáng chú ý là việc tự do biểu đạt hết nội dung ý nghĩa của lời ca. Tùy từng bài, tùy từng hoàn cảnh khác nhau mà nhu cầu biểu đạt cũng khác

nhau, cho nên số tiếng trong một câu có sự thay đổi, khác với thơ Đường luật có một hệ thống quy tắc phức tạp về: luật, niêm, vần, đối, và bố cục trong bài thơ.

Ngoài ra, nhìn một cách tổng quát, chúng ta còn nhận thấy thể thơ được sử dụng chủ yếu trong lời những bài hát Hầu Vua rất gần với thể thơ cổ phong truyền thống hay còn được gọi là cổ thi, cổ thể. Đây cũng là thể thơ không bị gò bó chặt chẽ bởi niêm, luật, đối. Các bài thơ được viết ở thể thơ cổ phong có thể dùng một vần (độc vận), hay nhiều vần (liên vận). Điều đáng chú ý là âm của vần trong tiếng Dao thường chỉ tương tự nhau chứ không hoàn toàn giống nhau. Đặc biệt số câu và số chữ không hạn chế tùy vào tác giả. Chính vì vậy, ý thơ được mở rộng, đề tài thơ được khai thác triệt để, màu sắc thơ mang đậm bản sắc Dao:

Lòong đĩa lòong, lòong duầy pham phủ chẳng họ tòng chẳng xâu tan

Tòng xo dầm pây xâu khú tụ

Tụ líu chính pây xâu đĩa nhàng xâu đĩa lòong.

Tụ xâu nàm nìn vì phây chuồng vì phây chùn.

Tụ thâu ứng keng quyền dải phát.

Tan nìn phây xâu y nìn nhàng y nìn miền.

Ngò dảng ngò pây đĩa tìn cây xĩa dảng thây xĩa dảng diu.

Tải cô pú tụ chình và xíp.

Phú ca li đĩa ứng keng thày.

*Dịch:*

*Nàng ơi nàng, nàng chung ba năm cùng học chung trường chung lớp.*

*Trước đây không biết học cùng lớp.*

*Học hết giờ mới biết em là gái anh là trai học cùng một lớp.*

*Sách nữ sách nam đều phải học để truyền lại sau này.*

*Chịu khó học đến mười một mười hai giờ đêm mới thành danh.*

*Lấy sách của nàng nhưng không lấy được nàng.*

*Minh ơi mình xuống ruộng mạ xem không sợ mạ hỏng*

*Bảo em hát to em không hát,*

*Hát nhỏ thôi để gà gáy hãy hát.*

[54, tr. 17].

Lời hát Hàu Vua đã có sự ảnh hưởng, tiếp thu của hai thể thơ cổ phong và thơ Đường luật. Song hoàn cảnh diễn xướng đã chi phối đến việc tổ chức kết cấu trong lời hát Hàu Vua. Nhịp điệu của bài hát biến chuyển theo ý muốn chủ quan của người hát theo lối đối đáp giao duyên.

Bên cạnh đó, lời các bài hát Hàu Vua được sáng tác theo những làn điệu Páo dung cổ truyền của dân tộc Dao. Hát Hàu Vua nằm trong loại hình Páo dung nghi lễ tín ngưỡng - phong tục cho nên nó mang những đặc điểm giống với những làn điệu Páo dung. Theo như nhận xét của một những nhạc gia “*Qua ký âm hóa Páo dung, điều đư dễ cảm nhận là ca điệu Páo dung ít phong phú về âm điệu, âm giai. Hiệu quả chuỗi âm thanh rất hạn chế về phương diện âm sắc và âm vực, tạo ra nhạc điệu trầm giải. Páo dung chỉ thu hút người nghe chủ yếu từ ngôn từ văn học*” [58, tr. 319 - 320]. Trong những làn điệu Páo dung các câu thơ dài ngắn khác nhau, lời bài ca chủ yếu phụ thuộc vào tài năng của người hát, khiến cho người nghe cảm thấy thú vị, hấp dẫn và chứa đựng nhiều bất ngờ:

Châm chiu tà chày ôi quya rất linh? Chúa táp vèng mù quya chia coong quya chia chiu?

Vèng cán xủ hài tạp rất linh? Tạp chia ling, phầy phìn phiều hài đỉn hĩa liêu? đỉn rất xoong.

Châm chiu tài chày quya rất linh? Quya chia ling, chia tìu linh địa chia đồng xìn? Rất đồng tuông.

Dịch:

*Sáng sớm đến đây qua mấy cánh đồng? Chân đi giày dép qua mấy thôn qua mấy buổi sáng?.*

*Rơm rạ làm giày đi mấy cánh đồng? Đi qua một cánh đồng, tơ sợi làm giày xỏ mấy cái? Tơ sợi làm giày vòng một đôi.*

*Sớm mai đến đây qua mấy đồng? Sớm mai đi đến qua một đồng, mấy cánh đồng dưới, mấy cánh rừng? Một đồng dưới một cánh đồng giữa.* [54, tr. 48].

Lời hát Hàu Vua đã vận dụng linh hoạt các thể thơ một cách sáng tạo để qua đó giải bày những ước mơ, tình cảm hay hướng đến ca ngợi thiên nhiên... Đồng

thời, làm rõ những nét đặc sắc trong phong tục, tập quán của người Dao Lô Gang nói riêng và cộng đồng người Dao nói chung.

### 3.2. Nhân vật trữ tình

Trong những câu hát Hầu Vua hình tượng nhân vật trữ tình xuất hiện đã góp phần gỡ bỏ những nút thắt để dễ dàng khám phá những nét phong tục tập quán, truyền thống lịch sử, vẻ đẹp thiên nhiên, chiều sâu tâm hồn của đồng bào người Dao Lô Gang. Qua đó, phản ánh cuộc sống, gửi gắm những tâm tư tình cảm... của đồng bào Dao Lô Gang. Trước hết, họ hiện lên với những phẩm chất đáng quý đó là tính cách thẳng thắn, trung thực, cởi mở:

Nhàng chảy ủ keng tài dấm chầu.

Ủ keng dầm chầu chỏi cu lầu

Nhàng đĩa muôn hàng hêng hải lầu?.

Hải lầu dà dui xui giả xiêm.

Xúi xiêm lầu dỉu lầu vin đế khoa tài.

Dịch:

*Có khách đến nửa đêm vẫn uống rượu*

*Nửa đêm ngồi hát uống rượu.*

*Hỏi khách đi đường nào tới đây?.*

*Đường cũng xa qua sông suối cũng sâu.*

*Nước sâu đường xa nhưng vẫn bẻ cả hoa mang đến.* [54, tr. 8 - 9].

Đồng bào dân tộc Dao không chỉ hiếu khách, hết lòng vì khách mà họ còn rất ân cần chu đáo niềm nở mời chào khách khi đến nhà. Thường thì họ rót rượu mời khách, hỏi han sức khỏe, gia đình, con cái, công việc làm ăn, mùa màng... Có thể thấy bản tính chân thật, mộc mạc, giản dị của họ hiện ra rất tự nhiên. Điều đó đã khẳng định sự nhất quán trong tính cách, thống nhất giữa lời nói hành động người Dao Lô Gang. Cuộc sống con người miền núi đáng quý chính là nhờ vẻ đẹp tình người toát lên từ chính con người của họ.

Trong hát Hầu Vua nhân vật trữ tình chủ yếu tồn tại ở hai kiểu là nhân vật trữ tình hiển ngôn và nhân vật trữ tình biểu tượng. Ở những nhân vật trữ tình hiển

ngôn, trạng thái con người thể hiện qua cách xưng hô “anh - em” đồng thời trực tiếp bộc lộ cảm xúc, tâm tư, tình cảm của mình qua lời ca:

Guyn heng chấy mũ tài chói xính.

Dầm tú chàng xoong xòong lầy liều.

Lòong tan lín, lòong ú mài khoa long tan lín.

Dịch:

*Em đến đây hát nhưng không biết em từ đâu đến nói chuyện cười.*

*Anh và em nói chuyện với nhau nhiều mà không thành đôi khiến lệ anh rơi.*

*Anh tự nói với chính mình, nhà anh có hoa một mình anh hái. [54, tr. 13].*

Người con trai trong câu hát đã chủ động bắt chuyện, hỏi thăm người con gái mình thích nhưng kết quả hai người vẫn không nên duyên vợ chồng, cho nên người con trai rơi vào trạng thái buồn rầu khiến nước mắt trào ra trong sự tiếc nuối.

Còn nhân vật trữ tình biểu tượng phải thông qua một hình ảnh biểu tượng nào đó để thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình. Những biểu tượng đó có thể lấy từ tự nhiên hay bất kể những gì gần gũi, quen thuộc với đời sống của con người:

Lòong tan lín, lòong ú mài khoa long tan lín.

*Anh tự nói với chính mình, nhà anh có hoa một mình anh hái [54, tr. 13].*

Vai giao tiếp trong hát Hầu Vua gồm có nam và nữ, thầy cúng và thần linh, dân làng, gia chủ... Nhưng nhân vật này có thể vừa đối thoại vừa độc thoại:

Chấy mũ dầu dầu chói guyn châu?

Guyn heng chấy mũ tài chói xính.

Dịch:

*Người con gái hát không biết bạn ở thôn nào?*

*Em đến đây hát nhưng không biết em từ đâu đến nói chuyện cười [54, tr. 13].*

Trong câu hát người con trai dường như đang đối thoại với người con gái mà anh cảm mến, nhưng thật ra người con trai đang tự độc thoại với trái tim rạo rực yêu thương của mình là chính, còn lời đáp từ cô gái kia có chăng cũng chỉ rất ít.

Những bài hát Hầu Vua viết về đề tài tình yêu nam nữ cũng được khai thác trên nhiều phương diện tạo nên nét độc đáo cho bài hát. Tình yêu vốn là một thứ tình cảm tế nhị rất khó mở lời. Nhưng tình yêu vốn huyền diệu nên tùy từng thời



điêm, hoàn cảnh mà họ thường có những cách thức riêng để diễn đạt tình ý đó với mong muốn được làm quen và rồi được kết thành lứa đôi. Nhưng nhiều khi, thật trớ trêu thay đó chỉ là tình cảm đơn phương của chàng trai:

Dầm tú chàng xoong xòong lấy liêu.

Lòng tan lìn, lòng ú mài khoa long tan lìn.

Dịch:

*Anh và em nói chuyện với nhau nhiều mà không thành đôi khiến lệ anh rơi.*

*Anh tự nói với chính mình, nhà anh có hoa một mình anh hái* [54, tr. 13].

Mặt khác, trong hát Hài Vua nhiều lúc người hát hòa làm một với nhân vật trữ tình. Đây là một trong những nét đặc sắc trong hát dân ca nói chung. Đối tượng trữ tình cũng có khi chỉ là “chàng”, “nàng” nhưng có khi là một tập người cùng đối đáp, giao duyên. Thậm chí nhân vật trữ tình trong hát Hài Vua còn chính là các vị thần linh, vua Bàn Vương...

Qua nhân vật trữ tình chúng ta khám phá được những cung bậc tình yêu, tình cảm, cảm xúc của con người, thêm vào đó là được tiếp cận một nền văn hóa truyền thống đặc sắc và có được một cái nhìn bao quát hơn về khung cảnh thiên nhiên miền núi. Đó là những cánh rừng đại ngàn xanh thẳm, những con suối đêm ngày róc rách thì thào cùng vách đá gắn liền với những câu chuyện tình yêu đẹp tựa như những đóa hoa rừng đang khoe sắc.

### **3.3. Thời gian và không gian nghệ thuật**

“Không gian - thời gian nghệ thuật là một phạm trù của hình thức nghệ thuật và là phương thức tồn tại của thế giới nghệ thuật. Không có một hình thức nghệ thuật nào không có không gian - thời gian, không có một nhân vật nào lại không trong một chỗ đứng, một nền cảnh nào đó” [32, tr. 130]. Thời gian nghệ thuật và không gian nghệ thuật là hai yếu tố vô cùng quan trọng, góp phần tạo nên thế giới hình tượng phong phú trong tác phẩm. Không chỉ có vậy mà nó còn giúp người viết thể hiện những quan niệm, những cách nhìn nhận và đánh giá sự vật hiện tượng đang được đề cập đến.

Thời gian là một trong những mảnh ghép quan trọng cấu thành nên bức tranh toàn cảnh về đời sống của con người. Trong hát Hài Vua, người nghe sẽ được thể nghiệm độ dài ngắn, nhịp nhanh chậm với cả ba kiểu thời gian là thời gian hiện

tại, quá khứ và tương lai. Nhưng chủ yếu là thời gian hiện tại, thời gian diễn xướng. Có thể thấy, các kiểu thời gian trong hát Hầu Vua khác với kiểu thời gian trong truyện cổ tích là thời gian quá khứ phiếm định, khác với thời gian trong truyền thuyết là thời gian quá khứ xác định. Điều này khá dễ lí giải vì trước tiên lời của hát Hầu Vua được sáng tác là để diễn xướng trong một môi trường không gian và thời gian nhất định:

Dầm sáng ôi lúu siêu chấp ca chày mài lầy chòong, mài lầy phiều.

Phàm keng piễn đũa miền phang ôi sinh.

Dầm chàng pía huýa guýa châu lòng, quýa lòng châu.

Dịch:

*Giờ hát đến rồi hãy cùng nhau cất lên những câu hát trong tâm hồn, trong trái tim.*

*Ba ngày ba đêm người đến tìm nhờ đi hát.*

*Đêm đến phải cầm ngọn đuốc sáng soi đường để sang thôn hát giúp.*

[54, tr. 4].

Dấu hiệu để nhận ra thời gian hiện tại trong những câu hát là ở những từ ngữ chỉ xuất thời gian: bây giờ, sớm nay, giờ đây... với tần số xuất hiện khá cao, do đó đã tạo ra một nét rất riêng biệt cho phần lời hát Hầu Vua:

Dầm vi ôi sáng xiêu pa tông lèng dầm vi khòi.

Rất tũn, nháy tũn xày miền ôi sáng, tài pham mài tũn mùi sãm dòi.

Chấu miền phúu sần chân in ôi nhũn, choong xĩn bày bày nhập dười cha.

Dịch:

*Giờ đây hát tay cầm chuông đồng không thấy lắc.*

*Một đoạn, hai đoạn người thầy hát, đoạn ba người nữ ra hát cho đủ.*

*Người chủ thiếu lễ thần, nay sắp lễ vào nhà thầy để nhờ thầy. [54, tr. 6 - 7].*

Tùy thuộc vào thời điểm diễn ra các bài hát mà có thể lựa chọn những từ ngữ chỉ thời gian hiện tại phù hợp. Bên cạnh đó, trong hát Hầu Vua của người Dao Lô Gang còn xuất hiện thời gian hồi tưởng thường được biểu hiện qua các cụm từ: trước đây, năm ấy... Tuy nhiên, giữa thời gian hiện tại và thời gian quá khứ lại luôn có sự liên hệ mật thiết gắn bó với nhau:

Chuông mài pụa nhảy lêng chay mũi kít chằng sày tôi mản xin nin. Phin chầy diu miền chầy pé phin pé phin diu miền mù mản xin.

Xeng địa lụa nằm chầy lụa liễu lụa nằm lụa liêu kít xoong lin dầu xinh hùng trâm lau điếm, cún địa miền mản mù mản xin.

Dịch:

*Trước kia có hai người sinh ra làm trời đất sinh ra thiên địa. Từ hai người sinh ra được hàng vạn người hai người lấy thành vợ chồng ngàn năm sinh ra loài người sinh ra trăm họ.*

*Người đầu tiên sinh ra sáu người nam sáu người nữ sau đó sáu nam sáu nữ lấy nhau thành sáu cặp vợ chồng lại làm miếu cho thần linh ở, cai trị thiên hạ mấy nghìn năm* [54, tr. 30 - 31].

Đặc biệt, trong nhiều lời hát Hầu Vua tuy không có những từ ngữ cụ thể để xác định thời gian, nhưng nếu như những câu hát đó được cất lên trong thời điểm cụ thể hiện tại thì những lời ca đó cũng sẽ mang tính thời gian hiện tại:

Pịa thảo tông thịnh pải xinh Lòong.

Trà châu sinh sinh pải pham pải.

Dầu xĩa trần to pải dầm dòi pải dầm pèng.

Pải trần ôi xinh, nhần va pải trần pải thảo pèng pải thảo dèng.

Dịch:

*Vào đến trước sân bái thần Lòong.*

*Nhà chủ nói mấy câu rồi vái ba vái.*

*Lại sợ mình bái không đúng bái không đủ hết các thần linh.*

*Bái thần chung, người nay bái thần bái đến đủ bái đến đều* [54, tr. 1].

Mặt khác, đơn vị thời gian cụ thể còn gắn liền với sinh hoạt của cộng đồng nông nghiệp thường đo thời gian bằng ngày tính từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn, thể hiện sự vận hành tuần hoàn của nhịp điệu thời gian. Trong hát Hầu Vua, thời gian luôn mang những sắc thái riêng biệt gắn bó mật thiết với tương quan cuộc sống của đồng bào. Thời gian sáng sớm cho đến lúc tối được khái quát trong lời bài hát:

Châm chiu tài chầy quỷ chia ôi keng? Chia cỏ keng muồn chia pâu chiêu?.

Châm chiu tài chày quỷa rất ôi keng, chia cò keng muồn rất pâu chiêu.

Dịch:

*Giờ sớm đến đây qua mấy canh giờ rồi? Phải đi qua mấy cửa nhà mấy đoạn cầu?*

*Giờ sớm đến đây qua một canh giờ mới đến, qua một người một cửa nhà một đoạn cầu mới đến nơi* [54, tr. 51].

Bên cạnh đó, thời gian trong lời những bài hát Hầu Vua còn được tính bằng mùa. Thời gian diễn ra lễ cấp sắc thường vào mùa xuân hàng năm, do vậy mà trong lời mỗi bài hát Hầu Vua, mùa xuân hiện lên với những hình ảnh tiếng “chim vàng” cất tiếng hót sống động tươi vui “Vèng piu xủi xun duẫy lầu tài” (Chim vàng cất tiếng gọi mùa xuân lại đến) đánh dấu một sự khởi đầu may mắn, tốt đẹp trong năm mới.

Nhịp độ thời gian trong những bài hát có lúc chậm rãi như để già bày tâm trạng, hoài niệm, nhưng có lúc lại gấp gáp, dồn dập:

Dần Mão nhì lín trạ má phán, pé phینگ dả dâu quyên giả dầu.

Quyên dâm trầu phấu, dấm thào pèng, rất rất piu tú trả mã hèng. Sâm púa pé xiêu tún say, dày chìn dày hú phây phây làng, dấm tụ thái pèng quây puần sang.

Ôi linh ôi dẫn tông linh chần chị tiên, ôi dẫn tông linh chần chia ôi muây.

Dịch:

*Hai năm Dần Mão loạn lạc, người xuôi lo sợ quan cũng sợ.*

*Quan lo phớ, phủ không thái bình, nhất nhất cầm gươm phi ngựa đi. Áo giáp đóng chắc đi dẹp loạn, nhìn trước nhìn sau quan sát mọi việc, lo được thái bình trong bản thôn.*

*Trả lại đồng chuông đặt trên bàn, hồi lại hồi chuông đặt bàn cuối.*

[54, tr. 21].

Thông qua thời gian nghệ thuật, người đọc sẽ hiểu rõ hơn về lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng, cuộc sống, nếp sinh hoạt hằng ngày của người dân tộc Dao. Sự hiện hữu của thời gian trong hát Hầu Vua được thể hiện dưới nhiều hình thức, có khi là thời gian thực tại, cũng có khi vận động theo quy luật tự nhiên, có lúc biến chuyển theo mùa và đặc biệt là biến thiên theo dòng tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.

Trong những yếu tố tạo nên hình thức nghệ thuật cho một tác phẩm văn học, không gian nghệ thuật là một trong những yếu tố đóng vai trò quan trọng vì đây là môi trường giúp cho nhân vật sống, bộc lộ hành động, tâm trạng... Chính vì vậy, không có hình tượng nghệ thuật nào tồn tại ngoài không gian. Không gian nghệ thuật được thể hiện bằng ngôn ngữ thông qua lăng kính chủ quan của tác giả.

Trong lời bài hát Hàu Vua thường nhắc đến những địa danh - không gian địa lí và phải kể đến những cái tên như: phủ Hèng Pèng, miếu Phúc Linh, miếu Phúc Giang, miếu Xù Phây, Dương Châu... được người Dao nói đến như một lời khẳng định đầy niềm tin và tự hào về nguồn gốc, nguồn cội của dân tộc mình với những cung bậc tình cảm tha thiết nhưng và đầy sự tôn kính:

Phủng trần ôi siêu, phủng trần quây siêu thẩu Hèng Pèng.

Phủng trần quây siêu Hèng Pèng ôi miu, miu chìn sìa tôi dẫn pèng pèng.

...

Phủng trần ôi siêu, phủng trần quây siêu thẩu Dàng Trâu.

Phủng trần quây siêu Dàng Trâu ôi miu, miu chìn sìa tôi dẫn dầu dầu.

Dịch:

*Đưa thần linh về, đưa thần linh về đến phủ Hèng Pèng.*

*Đưa thần linh về đến nhà ở Hèng Pèng, xe đến miếu thần nơi đất bằng phẳng.*

...

*Đưa thần linh về, đưa thần linh về đến nơi Dương Châu .*

*Đưa thần linh về đến nơi Dương Châu miếu, xe đưa về đến miếu thần không lo âu* [54, tr. 28 - 29].

Có thể thấy, không gian gắn liền với địa danh mang tính chất linh thiêng, vĩnh hằng liên hệ mật thiết đến cội nguồn xa xưa của đồng bào Dao như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt mạch ngầm của thời gian.

Bên cạnh không gian chỉ địa danh cụ thể còn có không gian sinh hoạt song song với quá trình lao động sản xuất trong đời sống hằng ngày của đồng bào như: ngôi nhà ẩn hiện trên lưng chùng núi, cánh đồng, rừng cây bao la bát ngát nghìn trùng, con suối trong vắt mát lành... Chúng ta có thể bắt gặp thường xuyên không gian sinh hoạt của con người trong các bài hát Hàu Vua:

Châm chiu tài chày quỳ chia ôi linh? Lâu puồng quây khốc pản tông lò.

Chấu miền sáo chìn tãng khé mái, dân xía khé miền kiu mái to.

*Dịch:*

*Sớm mai đi sớm qua mấy cánh đồng? Trên đường gặp quý khách làm đồng chuông.*

*Người chủ đêm tiền đặt khách mua, lại sợ người khách đưa nhiều [54, tr. 6].*

Không gian nghệ thuật trong hát Hàu Vua còn chứa đựng nhiều kiểu không gian. Có khi là không gian nhỏ hẹp trong phạm vi gia đình, làng bản gắn liền với đời sống lao động của đồng bào dân tộc. Tuy nhiên, cũng có lúc không gian ấy được mở rộng ra với nhiều chiều kích khác nhau, có thể ra đến núi rừng, biển khơi chứa đựng trong không gian vũ trụ và cả không gian hư ảo, phi hiện thực:

Sày miền muồn chìn châu thúng xinh, chấp chiều pèng tài quây dân tàn.

Xiên châu guya guyền chùn quây khiu, khu nin ù khú tú phồng tãng.

*Dịch:*

*Người thầy ngoài cửa đứng gọi thiên đình về chứng giám hai người chủ cấp sắc, chiêu binh mã về trong bàn thờ.*

*Gọi binh mã chiêu hồn thóc lúa về cho vào trong bồ, năm sau thóc lúa đầy bồ. [54, tr. 39].*

Mặt khác, ngoài không gian địa lí xác định, không gian sinh hoạt và không gian tâm linh còn có không gian nghệ thuật của tình cảm đôi lứa gắn liền với những làng bản - nơi nhân vật trữ tình diễn xướng đối đáp giao duyên giữa các bạn hát với nhau:

Cháy mũ dàu dàu chỏi guyn châu?

Guyn heng cháy mũ tài chói xinh.

*Dịch:*

*Người con gái hát không biết bạn ở thôn nào?*

*Em đến đây hát nhưng không biết em từ đâu đến nói chuyện cười [54, tr. 13].*

Trong hát Hàu Vua còn có những lời ca chỉ không gian phiếm chỉ ước định như: cánh đồng, cây cầu, núi rừng, con suối... đều là không gian mơ hồ mang tính

ước lệ. Đây đều là mô típ không gian được nhân vật diễn xướng sử dụng trong những bối cảnh khác nhau:

Nhàng đĩa muỗn hàng hêng hải lâu?.

Hải lâu dà dui xui giả xiêm.

Xúi xiêm lâu diu lâu vin diu đế khoa tài.

Dịch:

*Hỏi khách đi đường nào tới đây?.*

*Đường cũng xa qua sông suối cũng sâu.*

*Nước sâu đường xa nhưng vẫn bẻ cả hoa mang đến* [54, tr. 8 - 9].

Ngoài ra, bản thân con người cũng chính là một tiểu không gian. Thông qua con người, chúng ta có thể hình dung một không gian văn hóa truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc. Với lối kết cấu phân mảnh trong lời ca của những bài hát Hàu Vua, nhiều mảng không gian đã được gắn kết lại với nhau. Không những thế nhiều mảng không gian còn cùng nhau đồng hiện tạo nên một bức tranh khảm kết đa chiều, đa sắc. Không gian nghệ thuật trong hát Hàu Vua thể hiện một không gian văn hóa vùng miền bình dị, mang tâm tư tình cảm của đồng bào dân tộc. Trong không gian đầy các sự kiện, hành động của nhân vật được thể hiện với nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau đan xen.

### **3.4. Ngôn ngữ**

#### **3.4.1. Ngôn ngữ chặt lọc từ lời ăn tiếng nói hàng ngày**

Ngôn ngữ không chỉ là một thành tố cơ bản của văn hóa, một minh chứng cụ thể cho một giá trị nhân văn tồn tại mà ngôn ngữ còn là một phương tiện thể hiện phong phú và đầy đủ đời sống văn hóa tinh thần, xã hội của một dân tộc. Về mặt lí luận, ngôn ngữ đóng vai trò là một phương tiện giao tiếp đồng thời là một công cụ tư duy của con người. Trong các sáng tác văn chương nghệ thuật, ngôn ngữ mang chức năng xây dựng lên hình tượng văn học, khơi gợi cảm xúc cho người tiếp nhận, đồng nuôi dưỡng xúc cảm thẩm mỹ cho đối tượng thưởng thức. Qua ngôn ngữ, người đọc có thể đi sâu vào khám phá thế giới hình tượng, lối tư duy, cách cảm, cách nghĩ... của con người trong một nền văn hóa. Bên cạnh đó, ngôn ngữ còn là chiếc chìa khóa mở ra cánh cửa thế giới nghệ thuật phong phú đa dạng.

Trong quá trình hội nhập, văn hóa dân tộc Dao đã có sự giao thoa giữa nhiều luồng văn hóa của các dân tộc khác. Tuy nhiên, văn hóa của dân tộc Dao vẫn mang bản sắc riêng độc đáo. Trong giao tiếp hàng ngày, đồng bào Dao chủ yếu sử dụng tiếng dân tộc và có sự đan xen cả tiếng Kinh. Do vậy, ngôn ngữ của người Dao rất phong phú và đặc sắc. Điều đó đã góp phần giúp cho lời ăn tiếng nói hàng ngày của đồng bào ngày càng uyển chuyển, tinh tế và mang sức khái quát cao. Cho nên, đồng bào đã đưa lời ăn tiếng nói hàng ngày của mình vào những câu hát Hào Vua nói riêng và những làn điệu Páo dung nói chung. Có thể thấy, ngôn ngữ là một trong những điểm khác biệt cơ bản giữa văn học thiểu số với văn học đa số.

Ngôn ngữ trong những lời hát Hào Vua vừa trong sáng lại vừa gần gũi dễ hiểu. Có thể thấy, đôi khi lời hát Hào Vua đơn thuần chỉ là những câu nói phổ biến được dùng trong cuộc sống hàng ngày, có khi để kể lại một sự việc hay đơn thuần chỉ là những lời đối thoại giao tiếp qua lại, bộc lộ rõ tâm trạng trực tiếp của nhân vật trữ tình khi chuẩn bị vào hát Hào Vua :

Tồng xong ông dia cây pẹ má.  
Khu xáy nhày phun đầu phá chày.  
Đầu phé phần công nhày.  
Rật piển túa xam, nhày piển phây.  
Tắm chàng chị tuông phiêm ôm giàu

Dịch:

*Ông cụ cười ngựa trắng.  
Thời này con cháu đi bộ  
Đón đầu để nói chuyện  
Bây giờ mặc trang phục để lát nữa hát.  
Ngồi vào chiếu để hát cho quan nghe lo lắng không biết hát thế nào.*

[54, tr.12].

Bằng việc chắt lọc những lời ăn tiếng nói hàng ngày, người Dao Lô Gang đã nói lên được cái tình, cái ý bằng lối cảm, lối nghĩ của dân tộc mình, bao giờ cũng chân thực và mang một nét độc đáo riêng. Ngay cả, trong những bài hát có nội dung



hướng đến việc thể hiện lòng biết ơn của người Dao Lô Gang trước thần linh, cũng sử dụng thứ ngôn ngữ được chắt lọc từ lời ăn, tiếng nói hàng ngày trong đời sống:

Phàn phang tào chia hú châu trà, tào chia ôi châu tào chia trâu quyền tào sang sang, tào chia trâu quyền hú châu muây, dâm lú phàm hâu chuồng kinh.

Tào chia ôi châu dâm chan chiêu trà khú châu tra. Pú tú trà tuồng vằng xin phúi, muồn chìn ké châu tâng khòi khòa.

Ú chầy chuồng suông áp tòi áp, ú đĩa kèng tìn tìn tòi tìn.

Trầm mình, trầm rất vịn nhàng nhủn, ung cú phòng tăng chập mản mình.

Dịch:.

Ngày ngày trả lễ chủ nhà mới an tâm, trả lễ tài công mang rượu thơm ra để cúng lễ, uống xong ba năm trong lòng vẫn nhớ, vẫn cảm thấy rất ngon.

Thần linh uống cả rượu và chè phù hộ cho gia chủ. Phù hộ gia chủ thịnh vượng nghìn năm, trước cửa cây mọc nở hoa nhiều.

Dưới vườn trồng rau hành ra đều đẹp tươi tốt, sau cửa nhà ruộng trồng lúa xanh tươi.

Một năm, một ngày sẽ trả lại lễ cho thần linh, thóc lúa đầy bờ mười nghìn cân.

[54, tr. 23].

Người Dao Lô Gang cũng rất coi trọng việc giả lễ thần linh, bởi lễ họ cho rằng tất cả những gì mà họ hiện đang có đều là nhờ thần linh giúp đỡ mới đạt được. Trong lời bài hát Hầu Vua, đồng bào đã nói lên những suy nghĩ chân thực của mình với một thái độ thành kính trước thần linh. Bằng những hình ảnh “cây mọc nở hoa nhiều”, “rau hành ra đều, đẹp tươi tốt”, “ruộng trồng lúa xanh tươi”, “thóc lúa đầy bờ”, qua đó chúng ta đã thấy được những mơ ước giản dị của người dân trước thần linh.

Phong cách diễn đạt là phương diện thể hiện lối tư duy của người Dao Lô Gang. Trong cách diễn đạt của người Dao Lô Gang có nhiều yếu tố từ ngữ giản dị và mộc mạc, những câu ngắn gọn, từ ngữ đặc trưng. Đặc điểm này phù hợp với đời sống tính cách của người Dao Lô Gang, mà chúng ta có thể bắt gặp rất nhiều trong những lời hát Hầu Vua:

Xiêm keng địa lán khé tài thâu

Xàu táng xàu tây khé dĩa mà.  
Khé miền dĩa mà chẵn luầy xinh.  
Phảy pìn miền khả lủi pháp xinh.

Dịch:

*Nửa canh đêm có khách đến.  
Đưa ghé đưa bàn khách xuống ngựa.  
Người khách xuống ngựa nói vài câu.  
Bốn bên tiếp chuyện nói vài lời.*

[54, tr. 8].

Lời ăn tiếng nói hàng ngày đã đi vào những trang thơ, những bài hát dân ca, đặc biệt là những lời hát Hầu Vua như một mạch nguồn bất tận. Không chỉ có vậy, lời ăn tiếng nói hàng ngày của đồng bào Dao Lô Gang đã góp phần tạo nên cảm hứng, bồi đắp bút lực để cho những bài hát dân ca của người Dao Lô Gang ngày càng nhiều hơn về số lượng, nâng cao hơn về chất lượng.

Ngôn ngữ trong những bài hát Hầu Vua mang tính khẩu ngữ, thường giản dị, mộc mạc chân thực nhưng lại mang tính tạo hình cao nhằm khắc họa con người và cuộc sống sinh hoạt, theo lối tư duy cụ thể hóa của đồng bào miền núi. Ngay từ việc trồng cây, bắc cầu... cũng được đưa vào lời bài hát hết sức tự nhiên, gần gũi. Tuy nhiên, trong thế giới đời sống tình cảm của người dân tộc Dao Lô Gang, họ cũng lãng mạn, tình tứ nhưng lại hết sức tế nhị. Đây là nét tiêu biểu cho cách cảm, cách nghĩ, cách biểu hiện những lời nói từ chính trái tim của chính họ:

Tàn chấp lòng tàu lòng dắm lán  
Lảng lòng pìn túa phang tìu phây phang tìu tàu.

Dịch:

*Cầm tay anh nói chuyện.  
Huyện anh trông nửa vạn cây đầu*

[54, tr. 16].

Bằng việc sử dụng thứ ngôn ngữ không màu mè trau chuốt mà mộc mạc, giản dị, hồn nhiên, dễ hiểu được chất lọc từ lời ăn tiếng nói hàng ngày, những bài hát Hầu Vua đã nói được cái tình, cái ý của người Dao Lô Gang như chính tâm hồn và lối sống của họ. Điều này rất phù hợp với đời sống tình cảm của người dân tộc miền núi. Cách nói đó đã giúp người đọc hình dung ra từng chân dung và cuộc sống

của người Dao Lô Gang. Đồng bào Dao Lô Gang sống giữa thiên nhiên, họ sống nương tựa vào núi rừng, cho nên chúng ta thấy cách diễn đạt của họ thường rất cụ thể, mang hình ảnh.

### **3.4.2. Ngôn ngữ mang bản sắc văn hóa dân tộc Dao**

Ngôn ngữ là sản phẩm kết tinh bởi nhiều yếu tố như tư duy, văn hóa... của mỗi dân tộc được bồi đắp liên tục qua nhiều thế hệ. Nhìn đại thể, những tác phẩm thơ ca của đồng bào Dao Lô Gang chủ yếu được viết bằng ngôn ngữ mẹ đẻ. Đây là một minh chứng thuyết phục và rõ ràng nhất cho tính dân tộc và bản sắc văn hóa được thể hiện trong các bài dân ca nói chung và các bài hát Hầu Vua của người Dao Lô Gang nói riêng. Cho nên, mỗi bài hát đều có những đặc điểm cấu tạo, hệ thống nhịp điệu, cách vận dụng ngôn ngữ và sắc thái tu từ mang những nét độc đáo riêng biệt, thấm đẫm tình cảm, lối sống, cách nghĩ của người Dao Lô Gang và không thể lẫn với các bài dân ca của dân tộc khác.

Trong hát Hầu Vua, chúng ta bắt gặp rất nhiều cách nói, cách ví von, cách kê, tả... rất mộc mạc, giản dị mang đậm phong vị Dao:

Dầm sáng ôi liu, dăng cang pụa pày sênh đĩa than sênh đĩa chiêu.

Xeng thẩu piễn than dăng ca ôi liu, piễn chăng a lí miễn thìn phây.

Dịch:

*Không hát thì hết rồi, lấy rơm rút lõi xong xô tiền đem lên thuyền mang đi qua suối về nhà thần linh.*

*Thuyền đến bên dòng đứng lễ vật, giấy treo mang đi như sáo bay trên trời.*

[54, tr. 58 - 59].

Thông qua một hệ thống ngôn ngữ phong phú, những bài hát Hầu Vua đã được đồng bào Dao Lô Gang viết lên bằng tất cả những tình cảm sâu sắc, triu mến và thân thương của mình dành cho quê hương, bản làng. Hát Hầu Vua còn mang giọng điệu mộc mạc chân thành với mong muốn khuyên bảo dặn dò thế hệ sau cần phải siêng năng học tập mới thành công trong cuộc sống. Đó là những lời dặn dò ngắn gọn, mộc mạc, nhẹ nhàng nhưng lại mang một sức truyền cảm rất lớn. Qua đó, mỗi chúng ta có thể cảm nhận được tình cảm to lớn của đồng bào Dao Lô Gang,

mặt khác nêu cao ý thức giữ gìn, bảo vệ tri thức của tổ tiên và những trang sách quý được bảo lưu từ ngàn đời:

Tụ líu chính pây xâu đĩa nhàng xâu đĩa lòng.

Tụ xâu nằm nín vì phây chuồng vì phây chùn.

Tụ thâu ứng keng quyền dải phát.

Dịch:

*Học hết giờ mới biết em là gái anh là trai học cùng một lớp.*

*Sách nữ sách nam đều phải học để truyền lại sau này.*

*Chịu khó học đến mười một mười hai giờ đêm mới thành danh* [54, tr. 17].

Ấn sau những câu hát Hầu Vua trong lễ cấp sắc của đồng bào Dao Lô Gang còn là sự tôn kính của người Dao Lô Gang trước tổ tiên và thần linh. Lễ cấp sắc của người Dao Lô Gang vẫn được thực hiện theo đúng nghi thức từ xa xưa truyền lại và thờ “Tam hữu vương”. Theo quan niệm của ngành Dao Lô Gang, việc thờ cúng thần linh và đặc biệt là vua Bàn Vương là việc làm vô cùng quan trọng và cần thiết. Công việc đó, gắn liền với phong tục thờ cúng Bàn Vương và tín ngưỡng “vạn vật hữu linh”. Bởi lẽ, họ cho rằng có thờ cúng chu đáo thì cuộc sống của họ mới ấm no, hạnh phúc, con cháu mới làm ăn phát đạt:

Tài tâm hùng mìn chìn khu bài chan bậy hăng sật pin thỉn trắng khin.

Dật tài phồng hò chuồng chạt xính, nhậy tài tồ chia chuồng miến dàng.

Dịch:

*Trước mặt thần linh xếp bày chén như sao trời.*

*Một đến phù hộ hai đến phù hộ bao nhiêu người trong đám* [54, tr. 38].

Trong lời hát Hầu Vua, chất liệu xây dựng hình tượng nghệ thuật gắn liền với đời sống, thiên nhiên, phong tục, tập quán của đồng bào Dao. Cái hồn dân tộc đã thấm sâu vào từng câu chữ của lời hát Hầu Vua tạo nên một phong cách Dao không bao giờ bị hòa lẫn trong thơ ca của các dân tộc khác.

Có thể thấy, đặc điểm nổi bật nhất trong những lời hát Hầu Vua là việc sử dụng ngôn ngữ của chính dân tộc mình. Chính yếu tố ngôn ngữ này đã thể hiện sâu sắc bản sắc Dao, phong cách của người Dao trong từng câu hát.

Kế tiếp, là việc kế thừa và tiếp thu những tinh hoa của thơ ca cổ, truyện thơ cổ... một cách sáng tạo nhuần nhuyễn trong lời hát Hàu Vua. Ngoài ra, các bài hát Hàu Vua còn vận dụng sáng tạo lời thơ cũng như giai điệu của những bài hát Páo dung. Đó là kiểu hát đối đáp, lối ngâm thơ mang đậm chất trữ tình của đồng bào dân tộc Dao Lô Gang. Điển hình như trong bài “Hát đối đáp ba trai ba gái” (Pèo dum), “Điều nhũn dung” (đối đáp). Trong lễ cấp sắc, những câu hát Hàu Vua cất lên lúc thì ngọt ngào sâu lắng, lúc da diết, lúc thì ngạo ca... ấm áp tình người Dao Lô Gang. Ngôn ngữ thơ của những bài hát Hàu Vua đậm sắc thái dân tộc, nên nó có sức sống bền chặt trong trái tim độc giả.

### **3.5. Một số biện pháp tu từ nghệ thuật**

#### **3.5.1. Ẩn dụ**

Trong các bài hát Hàu Vua các biện pháp tu từ nghệ thuật được sử dụng khá nhiều, song nổi bật lên là các biện pháp: ẩn dụ, so sánh và điệp từ ngữ.

Trong lời hát Hàu Vua, tác giả dân gian đã sử dụng cách nói ẩn dụ khá rộng rãi để diễn tả mọi sự vật hiện tượng trong cuộc sống dựa vào quy luật liên tưởng tương đồng. Để viết lên những lời ca nhằm phác họa lại cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, đặc biệt là trong chuyện tình cảm lứa đôi, tác giả dân gian đã sử dụng những hình ảnh ẩn dụ, ví von quen thuộc để diễn đạt cái ý cái tình sâu đậm và thiết tha của đồng bào Dao.

Hầu hết những chàng trai, cô gái Dao đều là những người đam mê ca hát. Họ cảm mến nhau không chỉ ở vẻ đẹp bề ngoài mà còn ở tài năng. Tuy đường xa xôi cách trở nhưng họ vẫn tìm đến với nhau, đơn giản chỉ để nghe một bài hát hay cùng nhau giao duyên:

Xuây pây trăm đĩa pàng tú pông, sáng cà chây, xò xuây ôi xính.

Lòong chỏi phầu Nàm tông pée guyn, múi chỏi Tuây Châu tài thỉnh xính xòong luây liêu.

Dịch:

*Nửa đêm được gặp nàng để cùng hát ca, giờ đây lại được gặp nhau để cất lên bài ca để cùng đối đáp.*

*Anh ở phủ Nam nàng ở kinh đô anh ở phủ nam huyện Bạch Thông, nàng ở huyện Quý Châu đến nghe tiếng hát giọt lệ trào* [54, tr. 46].

Người con gái thì ở tận Quý Châu đã không quản ngại đường xa cách trở đến tận huyện Cây Thông để được nghe người con trai hát. Khi nghe giọng hát của người con trai cất lên với tất cả tấm chân tình người con gái không khỏi xúc động, những giọt lệ hạnh phúc của nàng tuôn rơi. Tác giả dân gian đã sử dụng hình ảnh ẩn dụ “cá biển Đông” và “rồng biển Tây” vừa để chỉ người con trai và người con gái vừa để nói tới đồng bào Dao đang cư trú rải rác khắp mọi miền phải đến ngày hội mới có dịp để đoàn tụ sau bao tháng ngày xa cách:

Xò xuyên ôi xinh xô xuyên ôi puồng tồng khoi lầy nhiều phảy khoi luồng phảy khoi kin.

Tông khói lầy nhiều xây khói sáng phảy khói sáng.

Xuây pây trăm đĩa pàng tú puồng, sáng cà chây, xô xuyên ôi xinh.

Lòong chỏi phầu Nàm tông pée guyn, múi chỏi Tuầy Châu tài thỉnh xinh xòong luây liêu.

Dịch:

*Giờ đây câu hát vang lên giờ đây lại gặp như cá ở biển Đông rồng ở biển Tây.*

*Cá ở biển Đông lúc thì tập trung lúc thì tản ra để đi kiếm ăn.*

*Nửa đêm được gặp nàng để cùng hát ca, giờ đây lại được gặp nhau để cất lên bài ca để cùng đối đáp.*

*Anh ở phủ Nam nàng ở kinh đô anh ở phủ Nam huyện Bạch Thông, nàng ở huyện Quý Châu đến nghe tiếng hát giọt lệ trào* [54, tr. 45 - 46].

Trong cuộc sống, đoàn tụ và chia li đã trở thành quy luật tất yếu. Chính vì lẽ đó, họ trân trọng những phút giây được ngồi lại bên nhau ca hát. Những câu hát giao duyên cứ thế mà cất lên từ chính trong trái tim, tâm hồn của họ và vang vọng mãi khắp núi rừng.

Cuộc sống vốn đã vô thường, chính vì vậy không phải câu chuyện tình yêu nào cuối cùng cũng có một cái kết viên mãn như mong đợi. Chàng trai và cô gái gặp nhau trong lễ cấp sắc, cô gái đến để hát, hai người gặp nhau “nói chuyện cười” thân thiết. Đường như bao nỗi niềm, bao vui buồn của cuộc sống họ đã dốc cạn cho nhau

để cùng thấu hiểu, nhưng cuối cùng họ vẫn không thể đến được với nhau. Có lẽ, tình cảm của chàng trai chỉ là tình đơn phương. Chàng trai đã ngỡ lời nhưng người con gái lại chối từ tình cảm đó, bởi lẽ người con gái chỉ coi chàng trai là một người bạn. Cũng có thể người con gái kia trước khi gặp chàng trai đã có tình cảm với người khác nên nàng mới bắt buộc phải từ chối tấm chân tình của chàng trai:

Chấy mù dầu dầu chỏi guyn châu?

Guyn heng chấy mù tài chỏi xing.

Dầm tú chàng xoong xòong lấy liêu.

Dịch:

*Người con gái hát không biết bạn ở thôn nào?*

*Em đến đây hát nhưng không biết em từ đâu đến nói chuyện cười.*

*Anh và em nói chuyện với nhau nhiều mà không thành đôi khiến lệ anh rơi.*

[54, tr. 13].

Sau khi, bị người con gái mình yêu từ chối tình cảm chàng trai đã khóc cho mỗi tình dang dở đó. Tác giả dân gian đã sử dụng hình ảnh “hoa đẹp” ẩn dụ cho người con gái, ý muốn nói đây là cô gái xinh đẹp như bông hoa của núi rừng. Câu hát “khú khoa tan, lòng và dầm lìn phiềm lấy than” (Hoa đẹp chỉ cần một nhánh, anh nói em không yêu thì lòng anh đau) như nỗi niềm mà chàng trai muốn giải bày với người mình yêu. Tình yêu của chàng trai chỉ dành duy nhất cho người con gái xinh đẹp, hát hay mà không thể dành cho thêm ai khác. Chàng trai miền núi đã tỏ tình dũng cảm trực tiếp không ngần ngại nhưng vẫn thể hiện sự chân tình của người Dao. Trong ca dao cổ truyền có câu:

“Thuyền ơi có nhớ bến chăng?

Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền”. (Ca dao)

Hình ảnh “thuyền” và “bến” được ví như chàng trai và cô gái. Thuyền đi mãi không về những bến vẫn mong vẫn đứng đợi một ngày nào đó thuyền sẽ về, nên vẫn “một dạ khăng khăng đợi thuyền” thể hiện tình yêu thương son sắt thủy chung trước sau như một của cô gái hay người vợ hiền với chàng trai hay người chồng để chờ ngày đoàn tụ hạnh phúc. Trong lời hát Hầu Vua tác giả dân gian cũng mượn hình ảnh “thuyền” và “bến” nhằm ẩn dụ cho người con trai và người con gái

nhưng trong hát Hài Vua nhân vật trữ tình được chuyển đổi vị trí cho nhau. Chàng trai đã chủ động đi tìm lại mối duyên tình của mình nhưng trở trêu thay khi chàng trai đến gặp cô gái thì cô gái đã đi lấy chồng:

Vin hêng rật tời quần chùn chàng.

Pầu pầu sèng chùn xui pầu piền.

Dịch:

*Đến gặp em nhưng thuyền đến thuyền đi.*

*Thuyền gặp nhau nhưng mỗi người một hướng* [54, tr. 14].

Tình yêu luôn có những ngang trái, bất ngờ xảy ra. Ở bài hát này, chàng trai và cô gái đã có duyên gặp gỡ, nhưng số phận lại không cho họ đến được với nhau như mong ước. Định mệnh đã sắp đặt cho nên “con thuyền” dù có gặp nhau trên một dòng sông nhưng cuối cùng vẫn mỗi thuyền đi một hướng. Cuối cùng trên con đường kiếm tìm hạnh phúc, hai người đã chọn cho mình những ngã rẽ khác nhau. Cũng giống như chàng trai xứ Nghệ đã chủ động đi tìm tình yêu của mình “Anh đến thăm hoa...Anh đến bến đò... Anh đến tìm em...” nhưng “thì hoa kia đã nở...đò đã sang sông...em đã có chồng”:

“Anh đến thăm hoa thì hoa kia đã nở

Anh đến bến đò thì đò đã sang sông

Anh đến tìm em thì em đã có chồng.”

(Ca dao)

Trong hát Hài Vua, phương thức tu từ ẩn dụ đã đem lại cho hình ảnh thơ thêm phần lãng mạn và chân thực, hình tượng hàm súc góp phần mang đến cho những câu hát thêm ý thêm tình. Đồng thời làm cho ngôn ngữ thơ văn của đồng bào miền núi vốn chân chất mộc mạc trở nên bóng bẩy, trau chuốt, chứa đựng nhiều tầng ý nghĩa tinh tế, đẹp, sâu sắc.

### 3.5.2. So sánh

Trên thực tế, đời sống ngày càng phát triển kéo theo nhu cầu biểu đạt của con người ngày càng cao. Để đáp ứng được những yêu cầu đó, các biện pháp tu từ đã và đang trở nên vô cùng cần thiết, đóng vai trò quan trọng giúp cho sự diễn đạt thêm rành mạch, rõ ý, cụ thể và phong phú hơn. Trong hát Hài Vua, ngoài sử dụng



biện ẩn dụ còn có biện pháp so sánh. Nhìn chung, ở một số câu hát phép so sánh sử dụng một số liên từ và quan hệ từ: như, như là... đặt giữ hai vế được so sánh.

Có thể thấy, so sánh là một trong những biện pháp nghệ thuật không hiếm gặp trong hát Hầu Vua. Tác giả dân gian đã so sánh cuộc gặp gỡ đoàn tụ của những người bạn sau bao năm xa cách nay được gặp lại nhau như cuộc hội ngộ của “cá ở biển Đông rồng ở biển Tây”:

Xò xuây ôi xing xò xuây ôi puồng tồng khoi lầy nhiều phảy khoi luồng phảy khoi kin.

Tông khói lầy nhiều xây khói sáng phảy khói sáng.

Dịch:

*Giờ đây câu hát vang lên giờ đây lại gặp như cá ở biển Đông rồng ở biển Tây.*

*Cá ở biển Đông lúc thì tập trung lúc thì tản ra để đi kiếm ăn [54, tr. 45 - 46].*

Ở câu hát này, tác giả đã sử dụng kiểu cấu trúc so sánh triển khai, nhằm nhấn mạnh sự gặp gỡ, đoàn tụ của con người như “cá biển Đông rồng biển Tây” để diễn tả một cách đặc sắc và phù hợp cho việc bộ lộ niềm hạnh phúc, vui mừng khi được gặp lại sau bao tháng ngày xa cách. Sự so sánh trong câu hát này chủ yếu để thực hiện chức năng biểu cảm. Ở một số trường hợp biện pháp so sánh được sử dụng nhằm hướng đến việc tăng giá trị tạo hình:

Xiêu nhâm tồng kín goãng goãng ôi chịu, chịu lòng mìn mèo háng nhản chìn.

*Tay cầm gương kính quay quay chiếu, soi mặt chàng đẹp như đồng tiền*

[54, tr. 6].

Gương mặt của chàng trai trong câu hát được đem ra so sánh với “đồng tiền”. Đây là lối so sánh rất cụ thể, ví von mang đặc trưng của lối cảm, cách nghĩ của người dân miền núi. Từ đó, giúp chúng ta hình dung ra được gương mặt của chàng trai người Dao một cách chân xác nhất.

Biện pháp so sánh còn là biện pháp tạo hình giúp cho những câu hát Hầu Vua tăng thêm tính chất hình tượng nghệ thuật:

Dầm sáng ôi liu, dăng cang pua pày sênh địa than sênh địa chiêu.

Xeng thẩu piễn than dăng ca ôi liu, piễn chăng a lí miễn thìn phây.

Dịch:

*Không hát thì hết rồi, lấy rom rút lõi xong xô tiền đem lên thuyền mang đi qua suối về nhà thần linh.*

*Thuyền đến bên dòng đứng lễ vật, giấy treo mang đi như sáo bay trên trời.*

[54, tr. 58 - 59].

Tác giả dân gian đã sử dụng hình ảnh “sáo bay trên trời” để so sánh với giấy tiền âm cúng thần linh được treo trên chiếc xà bắc ngang phía trên bàn thờ, khi tiến hành nghi lễ. Đây là cách so sánh có giá trị tạo hình và giá trị biểu cảm cao. Nhờ đó, chúng ta có thể nắm bắt rõ hơn về đặc điểm của sự vật, hiện tượng được nói đến trong câu hát. Qua đó, còn thể hiện tấm lòng thành kính và trân trọng của người Dao trước thần linh vô cùng đáng quý trọng.

### **3.5.3. Điệp từ ngữ**

Điệp từ ngữ là biện pháp tu từ nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ, một cụm từ có dụng ý làm tăng cường hiệu quả diễn đạt: nhấn mạnh, tạo ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc... và tạo nhịp điệu cho câu, đoạn văn bản. Điệp ngữ có nhiều dạng như: điệp cách quãng, điệp nối tiếp, điệp vòng tròn.

Điệp từ ngữ cũng là một trong số những biện pháp tu từ được sử dụng khá nhiều trong hát lời hát Hầu Vua. Ở đây có thể lặp lại một từ hay cả cụm từ. Điệp từ ngữ được sử dụng để tạo sự nhấn mạnh với đối tượng đang được nói tới, liệt kê sự vật hiện tượng, tạo sự khẳng định, đem lại âm hưởng cho câu thơ hoặc câu văn, đồng thời giúp người đọc dễ nhớ dễ thuộc.

Trong hát Hầu Vua, điệp từ “ôi” được sử dụng nhiều để tạo âm hưởng và mang đến cho những câu thơ thêm âm sắc, đặc biệt trong khi diễn xướng tần suất xuất hiện đậm đặc. Theo khảo sát ban đầu có đến hơn 150 từ “ôi” được lặp đi lặp lại. Trong hát Hầu Vua, từ “ôi” không mang ý nghĩa gì cả nhưng nó có vai trò vô cùng quan trọng trong việc tạo âm hưởng cho câu hát. Thậm chí có những câu hát điệp từ “ôi” được nhắc lại đến bốn lần:

*Ôi linh ôi dẫn tòng linh chần chi tiên, ôi dẫn tòng linh chần chia ôi muây.*

*Trả lại đồng chuông đặt trên bàn, hồi lại hồi chuông đặt bàn cuối*[54, tr. 21].

Ngoài ra, cũng có những câu sử dụng điệp ngữ cách quãng, điệp lại một số cụm từ trong câu nhằm nhấn mạnh đến thời gian và công việc mà nhân vật trữ tình phải thực hiện:

Châm chiu tài chày quỷ chia ôi linh? Lầu puồng quây khốc pân tông lò.

Chấu miến sáo chìn tăng khé mải, dần xía khé miến kiu mải to.

Châm chiu tài chày quỷ lính dẫu lầu puồng quây khé pân tông linh.

Dịch:

*Sớm mai đi sớm qua mấy cánh đồng? Trên đường gặp quý khách làm đồng chuông.*

*Người chủ đêm tiền đặt khách mua, lại sợ người khách đưa nhiều.*

*Sớm mai đến giờ qua đồng sớm trên đường gặp quý khách làm đồng chuông.*

[54, tr. 6].

Câu thơ nhấn mạnh việc đi mua chuông đồng - một nhạc cụ để khi làm lễ cúng. Trong nghi lễ, người hành lễ vừa lắc chuông vừa múa theo nhịp bài hát hay bài cúng, đặc biệt trong lễ cấp sắc, lễ cầu mùa, lễ cầu mưa... đều phải dùng đến chuông của nhân vật trữ tình vào thời gian sáng sớm. Trong hát Hầu Vua việc sử dụng điệp ngữ rất đậm đặc, chẳng hạn trong bài Thâu phủng triền dẫn gồm 29 câu trong đó cụm từ “Phủng trần ôi siêu” (Đưa thần linh về) được lặp lại tới 16 lần nhằm nhấn mạnh việc tiễn đưa thần linh về sau khi lễ cấp sắc kết thúc:

Phủng trần ôi siêu, ta khòì chùn láp phủng liễu tràu phủng liễu thàn.

Nhần vả liễu chấu coong súi ôi pầu, tào chùn seng quỷ sậy mù giàu sậy mù thàn.

Phủng trần ôi siêu, pé mảng phải phai phát sát muồn phát sát chai.

Dịch:

*Đưa thần linh về, nhỏ neo chèo thuyền đi về hướng phủ.*

*Giờ đây thuyền đậu bến hải, đại thuyền đưa qua mấy hải lí.*

*Đưa thần linh về, cầm gạo vãi ra tiễn thần linh ra về* [54, tr. 27].

Đặc biệt ở hình thức hát đối đáp của người Dao trong lễ Cấp sắc việc sử dụng điệp ngữ là rất phổ biến vừa nhằm mục đích tạo âm hưởng cho câu hát và

việc nhắc lại câu hỏi rồi mới đưa ra câu trả lời giúp tăng thêm phần thú vị cho cuộc đối đáp:

Đồng tòng piễn mài xìa xoong ôi áp? Xùn kin xèng dẫn chia liêu xoong?.

Đồng tìn piễn mài rật xoong ôi áp, xùn kin xeng dẫn mảng điều xin.

Châm chiu tài chày quya chia ôi tòng? Chia cò tòng muần chia chiều

Châm chiu tài chày quya rất ôi tòng, chia cò tòng muần rất chiẻn chần câu.

Dịch:

*Qua cánh đồng thấy mấy đôi vịt? Xuân đến sinh ra bao nhiêu vật?.*

*Đi qua cánh đồng thấy một đôi vịt, xuân đến sinh ra vạn vật.*

*Giờ sớm lại đến qua mấy đồng? Gặp bao nhiêu người tốt?*

*Sớm mai lại đến qua một đồng, gặp một người đồng môn trung thực tốt bụng.*

[54, tr. 49 - 50].

Điệp từ ngữ được sử dụng trong hát đối đáp đã góp phần tăng thêm giá trị biểu cảm cho lời văn. Các điệp ngữ được sử dụng khá nhiều với mục đích làm tăng sức biểu cảm cho câu hỏi và làm rõ ý người cần diễn đạt. Theo tư liệu khảo sát, chúng tôi thấy chủ yếu trong hát Hầu Vua tác giả dân gian sử dụng kiểu điệp ngữ cách quãng và điệp từ.

#### **\*Tiểu kết**

Hát Hầu Vua là loại hình dân ca tín ngưỡng nghi lễ, song không vì thế mà câu từ của các bài hát khô khan, khó hiểu. Bởi lẽ, những lời ca là sự kết hợp một cách khéo léo ngôn ngữ được chất lọc từ lời ăn tiếng nói hàng ngày của người Dao và thứ ngôn ngữ mộc mạc giản dị mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc đã hằn sâu trong nếp sống, cách tư duy của đồng bào dân tộc, được các tác giả dân gian đưa vào lời bài hát một cách tự nhiên và đầy ấn tượng đem lại sắc màu tươi mới, hấp dẫn cho ca từ trong những bài hát Hầu Vua. Bên cạnh đó, là sự kế thừa tinh hoa trong thơ ca cổ, truyện thơ và vận dụng sáng tạo lời thơ cũng như giai điệu của những bài Páo dung truyền thống. Qua đó, phác họa lên cuộc sống sinh hoạt, phong tục tín ngưỡng, truyền thống dân tộc... của người Dao nói chung và nhóm Dao Lô Gang nói riêng.

Thể thơ thất ngôn và tự do được vận dụng sáng tạo, linh hoạt trong lời hát Hầu Vua đã đem lại những giá trị to lớn trên cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật. Lời các bài hát Hầu Vua còn có sự tiếp thu và ảnh hưởng hai thể là thơ cổ phong và Đường luật. Nét độc đáo trong việc lựa chọn thể thơ còn là sự sáng tác theo những làn điệu Páo Dung.

Bên cạnh đó, các yếu tố như: nhân vật trữ tình, thời gian nghệ thuật, không gian nghệ thuật đóng góp một phần to lớn trong việc tạo nên một chỉnh thể cho những lời hát Hầu Vua. Qua đó, chúng ta có thể khám phá những giá trị truyền thống văn hóa, những cung bậc cảm xúc, tình yêu thiên nhiên... được tái hiện trong các bài hát Hầu Vua.

Với việc vận dụng một số biện pháp tu từ nghệ thuật điển hình là các biện pháp: ẩn dụ, so sánh, điệp từ ngữ... là những thủ pháp nghệ thuật được sử dụng với tần số cao trong lời bài hát Hầu Vua được tác giả dân gian chắt lọc từ bề dày văn hóa cộng đồng người Dao mang đến cho người nghe một cảm giác mới lạ, độc đáo.

## KẾT LUẬN

1. Dân tộc Dao Lô Gang là một trong những dân tộc cư trú lâu đời trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Đây là dân tộc có lịch sử, truyền thống văn hóa lâu đời. Trải qua cuộc thiên di và những biến thiên của lịch sử, đồng bào Dao luôn đoàn kết vượt qua mọi khó khăn và thử thách. Đồng bào Dao Lô Gang không chỉ tích cực tham gia cải tạo và xây dựng xã hội, phát triển kinh tế mà còn tích cực tham gia bảo tồn và làm giàu thêm kho tàng văn hóa tinh thần của dân tộc. Từ tập quán sinh sống, lao động sản xuất, cách thức bày trí nhà cửa, trang phục, ẩm thực... đều mang những nét đặc trưng riêng. Đây là sự nỗ lực không ngừng nghỉ và xuyên suốt qua nhiều thế kỷ của đồng bào Dao Lô Gang. Tuy đời sống còn gặp nhiều khó khăn do chưa có điều kiện phát triển, cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ, việc thông thương còn gặp trở ngại do đường xá không thuận lợi... nhưng đồng bào Dao luôn cố gắng vươn lên làm chủ cuộc sống của chính mình. Dân tộc Dao nói chung, người Dao Lô Gang nói riêng có những nét tập quán đa dạng mang đậm màu sắc phong tục. Một trong những nét văn hóa của người Dao phải kể đến là lễ cấp sắc, qua đó phản ánh tâm tư, nguyện vọng, khơi nguồn tình yêu quê hương đất nước, gắn kết cộng đồng, định hướng giáo dục, cung cấp những hiểu biết về lịch sử văn hóa... Có thể nói, lễ cấp sắc được xem là bức tranh phong tục phản ánh một cách toàn diện, độc đáo và chân xác nhất những khía cạnh trong cuộc sống của đồng bào Dao. Những giá trị đạo đức, bộ tranh thờ cúng với những nét ý nghĩa sâu sắc cùng hệ thống thần linh được thờ cúng trong cộng đồng, các hình thức diễn xướng... có giá trị to lớn cho việc nghiên cứu đời sống tín ngưỡng văn hóa của cộng đồng của người Dao.

2. Mỗi dân tộc đều mang những nét văn hóa riêng, nếu như dân tộc Tày luôn tự hào với những làn điệu Then mượt mà, dân tộc Sán Dìu có những điệu hát Sọng cô để trải lòng hay những câu hát Sinh ca độc đáo của người Cao Lan, thì dân tộc Dao có làn điệu Páo dung ngọt ngào, sâu lắng, đượm tình người. Hát Hầu vua là một trong số những loại hình thuộc Páo dung nghi lễ tín ngưỡng phong tục của đồng bào dân tộc Dao. Hát Páo dung được chia ra thành nhiều loại hình khác nhau. Trải qua bao biến cố thăng trầm của lịch sử hát Hầu Vua đã và đang tồn tại như một minh chứng bất diệt cho một nền văn hóa lâu đời của đồng bào Dao. Sưu tập, tìm hiểu và nghiên cứu về hát Hầu Vua là một việc làm có ý nghĩa và nên khích lệ.

Hát Hầu Vua của đồng bào Dao Lô Gang ở huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên là một bộ phận của văn học, văn hóa dân gian của đồng bào các dân tộc thiểu số. Trong đó chứa đựng những nét phong tục truyền thống độc đáo mang nội dung ngợi ca và thể hiện ước mơ từ ngàn đời của những thế hệ đi trước. Đó chính là tinh thần lao động hăng say, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, khát vọng trịnh phục thiên nhiên. Đó là những lễ sống công bình, những phẩm chất đạo đức, luân lí tốt đẹp. Đó là các phép ứng xử trong các mối quan hệ vợ chồng, cha con, anh em... Đó là tình yêu thiên nhiên, sự gắn bó mật thiết với từng ngọn núi, khe suối, từng nương ngô, nương sắn... Và là tình yêu lứa đôi với đầy đủ những cung bậc sắc thái tình cảm, xuất phát từ quan niệm tình yêu trong truyền thống... Nói rộng ra là tình yêu quê hương đất nước có tác dụng thanh lọc tâm hồn con người để vươn đến cái chân - thiện - mỹ. Chính vì lẽ đó, hát Hầu Vua đã phản ánh một cách sinh động và chân thực nhất về cuộc sống cũng như vẻ đẹp tâm hồn, tư tưởng và những giá trị văn hóa lâu đời đã và đang được giữ gìn của người Dao Lô Gang. Theo sự khảo sát ban đầu, chúng ta nhận thấy lời bài hát Hầu Vua là kết quả của một quá trình tích lũy lâu dài của đồng bào Dao. Nó mang linh hồn của cả một động đồng dân tộc Dao. Vượt lên trên những hạn chế của lịch sử hát Hầu Vua đã trở thành là tiếng nói, niềm khát vọng muôn đời. Không những thế trong lời bài hát Hầu Vua những tư tưởng tiến bộ mang giá trị nhân văn đã được thể hiện trọn vẹn.

Qua lời bài hát Hầu Vua chúng ta có thể đi sâu vào khám phá vẻ đẹp tâm hồn và tính cách của người Dao Lô Gang. Bằng tài năng kết hợp với tình yêu quê hương đất nước được hun đúc trong tim, họ làm thơ tôn vinh thần thánh tổ tiên, thơ nghiêm huấn dùng để răn dạy con cháu, ngợi ca đất nước. Họ thể hiện tình yêu thương đằm thắm, khát vọng vượt lên số phận và rất mực thủy chung trong tình yêu. Trước mọi giông tố của cuộc đời họ luôn lạc quan, yêu đời, sống chân thành, bao dung, phóng khoáng.

Hát Hầu Vua của đồng bào Dao Lô Gang ở huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên có sự kết hợp nhiều tầng ý nghĩa mang những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc Dao sâu sắc. Ở mỗi ngành Dao khác nhau thì những câu hát Hầu Vua cũng có những điểm khác biệt ở âm điệu trầm bổng, ca từ... nhưng tựu chung lại, những câu hát Hầu Vua có những đặc điểm giống nhau về nội dung và ý nghĩa hướng đến việc ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, con người, cuộc sống, khắc ghi những truyền thống văn hóa lưu

truyền từ ngàn đời của tổ tiên. Thể thơ tự do và thể thơ thất ngôn được sử dụng chủ yếu trong hát Hầu Vua được trau chuốt và nhuận sắc qua thời gian.

3. Hát Hầu Vua nói riêng và những làn điệu Páo dung nói chung sẽ mãi là mạch nguồn văn hóa dân gian truyền thống hòa chung vào vào dòng suối thi ca của dân tộc từ ngàn đời nay. Hát Hầu Vua - một loại hình nghệ thuật dân gian điển xướng nguyên hợp là sự chắt lọc những tinh hoa từ phong tục tập quán, lời ăn tiếng nói hàng ngày với ngôn từ mộc mạc, giản dị đậm đà bản sắc văn hóa Dao. Ở đó vừa có sự quyện hòa của các yếu tố nghệ thuật vừa mang giá trị tâm linh, chứa đựng những đặc sắc về giá trị nghệ thuật qua không gian, thời gian nghệ thuật đến các thể thơ, ngôn ngữ, hình thức điển xướng và lối ẩn dụ kín đáo, điệp ngữ, so sánh... Tất cả đều thấm nhuần phong vị miền núi. Với đặc điểm là một loại hình nghi lễ tín ngưỡng hát Hầu Vua được điển xướng trong một không gian văn hóa linh thiêng và thành kính với sự hòa tấu của các nhạc cụ cùng sự kết hợp nhuần nhuyễn của những điệu dân vũ truyền thống đặc sắc. Những điệu múa nhằm mô tả quá trình hình thành phát triển của cả tộc người.

Những giá trị nhân sinh quan và thế giới quan của hát Hầu Vua được thể hiện rõ nét và sinh động trong lễ cấp sắc. Giá trị của Hát Hầu Vua tích hợp nhiều yếu tố trong đó có ngôn ngữ, thơ ca dân gian, làn điệu dân gian, phong tục tập quán, múa dân gian... Chính vì thế hát Páo dung nói chung và hát Hầu Vua xứng đáng là di sản văn hóa phi vật thể cần được tôn vinh và bảo vệ. Trong sự phát triển của nền kinh tế thị trường, có thể những lời hát Páo dung, những bài hát Hầu Vua sẽ có những thay đổi ít nhiều song các giá trị, những tinh hoa văn hóa được kết đọng trong đó sẽ không bao giờ biến mất sau lớp bụi thời gian. Bởi lẽ những câu hát Páo dung, những lời hát Hầu Vua đã ăn sâu vào trái tim vào tiềm thức của đồng bào Dao. Nó là một bộ phận văn hóa dân gian quý báu của người Dao nói riêng và của cả dân tộc Việt Nam nói chung.

4. Hiện nay trong các ngày lễ cấp sắc những lời hát Hầu Vua vẫn được cất lên trong tiếng chuông đồng, tiếng trống, chũm chọe... hòa tấu ở Hợp Tiên - Đồng Hỷ - Thái Nguyên và vẫn còn ngân xa đến nhiều vùng miền khác như một minh chứng cho sự tồn tại của một nền văn hóa lâu đời và là lời tri ân sâu sắc đến lớp thế hệ đi trước. Lễ cấp sắc của người Dao Thái Nguyên đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của quốc gia. Việc tổ chức lễ cấp sắc không chỉ là niềm tự hào, niềm vui cho cá nhân mà là niềm vinh dự cho cả một dòng tộc, một cộng đồng



người. Tuy nhiên, hát Hầu Vua của người Dao Lô Gang đang đứng trước nguy cơ bị mai một cả về nguồn tư liệu, nghệ nhân, những nét phong tục tập quán, người kế cận... Cho nên, vấn đề bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa cho thế hệ mai sau là một việc làm ngày càng bức thiết, để nó không dần bị mai một và biến mất trong quá trình hội nhập, giao lưu văn hóa toàn cầu. Để gìn giữ nguyên vẹn những giá trị của hát Hầu Vua cần tích cực triển khai việc sao lưu sách hát cổ, tiến hành sưu tầm, thu thập tài liệu, ghi hình, dịch sách, in sách... Mở lớp dạy chữ Nôm Dao nhằm giúp thế hệ trẻ có thể đọc và hiểu được ý nghĩa những làn điệu Páo dung của dân tộc mình. Đồng thời phục dựng lại toàn bộ lễ cấp sắc và hát Hầu Vua để đưa vào chương trình giảng dạy trong môi trường giáo dục chuyên nghiệp. Đối với các cấp các ngành có thẩm quyền cần nhanh chóng xây dựng hồ sơ để khẳng định và tôn vinh những giá trị của hát Hầu Vua đến bạn bè trên toàn thế giới được biết đến.

Ngoài ra địa phương và nhà nước cần có những chính sách ưu đãi những thầy cúng, những nghệ nhân... đã có công giữ gìn, bảo vệ, truyền dạy và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc. Thiết nghĩ Nhà nước nên dành một mức kinh phí nhất định để hỗ trợ cho những hoạt động mang tính chất tôn vinh bảo lưu giá trị văn hóa cho dân tộc, đãi ngộ với các nghệ nhân và mở lớp truyền dạy. Đồng thời tạo điều kiện để hát Hầu Vua được tồn tại trong lòng cộng đồng dân tộc Dao.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (1990), *Hán – Việt từ điển*, Nxb Văn học.
2. Nông Quốc Chấn (1967), “Hãy khơi dòng thơ ca dân gian các dân tộc thiểu số”, Tạp chí *Văn học* (1).
3. Nông Quốc Chấn (Chủ biên), Hoàng Thao, Hà Văn Thư, Mạc Phi, Trần Văn Tấn (Biên soạn, chú giải) (1979), *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam - Văn học dân tộc ít người*, quyển một, Nxb Văn học, H.
4. Phan Huy Chú (1992), *Lịch triều hiến chương loại chí*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
5. Bế Viết Đăng, Nguyễn Khắc Tụng, Trung Nông, Nguyễn Nam Tiến (1971), *Người Dao ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Ninh Văn Độ (chủ biên), Nguyễn Phi Khanh, Hoàng Thế Hùng (2003), *Văn hóa truyền thống các dân tộc Tày, Dao, Sán Dìu ở Tuyên Quang*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
7. Lê Quý Đôn (2007), *Kiến văn tiểu lục*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
8. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên) (2009), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục.
9. Hoàng Thị Hiền (2014), Lễ cấp sắc - nét văn hóa độc đáo của người Dao ở Bắc Kạn, <http://sovhttdl.backan.gov.vn/Pages/bao-ton-va-phat-huy-cac-gia-tri-di-san-van-hoa-383/le-cap-sac-net-van-hoa>, ngày 02/04/2014.
10. Đỗ Đức Hiểu (2000), *Thi pháp hiện đại*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
11. Tô Hoài (1976), “Thực trạng vấn đề văn học thiểu số”, Tạp chí *Văn học* (3).
12. Nguyễn Chí Huyền, Hoàng Hoa Toàn, Lương Văn Bảo (1996), *Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới phía Bắc*, Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
13. Đinh Gia Khánh (1993), *Văn hóa dân gian Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á*, Nxb Khoa học Xã hội.
14. Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo (1997), *Diễn xướng dân gian Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

15. Vũ Ngọc Khánh, Hoàng Minh Thảo (2005), *Từ điển Việt Nam văn hóa tín ngưỡng phong tục*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
16. Phan Ngọc Khuê (2003), *Lễ cấp sắc của người Dao Lô Gang ở Lạng Sơn*, Nxb Văn hóa thông tin, H.
17. Đinh Trọng Lạc (1996), *99 biện pháp tu từ Tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
18. Lã Văn Lô, Hà Văn Thư (1984), *Văn hóa Tày Nùng*, Nxb Văn hóa, H.
19. Đỗ Đức Lợi (2002), *Tập tục chu kì đời người các dân tộc ngôn ngữ Mông - Dao ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
20. Phương Lưu (Chủ biên) (2003), *Lý luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
21. Triệu Hữu Lý (1974), “Truyện Đặng Hành và Bàn Đại Hộ”, Tạp chí *Dân tộc học*, (2), Hà Nội.
22. Triệu Hữu Lý (1990), *Dân ca Dao*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
23. Xuân Mai, Phạm Công Hoan (Sưu tầm, giới thiệu) (2002), *Lễ tục của người Dao ở Vĩnh Phúc và Lào Cai*, Nxb Văn học dân tộc, Hà Nội.
24. Nguyễn Thu Minh (2010), *Văn hóa dân gian người Dao Bắc Giang*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
25. Thanh Nga (2014), Tại sao người Dao phải sơn đầu ?  
<http://vov4.vov.vn/TV/tim-hieu-dan-toc-viet-nam/tai-sao-nguoi-dao-phai-son-dau-c1201-12300.aspx>, ngày 18/06/2014.
26. Phan Đăng Nhật (1981), *Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
27. Bùi Mạnh Nhị (1999), *Văn học dân gian - những công trình nghiên cứu*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
28. Nhiều tác giả (1997), *Kỷ yếu Hội nghị khoa học chuyên đề Mối quan hệ giữa diễn xướng dân gian với nghệ thuật sân khấu*, Viện Nghệ thuật - Bộ Văn hóa, H.
29. Nhiều tác giả (1999), *Phong tục tập quán các dân tộc Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
30. Lê Trường Phát (2000), *Thi pháp văn học dân gian*, Nxb Văn học, Hà Nội.
31. Hoàng Phê (chủ biên) (2001), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học, Hà Nội – Đà Nẵng.

32. Ngô Thị Thanh Quý (2014), *Truyện thơ Tiên dẫn người yêu góc nhìn thi pháp*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
33. Hoàng Quyết, Ma Khánh Bằng (1993), *Văn hóa truyền thống Tày - Nùng*, Nxb Văn hóa Dân tộc, H.
34. Triệu Mùi Say (2005), Văn hóa truyền thống của người Dao với việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, <http://web.cema.gov.vn/modules>, ngày 19/05/2005.
35. Lí Hành Sơn (1991), “Vài khía cạnh về tâm lí người Dao Tiên”, Tạp chí *Dân tộc học* (4). Hà Nội.
36. Lí Hành Sơn (2002), “Lễ cấp sắc và bản sắc Văn hóa người Dao”, Tạp chí *Dân tộc học* (3). Hà Nội.
37. Lý Hành Sơn (2003), *Các nghi lễ chủ yếu trong chu kì đời người của nhóm Dao Tiên ở Ba Bể Bắc Kạn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
38. Trần Hữu Sơn (2001), *Lễ cưới người Dao Tuyển*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
39. Trần Hữu Sơn (2005), *Thơ ca dân gian người Dao Tuyển*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
40. TNĐT (2011), Tập quán cư trú của người Dao ở Thái Nguyên, <http://baothainguyen.org.vn/trang-in-17029.htm>, ngày 15/02/2011.
41. Đỗ Thị Tác (2011), *Truyện cổ dân gian dân tộc Dao ở Lai Châu*, Nxb Văn hóa Thông tin, H.
42. Doãn Thanh (1985), *Truyện cổ Dao*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
43. Tô Ngọc Thanh (1999), “Về công tác điều tra, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể”, in trong *Góp phần nâng cao chất lượng sưu tầm nghiên cứu văn hóa văn nghệ dân gian*, Nxb Văn hóa Dân tộc.
44. Lê Ngọc Thắng - Lâm Bá Nam (1990), *Bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
45. Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
46. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
47. Đỗ Bình Trị (1991), *Những đặc điểm thi pháp của các thể loại Văn học dân gian*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

48. Cù Đình Tú (1983), *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
49. Đỗ Quang Tụ, Nguyễn Liễn (Đồng chủ biên) (2005), *Người Dao trong cộng đồng dân tộc Việt Nam*, Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội.
50. Vũ Anh Tuấn, Nguyễn Xuân Lạc (2003), *Giảng văn văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
51. Quảng Tuệ (2002), *Một số phong tục nghi lễ dân gian truyền thống Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
52. Nguyễn Khắc Tụng (1997), “Trở lại vấn đề phân loại các nhóm Dao ở Việt Nam”, Tạp chí *Dân tộc học*, (3), Hà Nội.
53. Đỗ Thị Minh Thúy (1997), *Mối quan hệ giữa văn hóa và văn học*, Nxb Văn hóa Thông tin. H.
54. Tư liệu do tác giả sưu tập (2015), *Hát Hầu Vua* (Tư liệu dịch chưa xuất bản).
55. Viện dân tộc học (2007), *Người Dao ở Việt Nam*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.
56. Nguyễn Quang Vinh (1999), *Một số vấn đề người Dao Quảng Ninh*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
57. Lê Trung Vũ (2001), *Bàn Vương*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
58. Lê Trung Vũ (Sưu tầm, dịch) (2012), *Dân ca các dân tộc Púpéo, Sán Dìu, Dao, Cao Lan, Lô Lô*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1:

## KHẢO SÁT HÁT HẦU VUA CỦA NGƯỜI DAO LÔ GANG TRONG ĐỜI SỐNG DÂN GIAN

1. Bà Triệu Thị Chanh (54 tuổi) nghệ nhân hát Páo dung. Bà cho rằng: Đối với bà những truyền thống, nghi lễ của dân tộc không thể bỏ được. Đến giờ con cháu người Dao vẫn thực hiện những nghi lễ như một điều không thể thiếu. Lời hát Hầu Vua trong lễ cấp sắc và những bài hát đối đáp mà bà và những người Dao thường gọi là hát Ví rất thú vị đậm tính nhân văn.

2. Bà Bàn Thị Lan (53 tuổi) người dân tộc Dao chia sẻ: Nói về lễ cấp sắc thì ở đây ai cũng biết vì hằng năm lễ cấp sắc vẫn được một số gia đình tổ chức vào tầm từ tháng mười một, mười hai âm lịch đến tháng một, hai âm lịch năm sau. Về cách thức và những bước thực hiện lễ cấp sắc bà nắm được khá rõ. Tuy nhiên khi được hỏi về hát Hầu Vua bà tâm sự chân thành về lời bài hát quả thực không thể hiểu được hết ý nghĩa chỉ có các thầy cúng mới biết được. .

3. Anh Triệu Văn Mạnh (26 tuổi) dân tộc Dao. Anh là lớp thế hệ trẻ trong cộng đồng người Dao Lô Gang ở Hợp Tiến - Đồng Hỷ - Thái Nguyên. Khi được đặt câu hỏi về sự hiểu biết những truyền thống văn hóa của dân tộc mình anh rất tự tin và vui vẻ trả lời câu hỏi mà chúng tôi đưa ra. Anh cho rằng: Trong cuộc sống hiện đại khi những luồng văn hóa đang có xu hướng du nhập lẫn nhau thì văn hóa của cộng đồng Dao vẫn giữ được những nét văn hóa riêng, phong phú. Anh nghĩ nếu tổ chức cho các bạn trẻ người Dao và cả sinh viên, học sinh của tất cả các dân tộc cùng giao lưu với các nghệ nhân hát Hầu Vua nói riêng và hát Páo Dung nói chung sẽ khơi dậy sự hào hứng, đam mê và bồi đắp tình yêu cho giới trẻ nhiệt huyết khám phá, nghiên cứu những câu hát Hầu Vua.

4. Ông Triệu Tiến Minh (53 tuổi) cư trú tại Hợp Tiến- Đồng Hỷ- Thái Nguyên là người dân tộc Dao. Ông sinh ra và lớn lên ở Hợp Tiến- Đồng Hỷ- Thái Nguyên. Ông cho biết: Những phong tục tập quán, bản sắc truyền thống của dân tộc đã ăn sâu vào tiềm thức của ông ngay từ tấm bé. Đặc biệt là một người đàn ông dân tộc Dao cho nên ông đã được trải qua lễ cấp sắc của chính mình và được mời đi dự

những lễ cấp sắc được tổ chức ở địa phương và nhiều nơi khác, chính vì vậy mà ông đã có những kiến thức và sự hiểu biết về lễ cấp sắc và hát Hầu Vua. Khi đề cập đến hát Hầu vua ông rất nhiệt tình chia sẻ với chúng tôi. Tuy không biết nhiều tiếng Nôm Dao nhưng sau khi được nghe những thầy cúng giảng giải về nội dung của bài hát ông thấy lời ca của những bài hát Hầu Vua rất có ý nghĩa và giàu giá trị nhân văn. Đặc biệt trong xã hội hiện nay khi những giá trị văn hóa của dân tộc ông đang dần bị mai một theo năm tháng.

5, Bà Dương Thị Nga (53 tuổi) ở Hợ Tiến - Đồng Hỷ - Thái Nguyên là nghệ nhân hát Páo dung. Khi được hỏi về những làn điệu Páo dung và hát Hầu Vua bà vui vẻ tâm sự cùng chúng tôi. Bà chia sẻ: Cuộc đời bà gắn liền với những làn điệu Páo dung của dân tộc. Bà thuộc lòng rất nhiều làn điệu Páo dung và đặc biệt là các bài hát Hầu Vua trong lễ cấp sắc, bởi lẽ bản thân bà được mọi người đến nhà mượn đi hát nhiều. Những bài hát Páo dung và đặc biệt là những bài hát Hầu Vua được bà lưu giữ trong đầu như một báu vật. Bà mong muốn những làn điệu Páo dung và những câu hát Hầu Vua sẽ được nhiều người biết đến.

6. Ông Triệu Tiên Phan (57 tuổi) dân tộc Dao ở Hợ Tiến - Đồng Hỷ - Thái Nguyên. Hiện tại, ông là thầy cúng uy tín ở Hợ Tiến được người dân quý trọng. Ông cho rằng: Lễ cấp sắc của đồng bào Dao Lô Gang nói chung và hát Hầu Vua nói riêng là một nét phong tục văn hóa truyền thống của người Dao được lưu truyền và bảo tồn lâu đời ở Hợ Tiến - Đồng Hỷ - Thái Nguyên. Với tư cách là một thầy cúng, một người am hiểu tiếng Nôm - Dao ông đã được mời đi cúng và làm lễ cấp sắc ở nhiều nơi như: Bắc Giang, Lạng Sơn... Bản thân ông sinh ra trong một gia đình có truyền thống làm nghề thầy cúng ở Hợ Tiến- Đồng Hỷ- Thái Nguyên vì vậy ông vẫn lưu giữ được nhiều sách quý của cha ông để lại. Đồng thời, bản thân ông cũng thuộc rất nhiều bài hát Hầu vua trong lễ cấp sắc. Ngoài ra ông còn cho biết thêm lễ cấp sắc ở Hợ Tiến - Đồng Hỷ - Thái Nguyên vẫn được thực hiện theo đúng nghi thức từ xa xưa truyền lại thờ “Tam hữu vương”, hai bên bàn thờ thần linh vẫn còn có sự hiện diện của ba em trai và ba em gái hát giao duyên đối đáp cho thần linh nghe. Dựa theo thực tế làm cấp sắc ở nhiều nơi ông còn cho biết thêm lễ cấp sắc của người Dao Lô Gang có nhiều nét khác biệt so với những địa phương khác

như Võ Nhai (Thái Nguyên), Bắc Sơn (Lạng Sơn)... Hiện nay lễ cấp sắc đã có những sự đổi mới không như trước kia. Hầu hết thời gian thực hiện lễ cấp sắc bây giờ đã được rút ngắn so với trước kia xuống còn hai ngày hai đêm. Nhưng không vì thế mà bỏ đi những bước cơ bản trong buổi lễ mà chủ yếu là các thầy cúng liên tục luân phiên nhau thực hiện tất cả những bài cúng. Về phần những bài hát Hầu Vua được sử dụng trong lễ cấp sắc, nó có một giá trị sâu sắc. Qua đó có thể hình dung ra và nắm được những nét cơ bản về truyền thống, lịch sử văn hóa của người Dao Lô Gang. Những người thực hiện những bài hát Hầu vua chủ yếu là thầy ba và người hát được nhà chủ thuê đến hát thay cho ba em gái. Chính vì vậy những bài hát Hầu Vua đã và đang tồn tại như một phần không thể thiếu trong lễ cấp sắc của người Dao Lô Gang. Tuy nhiên ông cũng bày tỏ sự lo lắng của mình trước sự mai một của những giá trị truyền thống mà ông và dân tộc Dao Lô Gang đang cố gắng giữ gìn. Ông mong muốn con cháu người Dao sẽ tiếp tục duy trì việc học chữ của dân tộc mình và biết trân trọng cũng như giữ gìn những bản sắc văn hóa.

7. Ông Triệu Văn Phương (53 tuổi), người dân tộc Dao ở Hợp Tiến - Đồng Hỷ - Thái Nguyên. Ông là nghệ nhân thổi kèn Pí lè và thường xuyên được mời đi tham gia lễ cấp sắc. Ông chia sẻ: Hiện nay lễ cấp sắc của dân tộc Dao vẫn được thực hiện và duy trì qua nhiều thế hệ. Ông nhận thấy đây là một nét đẹp văn hóa của dân tộc mình. Ông hi vọng Đảng và Nhà nước sẽ có những chính sách cụ thể trong việc bảo tồn và lưu giữ sách cổ của người Dao.

8. Ông Triệu Tiến Thắng (45 tuổi), ông là nghệ nhân thổi kèn Pí lè. Ông có đôi điều trăn trở khi được chúng tôi hỏi về việc nêu những đề xuất cho việc gìn giữ những giá trị văn hóa trong lễ cấp sắc cùng những bài hát Hầu Vua. Ông tâm sự: Những bài hát được sử dụng trong lễ cấp sắc đã được sao lưu bằng văn bản tuy nhiên nhưng không nhiều. Về mặt nội dung chỉ số ít những thầy cúng mới có sự am hiểu còn những người dân thì gần như không biết. Điều đó là hệ quả của việc không biết tiếng Nôm Dao



**Phụ lục 2:**  
**MỘT SỐ BÀI HÁT HÀU VUA TRONG LỄ CẤP SẮC Ở HỢP TIỀN-**  
**ĐÔNG HỖ- THÁI NGUYÊN**

(Tác giả luận văn sưu tầm tại địa phương từ tháng 3 năm 2015  
đến tháng 4 năm 2016)

**Quyển 1:**

**Bài 3: DẦU THẦU LẤY CHẦY (GIỜ HÁT)**

Xiêm keng đia lán khé tài thầu  
Xầu tẳng xầu tẳy khé đia mà.  
Khé miền đia mả chẳn luây xinh.  
Phầy pìn miền khả lủi pháp xinh.  
Nhàng chầy guyn hang liêu khé thầu?  
Liêu thầu muồn chìn miền dẳm pây.  
Muồn chìn chìn pụa mây mấy phầy.  
Vây chủ quyn hang phụ quây nhầy.  
Nhàng chầy ủ keng tài dẳm chầu.  
Ủ keng dẳm chầu chỏi cu lầu  
Nhàng đia muồn nhàng hêng hải lầu?  
Hải lầu dà dui xui giả xiêm.  
Xúi xiêm lầu điu lầu vin đế khoa tài.  
Rật pé nhủ chập pụa vèng kinh đin chẳng xing.  
Muồn chẳn chông tỏi chuông mưa châu.  
Duây còn xeng cháy muây thuây chầy.  
Hồng hò puầy tài phiêm lấy phây?  
Hồng hò puầy tài dầu pầy xiêu  
Pây đia phầu Nàm sắtt lấy lầu.  
Phầy Nàm cồng khẩu sắtt tũ tàn  
Vèng pui xủ xun duây lầu tài.  
Muồn chìn chuông tỏi mưa pháy châu.

Thầu chấy om tuông miền guyn dĩa.  
Khòì phàng tít sắt khu châm nghìn.  
Ké mùa nìm nìm gĩ linh piển.  
Muôn chìn chuồng tởi pìn này tủa.  
Chiu chiu đăm puồn của duông còn.  
Đam của duông con muồn phiêm tàn  
Kiu xiêu sát nhựt sát nhùn phiến  
Lầy tù díp tũn phây dầm dầm  
Mài sói mầu diu đầu xíp miền  
Vèng tồng khu cấp xoong chùn ping.  
Cấp tú chun chằng hêng lầy lầu?  
Phâu Nàm còng khấu sấp tũ tàn.  
Vèng pui xủi xun duẫy lầu tài.

Dịch:

*Nửa canh đêm có khách đến.  
Đưa ghé đưa bàn khách xuống ngựa.  
Người khách xuống ngựa nói vài câu.  
Bốn bên tiếp chuyện nói vài lời.  
Người đấy ở thôn nào mà đến đây?  
Nhiều người đến nhà thầy nên thầy không biết hết mặt.  
Đến cửa nhà thầy có quàng khăn và nói vài câu.  
Vì không biết quý khách từ đâu tới.  
Có khách đến nửa đêm vẫn uống rượu  
Nửa đêm ngồi hát uống rượu.  
Hỏi khách đi đường nào tới đây?  
Đường cũng xa qua sông suối cũng sâu.  
Nước sâu đường xa nhưng vẫn bẻ cả hoa mang đến.  
Các loại trang sức lầy đeo đầy trên người.  
Trước cửa nhà có trồng hai cây thông.  
Ngày ngày chăm sóc để cây tốt tươi.*

*Có con chim bay đến chắc là có tin gì đây?  
Chim bay đến lại bay đi.  
Bay xuống phủ Nam xa bảy dặm  
Cửa phủ Nam có cấm lá cờ.  
Chim vàng cất tiếng gọi mùa xuân lại đến.  
Trước cửa nhà trông đợi cây.  
Trông cây đi đến đây có cây che bóng mát.  
Các loại sách cất trong hòm khi nào cần dùng mới lấy ra.  
Cây chết rồi nhưng vẫn còn gốc rễ ở bờ ruộng  
Trước nhà trông cây phần.  
Ngày ngày phải chăm sóc.  
Chăm bón cây để ra mầm lá.  
Mùa xuân đến cây đâm chồi nảy lộc ra hoa.  
Lấy dao sắc cắt mầm rau lang này đi để cho mầm khác mọc.  
Có rau mà không có muối cũng khó ăn.  
Cây vạc thì tốt dùng để đóng thuyền  
Ghép được thành thuyền giờ hỏi đi lối nào?  
Phủ Nam có cấm lá cờ.  
Chim vàng cất tiếng gọi mùa xuân lại đến.*

#### **Bài 4: DẤU THẤU CHẦY (LẠI ĐẾN ĐOẠN NÀY)**

Lấy lấy lá lấy xày  
La lấy liền lòng lạ lây xày.  
(Bắt nhịp để hát.)  
Tông xong ông đĩa cây pẹ má.  
Khu xáy nhày phun đầu phá chày.  
Đầu phé phần công nhày.  
Rật piễn túa xam, nhày piễn phây.  
Tám chàng chị tuông phiêm ỏm giàu  
Guyên heng chấy nhủn pé xình linh.  
Guyn heng chấy nhủn tài chỏo xình.

Tàn chói puồng liêu tài thỉnh xinh.  
Guyn heng rật tời puồng liêu ngổ  
Tú bá lònng lìn xìn mảng ninh.  
Khú hoa xấp xấp chói quyn guyn.  
Xuây pây lònng khú, khú khoa lìn.  
Khú khoa xấp xấp piền thỉnh đía.  
Chấy mủ dàu dàu chói guyn châu?  
Guyn heng chấy mủ tài chói xính.  
Dầm tú chàng xoong xòong lấy liêu.  
Lònng tan lìn, lònng ú mài khoa long tan lìn.  
Vin hong chấy mủ dầm lìn liú.  
Pèng tây chuông xuông díp phảy phàm.  
Khú khoa tan, lònng vả dầm lìn phiềm lây than.  
Vin hènng rật tời quàn chùn chàng.  
Pầu pầu sèng chùn xui pầu piền.  
Tầm châu mài tú hènng dàu phản.  
Pẹ king khoa kin chuông xung chinh.

*Dịch:*

*Ông cụ cười ngựa trắng.*

*Thời này con cháu đi bộ*

*Đón đầu để nói chuyện*

*Bây giờ mặc trang phục để lát nữa hát.*

*Ngồi vào chiếu để hát cho quan nghe lo lắng không biết hát thế nào.*

*Cũng cố gắng hát rõ ràng cho người nghe.*

*Người nữ đến nói chuyện hầu quan.*

*Một mình hát vang để người khác nghe thấy.*

*Cùng thôn gặp nhau phải dừng lại để nói vài câu.*

*Được nói chuyện với quan cảm thấy rất vinh dự.*

*Không biết hoa ở huyện nào đưa tới.*

*Bây giờ mới biết được nhà anh có hoa đẹp thế.*

*Mang hoa đến trang trí khắp khán đài và cửa vào.*

*Người con gái hát không biết bạn ở thôn nào?*

*Em đến đây hát nhưng không biết em từ đâu đến nói chuyện cười.*

*Anh và em nói chuyện với nhau nhiều mà không thành đôi khiến lệ anh rơi.*

*Anh tự nói với chính mình, nhà anh có hoa một mình anh hái.*

*Trong thôn người nữ không nói hết.*

*Đất bằng trồng hành tốt ra nhiều nhánh.*

*Hoa đẹp chỉ cần một nhánh, anh nói em không yêu thì lòng anh đau.*

*Đến gặp em nhưng thuyền đến thuyền đi.*

*Thuyền gặp nhau nhưng mỗi người một hướng.*

*Xuống phố lớn mua được cái ô che.*

*Che ô lên trước tay chống gậy đi.*

### **Bài 7: ĐIỀU THẢO CHÁY LẤY LÔNG ( THẦN LINH PHÙ HỘ GIA CHỦ)**

Dần Mão nhì lín trạ má phán, pé phính dả dâu quyên giả dầu.

Quyên dâm trầu phấu, dầm trào pèng, rất rất piu tú trả mã hèng. Sâm púa pé xiêu tún say, dày chìn dày hú phây phây làng, dầm tụ thái pèng quây puẩn sang.

Ôi linh ôi dẫn tông linh chần chị tiên, ôi dẫn tông linh chần chia ôi muỷ.

Kíu pá sây miên òn lọ nhàng.

Ôi linh ôi dẫn tông linh chần chị tâu.

Ôi dẫn tông linh ta say ôi cháu kíu phá tâm hùng sây dân giàu.

Viên chảy tầm châu, dầu lấu viển, khé miên tan mãi quỷa chai trái.

Chấu miển sao chìn tăng khée ôi mái, kíu pá châu quyên thóc chấu tài, thóc nhạ tài.

Châu cháy trâm min nọ máy chấu, pèng cháy xìn mình mản phủi cây.

Trâm pèng choong chấu, trâm pèng ôi quỳnh, xóng xiêu chập tài nhàng dầm tài nhàng dầm vù.

Xìn pui mảng tráng nhàng dầm ôi liu, chuồng mài khủng viển chùn ui vầy.

Tò chia ôi chấu, tò chia tầm hùng òng lấy trưm. Tò chia tầm hùng khú chấu ôi muỷ, dâm líu phàm minh khấu chuồng càn.

Tò chĩa ôi chấu, tò chĩa sày miền khú chấu trảng tò chĩa sày miền khú chấu muây.

Sày miền pùn pủ ủa hẻng rẻng, tò chĩa ôi chấu, tò chĩa chấu miền hú chấu trảng, tò chĩa chấu miền hú chấu ôi muây.

Phản phang tò chĩa hú chấu trà, tò chĩa ôi chấu tò chĩa trầu quẻn tò sang sang, tò chĩa trầu quẻn hú chấu muây, dâm líu phảm hấu chuồng kinh.

Tò chĩa ôi chấu dằm chan chiêu trà khú chấu tra. Pủ tú trà tuồng vẻng xin pủi, muồn chìn ké chấu tẻng khòì khòà.

Ú chậy chuồng suồng áp tẻi áp, ú đĩa kẻng tìn tìn tẻi tìn.

Trảm mình, trảm rẻt vủn nhẻng nhủn, ung cú phòng tẻng chập mản mình.

Mìn chình chuồng chửu áp tẻi áp, ú đĩa chuồng vĩa hỏng tẻi hỏng, trảm nìn trảm rẻt vủn nhẻng ôi nhủn, úng cú phảm tẻng, chập mẻng xỏng.

Nhựt tầu sẻt chửu sẻng miền ú. Sày miền sẻt lửu sẻng tẻng nẻm, nhựt thầu sẻt chửu sẻng miền ú, sày miền sẻt lửu sẻng tẻng phày.

Trảm tẻi piẻn sẻng trảm lửu ôi đỉẻn, trảm quẻt sẻng trảm pụa đĩa phay. Chà hò ôi xẻnh tẻng thẻnh chẻm khỉ mỏng trảm toày trà trầu mẻi phẻn tẻ chĩa ôi xẻnh trà tuồng sẻn pủ mẻn sinh rẻi.

Chà hò ôi phẻy chửu tá sẻng tầu, pụa on toày trá trầu mẻi phẻn tẻ chĩa xẻnh, tra tuồng sẻn pủ sẻt phiẻu chỏn, chà hò ôi xẻnh thẻi pẻ mình hung tẻi mình xẻnh.

Trà chấu mẻi phẻnh tò chĩa ôi xẻnh, trà tuồng sỏ pu tú òn chửu, chà hò ôi xẻnh, bẻy trẻng xẻnh hủng lửu hỏp pủi.

Trà trầu mẻi phẻnh tò chĩa ôi xẻnh, trà tuồng sỏ pủ mẻn xẻnh ùi.

Chà hò ôi xẻnh, pẻ mảy nỏ giẻng òn phẻy pẻn tra trầu mẻi phẻm tẻ chĩa xẻnh, trà tuồng sỏ pu mẻn xẻn nìn.

Chà hò ôi xẻnh, chẻn xủn lỏn quẻ chẻ pẻn tẻ chấu mẻi phẻn tẻ chĩa ôi xẻnh, trà tuồng hẻnh vẻng mẻn xẻn nìn.

Dịch:

*Hai năm Dần Mão loạn lạc, người xuôi lo sợ quan cũng sợ.*

*Quan lo phổ, phủ không thái bình, nhất nhất cầm gương phi ngựa đi. Áo giáp đóng chắc đi dẹp loạn, nhìn trước nhìn sau quan sát mọi việc, lo được thái bình trong bản thôn.*

*Trả lại đồng chuông đặt trên bàn, hồi lại hồi chuông đặt bàn cuối.*

*Cho sự người an tâm rồi.*

*Trả lại đồng chuông đặt bàn đầu.*

*Trả lại đồng chuông cho thầy cả đưa lại thần linh không âu lo.*

*Mua bát hương thờ cúng vua và thần linh, mua bát hương ở xuôi cát đi, người buôn mang bán ở chợ.*

*Người chủ đưa tiền mua được bát về, mua được bát về mang bát cho tài công để dựng lễ thịt rượu mang ra làm lễ.*

*Rượu nếp mang ra để thờ cúng, mang bánh ra cúng nghìn năm vẫn thơm.*

*Rượu đựng trong hồ lô người rót rượu hai tay rót rượu mời người, hai tay cầm lại không than vãn gì.*

*Ngàn chén vạn chén người uống hết, uống xong rượu thì về không ở đó mãi mới thần linh.*

*Trả lễ rượu, giả lễ thần linh chum đựng rượu. Trả lễ thần linh toàn rượu gạo nên thơm, uống hết ba năm miệng vẫn còn ngọt.*

*Trả lễ rượu, trả lễ cho người thầy rượu tốt, trả lễ người thầy rượu có mùi thơm.*

*Người thầy phân phát cúng cho mọi thần linh, trả lễ người chủ có rượu quý, trả lễ người chủ rượu có hương thơm.*

*Ngày ngày trả lễ chủ nhà mới an tâm, trả lễ tài công mang rượu thơm ra để cúng lễ, uống xong ba năm trong lòng vẫn nhớ, vẫn cảm thấy rất ngon.*

*Thần linh uống cả rượu và chè phù hộ cho gia chủ. Phù hộ gia chủ thịnh vượng nghìn năm, trước cửa cây mọc nở hoa nhiều.*

*Dưới vườn trồng rau hành ra đều đẹp tươi tốt, sau cửa nhà ruộng trồng lúa xanh tươi.*

*Một năm, một ngày sẽ trả lại lễ cho thần linh, thóc lúa đầy bờ mười nghìn cân.*

*Trước cửa trông chuối lá xanh tươi, dưới ruộng trông lúa hàng thẳng hàng,  
một năm một ngày sẽ trả lễ xong, thóc lúa tốt nhiều mười vạn bồ.*

*Nắng lên chiếu vào nhà ông thầy. Người thầy ra cửa hướng đông nam vào  
nhà làm lễ, nắng đầu chiếu vào nhà người thầy, người thầy ra cửa hướng đông tây.*

*Giờ đây đi đến phủ điện để trả lễ, cây tốt mang ra làm nhà cửa. Uống xong  
chè thần linh mới phù hộ, trước cửa sân làm lễ thánh thần trước cửa sân hè đặt bàn  
lễ, gia chủ có tâm thì trả lễ thần linh nghìn năm không trách được.*

*Thần linh uống chè xong phù hộ, lợn bốn chân đặt lên bàn thờ gia chủ có  
tâm trả lễ thần gia trung trả lễ sẽ giỏi giang, thần linh uống chè xong sẽ phù hộ.*

*Gia chủ có tâm thì trả lễ thần, gia trung trả xong lễ được bình an không ai  
trách móc gì, thần linh uống chè xong phù hộ xếp sáu đôi bánh đặt cúng thần linh.*

*Gia chủ có tâm trả thì lễ thần linh, gia trung trả lễ vạn niên rồi.*

*Thần linh uống xong chè phù hộ, bánh gói bằng gạo nếp thơm đặt hai bên,  
gia chủ có tâm giả lễ thần gia trung giả lễ vạn nghìn năm.*

*Thần linh uống chè xong phù hộ, rơm xỏ giấy treo lên xuyên tiền treo lên  
hàng hàng trên bàn, gia chủ có tâm trả lễ thần linh gia trung thịnh vượng vạn nghìn  
năm.*

### **Bài 8: THẬU PHỤNG TRIỂN DẪN (TIỀN ĐƯA BÀN VƯƠNG VỀ)**

*Pe chấy pé lìn lìn chìn sính châu miền trụ chấy châu trụ chấy chìn.*

*Châu miền trụ chấy ỷ gìn ôi phúu, gìm phúu châu miền nậm tú thim nậm tú  
tầu.*

*Pe chấy pé lìn lìn, tản thỉnh sày miền nạp chấy trâu nạp chấy chìn.*

*Dầm tràng pủng huya chẳng pịa chấy xiu lúu pỉn tràng dầm xây chìn dầm xây  
trầu*

*Tầm hùng ôi siêu tàn mản siêu, chấy mùi ôi quày chằm rất đĩa.*

*Nhà cán bày bày phủng trần ôi siêu, sính liêu trầu trắng quả tăng chầy.*

*Phủng trần ôi siêu, choong khí tài chùn súi pẩu tàu sui pây chầy*

*Tài chầy chùn tẩu mù mảng ngỏ, siêu chầy chùn tẩu choong xeng tàu.*

*Phủng trần ôi siêu, choong khí tài chùn súi pẩu kinh, tài chầy chùn tẩu mù  
mắt ngỏ, siêu chấy chùn tẩu chòong trầm pu chòong trầm hang.*



Phủng trần ôi siêu, choong khí tài chùn súi pầu tuông súi pầu coong.

Tài chây chùn tâu mù muát choong, siêu chây chùn tấu, choong nhàn chìn choong tiu còong.

Phủng trần ôi siêu, ta khòì chùn láp phủng liễu trầu phủng liễu thàn.

Nhần vả liễu châu coong súi ôi pầu, tò chùn seng quya sây mù giàu sây mù thàn.

Phủng trần ôi siêu, pé mảng phải phai phát sát muồn phát sát chai.

Pé máy phải phai phát sát ôi nhĩa, phang phủng tầm hùng trắng mù trai trắng mù muồn

Phủng trần ôi siêu, phủng trần quây siêu thẩu lìn trầu.

Phủng trần ôi siêu, lìn trầu ôi miu, mù chìn sìn tòi dẫn hong hòong.

Phủng trần ôi siêu, phủng trần quây siêu thẩu Hèng Pèng.

Phủng trần quây siêu Hèng Pèng ôi miu, mù chìn sìa tòi dẫn pèng pèng.

Phủng trần ôi siêu, phủng trần quây siêu thẩu Phụ Lình.

Phủng trần quây siêu Phụ Lình ôi miu, mìn chìn sìa tòi dẫn linh lìn.

Phủng trần ôi siêu, phủng trần quây siêu thẩu Phụ Còong, phủng trần quây chiểu Phụ Còong ôi miu.

Mìn chìn rìa tòi chuẩn sòong soong.

Phủng trần ôi siêu, phủng trần quây siêu thẩu Xù Phây.

Phủng trần ôi siêu Xù Phây ôi miu, mù chìn sìa tòi dẫn dầu dầu.

Phủng trần ôi siêu, phủng trần quây siêu thẩu Dàng Châu.

Phủng trần quây siêu Dàng Châu ôi miu, mù chìn sìa tòi dẫn dầu dầu.

Phủng trần ôi siêu, sày châu thóo hung phủng sát muồn.

Hèng lâu súi viên tử lo tẩy, quây tẩy sát triêm trần dảm tài trần dẫn hèng.

Dịch:

*Giấy đục xong mới thành tiền người tài công đến in tiền .*

*Tài công in tiền không chê ít, chê ít tài công không được thêm*

*Giấy đục xong mới thành tiền, nói bảo sư thầy cho giấy thân linh rồi.*

*Chưa đem đi đốt tiền giấy thì chưa thành tiền âm đốt rồi thì mới thành tiền*

*âm.*

*Thần linh muốn đi vạn đường rồi, nàng ơi muốn về thì giờ đây về.  
Cầm que vẩy vẩy đưa thần về, tình cảm lưu luyến trong tấm lòng.  
Đưa thần linh về, đóng được đại thuyền đặt đầu bến hải.  
Đến thì trong thuyền không có gì, về thì trong thuyền mang lợn về.  
Đưa thần linh về, đóng xong được đại thuyền đưa thuyền ra biển đi, đến thì  
trong thuyền không có gì, về thì trong thuyền mang đầy rượu có hương thơm về.  
Đưa thần linh về, đóng làm đại thuyền đưa vua ra biển về.  
Đến giờ trong thuyền không có gì, về thì trong thuyền đóng tiền vàng đóng  
rượu chum.  
Đưa thần linh về, nhỏ leo chèo thuyền đi về hướng phủ.  
Giờ đây thuyền đậu bến hải, đại thuyền đưa qua mấy hải lí.  
Đưa thần linh về, cầm gạo vãi ra tiễn thần linh ra về.  
Cầm gạo vãi ra tiễn thần linh ra về, tiễn đưa thần linh đi về phủ môn.  
Đưa thần linh về, đưa thần linh về đến nhà quan.  
Đưa thần linh về, đi đến nhà của thần linh, xe âm âm đưa thần linh về phủ.  
Đưa thần linh về, đưa thần linh về đến phủ Hèng Pèng.  
Đưa thần linh về đến nhà ở Hèng Pèng, xe đến miếu thần nơi đất bằng  
phẳng.  
Đưa thần linh về, đưa thần linh về đến miếu Phúc Linh.  
Đưa thần linh về đến nơi Phúc Linh miếu, xe đưa thần linh âm âm đi đến  
miếu thần.  
Đưa thần linh về, đưa thần linh đi về đến nơi Phúc Giang miếu, đưa thần  
linh đến nơi Phúc Giang miếu.  
Xe song song đưa thần linh về miếu.  
Đưa thần linh về, đưa thần linh về đến nơi Xù Phây.  
Đưa thần linh về nơi Xù Phây miếu, xe đưa về đến miếu thần không lo âu.  
Đưa thần linh về, đưa thần linh về đến nơi Dương Châu .  
Đưa thần linh về đến nơi Dương Châu miếu, xe đưa về đến miếu thần không  
lo âu.  
Đưa thần linh về, người thầy cầm bát hương đưa ra trước cửa.*

*Bát hương và bát nước đổ xuống đất, dù đất ra vàng bạc thân không đến thân không lại nữa.*

## **Quyển 2:**

### **Bài 2: ĐIỀU NHỦN DUNG (ĐỐI ĐÁP)**

Kầy má quya trai tài thau ôi nhủn, hieu nhan khuyên pái mả long piên mả nong tàu.

Hỷ phủng phiêu nhan nòng ma ôi xiểu, xiêm xỷ hắng mai thàu nhủn miền thàu nhủn tàu.

Xây chùn khuya khoi tài khâu ôi nhủn, hieu nhan khuyên pá guyên chùn piên guyên chùn tàu.

Hỷ phủng phiu nhan lọ nhàng ôi xiểu, chiêm xỷ hắng mai thàu nhun miền thàu nhun tàu.

Tông so chín cha tăng xui ôi chín, xầy miền hâu ôi nhủn xây cu toày xầy tông lìn.

Tan xay cù toày vìn dầm vãn ôi quya dầu xin nhĩa miễn chầy mùi dòi tài xin xình.

Tông so hâu nhủn xình chà ôi hâu, xỷ châm vìn nhủn xây mản xiêu, xây mản xìn.

Tan xay tông lìn vìn dâm ôi quya, dẫu xin nhĩa miễn tài thìn xình tài sáng cà.

Tông so hôi nhủn xây tàng ôi chây, xâm chấy châm vãn nhủn piên man xình piên man xiêu.

Tan xay man xiêu dầm vìn dâm ôi quya, sát lầu puồng khoa điều dê siêu điều dê thìn.

Tông so hâu nhủn xây miền ôi hâu, hâu hủi chíp on pạ xà mưa liêu tàn xà mưa.

Thìn đấng nợ dất cà đặng ôi sáng, sui thui sà mưa tửn tuằng giàng.

Tông so hâu nhủn sày miền ôi hâu, hâu lữ chíp on quà luâng tàu quà luâng piên.

Tông so hâu nhủn pi khoi ôi dí, chi dít mỷ khoi nhủn piên pìn.

Tông so hâu nhủn sày miền ôi hâu, hâu liu chip on pàng lây chòong pàng lây xiêu.

Tà mì chẳng pải vắn chung pịa ôi mùa, sây châm vắn lúu dả mu dàu dả mu điề.

Điề nhủn ôi thẩu, điề nhủn thẩu loong dày piễn lìn dày piễn cầu.

Điề nhủn thau long xoong siêu ôi thiếp, í pủng nhủn tàu nọ tẳng tàu nọ tẳng piễn.

Điề nhủn ôi lầu, điề nhủn tau long dày piễn diền dày piễn điề.

Chiêm nhìn điề thau, dằng muồn ôi nghĩa, ku lìn điề thẩu pít miền chiề pít miền sun.

Điề nhủn ôi thẩu điề thẩu thìn pềng tày da pềng.

Thìn pềng tày pềng địa phảy ôi hâu, điề thẩu thìn điềng chẳng xu vĩa.

Điề nhủn ôi thẩu điề thẩu thìn điềng tày da diền thảy da pềng.

Thìn pềng tày điềng địa phảy ôi hâu, điề thẩu thìn pềng tày dả pềng chuồng pịa muồn.

Pa cháy Tâm Chiề thẩu mâu ôi bắt, mản cháy Quây Chiề trùng pịa in trung pịa câu.

Tra chiề xinh xinh vắn ôi nhủn, pần tàu phía pọ mản xin xầu mản xinh lìn.

A lí chầu tàu lí chia ôi lìn, lí địa Tâm Chiề tràu tran pùi.

Thìn dăng lọ dất cà dăng ôi sảng, tâm hùng quây xiêu giả mù ùi giả mù tài.

A lí tràu tàu lí chia ôi lí, lí địa Tâm Chiề khùng khĩa cầu.

Thìn dăng lọ dất cà dăng ôi sảng, sệ thỏ nhủn tàu pủng phía xiu pủng phía xiêu.

Dần sảng ôi liu quây lựa chay pa khoi lựa tài chùn pạ tai pây.

Pua tụ tài chùn xềng khuya ôi khoi, điề nhủn pàng khuây kiu pa say.

Dầm sảng ôi liu, dăng cang pạ pây sềnh địa than sềnh địa chiề.

Xeng thẩu piễn than dăng ca ôi liu, piễn chẳng a lí miền thìn phây.

Dầm sang ôi liu, liều tìu quây xầu địa hàng Than địa hàng Chiề.

Nhãn va Liề Chiề còong xui ôi tải, tải chùn xềng quỳa dầm sảng dầm sàng than.

Dầm sang ôi liu quàng xui mua díp dần linh linh dần khuấy khuấy.

Khuâng xui mua díp linh linh khuấy khuấy ôi dần, ánh sáng dần tiu chuồng pịa thìn chuồng pịa quây.

Cà đàng liềm liềm khụ chỏo ôi xiu, tụ kín lầu pin liệp chay dềnh liệp chay duây.

Xuất pụa mìn chín chuồng chiên ôi xín, long chỏi phầu Nầm chợ xiu hềng chợ xiu quây.

Dịch:

*Thần linh cười ngựa qua chợ đến để đi lấy lễ, bảo nàng cười ngựa giữ cho chắc.*

*Không để nàng phải xuống ngựa mà cùng đi, giờ đây lại có người đến để nhận lễ đầu tiên.*

*Đi thuyền qua biển đến để nhận lễ, bảo nàng ngồi thuyền giữ cho chắc.*

*Cùng nhau ca hát đừng bỏ đi nơi khác, giờ đây hứa với thần giả lễ đầu.*

*Trước kia người ta cô chề bây giờ người ta sao chề, sư thầy phải mời thần linh về và hứa sau này sẽ phải trả lễ.*

*Sau này trả lễ phải sắp bàn mời thần linh về ngự trên bàn rồi mới được trả lễ mượn người ngoài đến hát để trả lễ giúp.*

*Trước kia làm lễ hứa với thần linh giả lễ chề, giờ đây trả lễ thì dùng bằng lễ vật.*

*Giờ đây vừa ca hát vừa lắc chuông theo nhịp để trả lễ thần linh, phải mượn người ngoài đến để hát ca nghe ca.*

*Giờ phải sắm đủ lễ vật để trả lễ thần linh, phải trả lễ như đã hứa không thì thần không chấp nhận.*

*Giờ đây phải trả lễ thần nếu không trả lễ như đã hứa là không được, thần linh mau chóng đến nhận lễ.*

*Trước khi làm đám mường người ta phải hứa trước một, hai năm xong rồi mới trả lễ phải có giấy hứa đặt lên bàn thờ.*

*Trả lễ đến sáng sớm mai là kết thúc đám mường, như nước chảy trôi gỗ đến giữa dòng.*

*Trước kia hứa lễ nhờ thầy về cúng hứa, hứa lễ trong tờ giấy cuốn cho vào ống đặt lên bàn thờ.*

*Trước kia hứa lễ đá không có lá, đá lá không nở lễ vẫn phải trả.*

*Trước kia hứa lễ do sư thầy đến hứa giúp, hứa xong cất vào trong ống để trên bàn thờ.*

*Lỡ rằng bái lễ tâm linh có lễ rồi chẳng nhẽ không trả thần linh, giờ đây trả lễ xong không lo âu không phải lo lắng gì nữa.*

*Mang lễ đến để cho ba em trai lắc xong rồi đến ba em gái cầm rung, cuối cùng đến cô giữa cầm chắc cái lễ.*

*Thầy cầm lễ bái lễ thần linh xong thầy đưa lễ cho em nam, em nam phải đưa hai tay đỡ lấy không được bỏ cái lễ rơi xuống đất rơi xuống ghé.*

*Mang đúng những lễ vật mà mình đã hứa trước đây cho ba nam cầm trước.*

*Năm nay mang lễ đến đúng cửa giữa, năm sau lễ vật sẽ mang đến trả cho thần linh đủ.*

*Thần linh nhận lễ vật mang lễ về đúng nơi ở của thần linh.*

*Quê hương của thần linh có chút mưa nhỏ, mang lễ đến nơi thần linh ở phải đúng lễ vật.*

*Mang lễ vật đầy đủ đến nơi phủ điện thần linh ở.*

*Mang lễ vật đến đúng nơi điện thần linh ở, mang lễ đến đúng nơi cửa điện thần linh ở quê hương thần linh bao giờ cũng có mưa nhỏ*

*Bút chính bên phủ Đại Chiêu làm bằng lông thỏ, mực chính thì được làm ở phủ Quý Châu.*

*Gia chủ có vài câu nói để giả lễ vật, cầm bút viết mấy lễ để giả đúng sau này ngàn năm không ai chê trách.*

*Con sáo đậu trên cây lúc nào cũng hót, hót xuống Đại Châu rượu chén lễ.*

*Trời sáng một buổi đám màng tan, thần linh về rồi không đến nữa không đến lại.*

*Con sao trên cây hót, hót xuống Đại Châu không vang vọng*

*Trời sáng một buổi ca hát xong, trả xong lễ vật đốt hóa cho thần linh mang về.*

*Không hát thì hết rồi sáu bên hoa nở bó lại đem lên đại thuyền.*

*Sắp được đại thuyền thì chèo thuyền qua biển, mang lễ vật đến để thầy trả lễ cho thần linh.*

*Không hát thì hết rồi, lấy rom rút lõi xong xô tiền đem lên thuyền mang đi qua suối về nhà thần linh.*

*Thuyền đến bên dòng đứng lễ vật, giấy treo mang đi như sáo bay trên trời.*

*Không hát hết rồi, để một đoạn hát xuống phủ Than phủ Chiêu.*

*Bây giờ phủ Liễu Châu rất nhiều nước, đại thuyền đưa qua không phải lo âu.*

*Không hát thì hết rồi gặp gió cây rung lá rơi phấp phới.*

*Gặp gió cây lá đung đưa, lại hát một đoạn đưa vào sân đưa vào trong.*

*Đám màng trong đó đông người để nói chuyện cười, được gặp bên đường cùng tiễn đưa.*

*Bảo mọi người mình cùng thờ thần linh, mình ở phủ Nam cười nói đi cười nói về.*

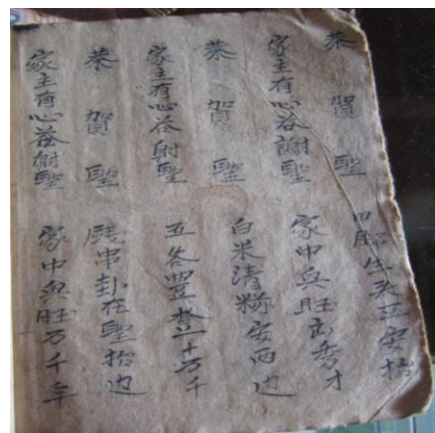
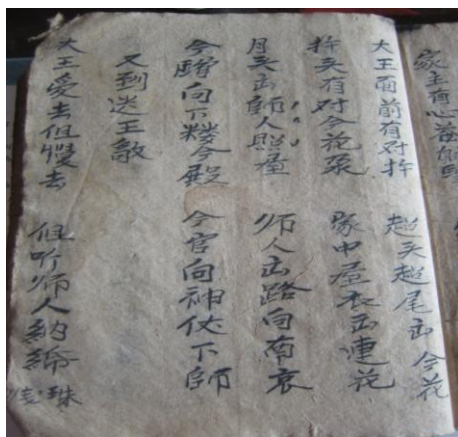
**Phụ lục 3:**

**MỘT SỐ HÌNH ẢNH THIÊN NHIÊN, LÀNG BẢN VÀ LỄ CẤP SẮC CỦA NGƯỜI DAO LÔ GANG Ở HỢP TIẾN, ĐỒNG HỠ, THÁI NGUYÊN.**



**Một số hình ảnh thiên nhiên ở Hợp Tiến - Đồng Hỷ - Thái Nguyên**

**(Ảnh của tác giả đề tài chụp ngày 02/04/2016)**



**Sách của người Dao Lô Gang ở Hợp Tiến - Đồng Hỷ - Thái Nguyên**

**(Ảnh của tác giả đề tài chụp ngày 05/06/2015)**



**Sách của người Dao Lô Gang ở Hợp Tiến - Đồng Hỷ - Thái Nguyên**  
**(Ảnh của tác giả đề tài chụp ngày 05/06/2015)**



**Mũ của thầy cúng người Dao Lô Gang ở Hợp Tiến - Đồng Hỷ - Thái Nguyên**  
**(Ảnh của tác giả đề tài chụp ngày 02/04/2016)**



**Trang phục của thầy cúng người Dao Lô Gang ở Hợp Tiến - Đồng Hỷ - Thái Nguyên**  
**(Ảnh của tác giả đề tài chụp ngày 02/04/2016)**



**Tù và**  
(Ảnh của tác giả đề tài chụp ngày  
02/04/2016)



**Chuông đồng**  
(Ảnh của tác giả đề tài chụp ngày  
02/04/2016)



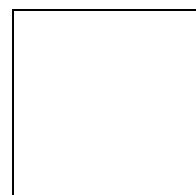
**Xin đài âm dương**  
(Ảnh của tác giả đề tài chụp ngày  
02/04/2016)



**Dụng cụ in tiên âm**  
(Ảnh của tác giả đề tài chụp ngày  
02/04/2016)



**Chuẩn bị lễ để tạ thần linh**  
(Ảnh của tác giả đề tài chụp ngày  
22/03/2015)

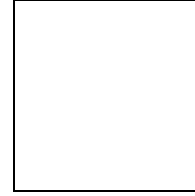
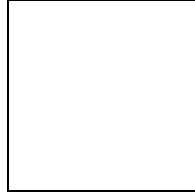


**Lễ hỏi ý kiến tổ tiên**  
(Ảnh của tác giả đề tài chụp ngày  
22/03/2015)



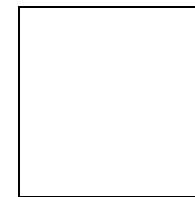
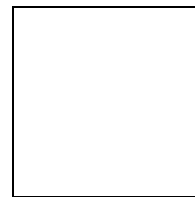
**☒ Lễ quăng đèn (khai đèn)**

**Lễ quăng đèn (khai đèn)  
(Ảnh của bà Bàn Thị Lan – Thái  
Nguyên chụp ngày 22/03/2015)**



**Lễ trình diện**

**(Ảnh của bà Bàn Thị Lan – Thái Nguyên chụp ngày 23/03/2015)**



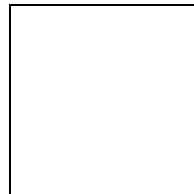
**Lễ cúng và hát Hầu Vua**

**(Ảnh của tác giả đề tài chụp ngày 23/03/2015)**



**Lễ tiễn thân linh**

**(Ảnh của tác giả đề tài chụp ngày 23/03/2015)**



**Thầy cúng cấp sắc (người dịch sách)  
(Ảnh của tác giả đề tài chụp ngày  
02/04/2016)**

**Tác giả đề tài và những em bé người  
Dao Lô Gang  
(Ảnh của tác giả đề tài chụp ngày  
23/03/2015)**